

PHỤ LỤC II

NHIỆM VỤ BẢO TỒN CỦA ĐỀ ÁN

STT	Nội dung	Dân tộc	Địa bàn	Ý nghĩa, thực trạng	Quy trình thực hiện
I <i>Bảo tồn, phát huy 05 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 02 di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại</i>					
1	Truyền dạy Nghệ thuật Hát then - đàn tính	Thái	Bản Vàng Pheo, xã Mường So, huyện Phong Thổ	<p>Hát Then là loại hình nghệ thuật dân gian tổng hợp nhiều yếu tố về ngữ văn, âm nhạc, mỹ thuật, múa, diễn xướng dân gian có giá trị về lịch sử, văn hóa, xã hội; cầu nối giữa con người với trời đất và thế giới thần linh. Đồng bào dân tộc Tày, Nùng, Thái thường sử dụng hát Then vào những dịp trọng đại như: Các nghi lễ cầu mùa, cầu yên, cấp sắc... Người Tày, Nùng, Thái dùng tiếng đàn tính để thay lời muốn nói, để bày tỏ nỗi niềm... Khi thực hành các nghi lễ, người hát Then không thể thiếu được các dụng cụ như đàn tính, chùm xóc nhạc, quạt, thẻ âm dương (thên), kiếm. Đàn tính là nhạc cụ mang “hồn cốt” dân tộc, cầu nối giữa con người với thế giới tâm linh... Đặc biệt, trong thời kỳ chống Pháp, hát Then là "vũ khí" tuyên truyền hiệu quả nhằm cổ vũ, khích lệ tinh thần yêu nước, đấu tranh của đồng bào các dân tộc trên khu vực biên giới phía Bắc. Những câu chuyện trong nghi lễ Then phản ánh thế giới quan, nhân sinh quan, lịch sử, tập tục sinh hoạt của dân tộc Tày, Nùng, Thái.</p> <p>Hát then đàn tính đã khẳng định bản sắc văn hóa phong phú của dân tộc Thái tại Lai Châu, sự gắn kết cộng đồng, là loại hình nghệ thuật độc đáo có sự kết hợp giữa vẻ đẹp của con người và thiên nhiên, giữa giá trị nghệ thuật với yếu tố tinh thần. Hát then, đàn tính góp phần làm nên tính đa dạng trong văn hóa của cộng đồng dân tộc Thái nói riêng, các dân tộc Việt Nam nói chung, đây cũng là cách để người Thái bày tỏ khát vọng về cuộc sống bình yên, khát vọng vươn lên ấm no, hạnh phúc.</p> <p>Hát Then đàn tính vừa là sản phẩm tâm linh mang tính sử liệu về đời sống văn hóa xã hội tộc người, vừa là tinh hoa đúc kết truyền đời của một nghệ thuật dân gian tích hợp các loại hình văn học, âm nhạc, múa, sân khấu, hội họa. Những người thực hiện Then</p>	<p>- Xây dựng các câu lạc bộ bảo tồn di sản Then trong cộng đồng gắn với văn hóa dân gian dân tộc Thái.</p> <p>- Biên soạn tài liệu truyền dạy.</p> <p>- Tổ chức truyền dạy.</p> <p>- Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch cộng đồng tại địa phương</p>

đều là dân lao động, họ nắm vững phong tục tập quán, trực tiếp tiến hành những nghi lễ quan trọng cho cộng đồng, cá nhân ở các cột mốc chính của đời người. Vì thế, Then được khẳng định là “bắt nguồn từ cuộc sống lao động của nhân dân” là một không gian văn hóa dân tộc, một tác phẩm văn học nghệ thuật dân gian đa dạng, vừa phản ánh, mô tả, gửi gắm những lời nhắn nhủ của ông cha. Có thể tìm thấy trong Then không chỉ các thể thơ dân tộc, mà còn cả những biện pháp tu từ, ẩn dụ... của nghệ thuật ngôn từ; làn điệu của tầng dân ca, dân nhạc, điệu múa cổ xưa nhất...

Di sản Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái ở Việt Nam đã chính thức được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) ghi danh vào Danh sách Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Tuy nhiên hiện nay việc bảo tồn, phát huy giá trị của di sản trong cộng đồng theo quy định vẫn chưa được quan tâm đúng mức, chưa thật sự phát huy giá trị của di sản, việc duy trì sinh hoạt chưa thường xuyên, chưa phát triển quy mô tầm ảnh hưởng của di sản.... Số lượng nghệ nhân, người nắm giữ và thực hành di sản chưa được tạo điều kiện để truyền dạy cho thế hệ trẻ, chưa nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, tư liệu hóa thành tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác nghiên cứu, lưu giữ cũng như tuyên truyền

Múa xòe có từ bao giờ không ai nhớ nổi. Chỉ biết rằng, từ rất xa xưa, người Thái vùng Tây Bắc nói chung người Thái tỉnh Lai Châu nói riêng đã truyền nhau câu hát: “*Không xòe không vui/ Không xòe cây ngô không ra bắp/ Không xòe cây lúa không trở bông/ Không xòe trai gái không thành đôi*”. Vì thế, chẳng cuộc vui, ngày hội nào của người Thái có thể vắng bóng những điệu xòe, dù là ngày vui nhỏ của mỗi gia đình hay lễ lớn của cả bản làng, bởi “*Anh không xòe thì hoa héo đi/ Em không xòe trời xuân qua đi...*”. Người Thái Lai Châu không chỉ múa xòe trong những dịp lễ Tết, mà trong những lễ hội của các bản làng như Xên bản, Xên mừng (lễ cúng bản, cúng mừng) , trong bất cứ tiệc lớn, tiệc nhỏ hay trong những ngày vui của dòng họ, gia đình, như: lễ mừng cơm mới, mừng nhà mới, trong đám cưới hỏi hoặc đơn giản là khi nhà đón khách quý... đồng bào người Thái đều tổ chức ăn mừng và múa xòe, bởi họ quan niệm, nếu không xòe, tiệc đó không vui và không thành công. Chính vì vậy, xòe đã trở

- Xây dựng các câu lạc bộ bảo tồn di sản Then trong cộng đồng gắn với văn hóa dân gian dân tộc Thái.

- Biên soạn tài liệu truyền dạy.

- Tổ chức truyền dạy.

- Bảo tồn, phát huy di sản văn hóa gắn với

2	Truyền dạy Nghệ thuật múa Xòe, dân tộc Thái	Thái	Bản Vàng Pheo, xã Mường So, huyện Phong Thổ

thành một phần cuộc sống, như cơm ăn, nước uống hằng ngày của đồng bào Thái vùng Tây Bắc. Do sống giữa thiên nhiên hùng vĩ, cùng với sự cần cù, tinh thần sáng tạo trong công cuộc chinh phục thiên nhiên, nên mỗi khi hoàn thành một công việc trọng đại, người Thái lại nắm tay nhau quanh đồng lửa nhảy múa ăn mừng. Những điệu xòe hình thành phát triển từ đó.

phát triển du lịch cộng
đồng tại địa phương

Nhiều điệu nhảy trong múa xòe mô phỏng những bước đi của cha ông, khai phá đất đai, phát rẫy, trồng lúa, lấy nước, tung khăn, mời rượu..., tất cả đều diễn tả sinh động thực tế cuộc sống, thể hiện những ước mơ, khát vọng của người Thái. Bởi vậy, mỗi dịp lễ, Tết hay trong ngày vui của dòng họ, gia đình, của bản làng, nhất là khi nhà đón khách quý..., vòng xòe thường được tổ chức như một nghi lễ dân gian để đón mừng. Địa điểm tổ chức múa xòe có thể là ở sân nhà, trên sân khấu, dưới gốc cây hoặc trên sân bãi. Những người tham gia múa xòe tay trong tay, vai kề vai, người nọ bước theo chân người kia. Ít người thì một vòng nhỏ hẹp, nhiều người thì vòng lớn, nhiều hơn nữa thì vòng tròn kép ... Các vòng xòe quay ngược chiều nhau trông rất đẹp mắt. Động tác, đội hình xòe rất giản dị, các bước đi của vòng xòe rất gần gũi với nhiều động tác hoạt động của con người trong lao động và sinh hoạt hàng ngày...

Xòe được hình thành và phát triển cùng với quá trình lịch sử hình thành bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng người Thái, gắn liền với cuộc sống, sinh hoạt, thể hiện đời sống vật chất và tinh thần của người Thái. Trong cuộc mưu sinh để tồn tại và phát triển, người Thái luôn cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, chinh phục thiên nhiên, anh dũng đấu tranh chống lại thú dữ. Mỗi khi hoàn thành một công việc trọng đại, chinh phục được thiên nhiên hay chiến thắng kẻ thù là thú dữ mọi người lại nắm tay nhau không phân biệt nam, nữ, già, trẻ và nhảy múa ăn mừng quanh đồng lửa. Hoạt động ấy được lặp đi lặp lại nhiều lần, dần dần được nâng lên cả động tác lẫn ý thức, hình thành lên các điệu xòe. Ngoài các điệu múa, như xòe quạt, xòe khăn, xòe nón, xòe quả nhạc, người Thái còn rất nhiều điệu xòe mang tên những sự việc, nội dung, đạo cụ, như xòe chan khon, xòe kép phắc, xòe kép bók... Thống kê cho thấy, người Thái có đến trên 30 điệu xòe, nhưng tất cả đều bắt nguồn từ sáu điệu xòe cổ (sáu

điệu xòe cơ bản). Đó là điệu xòe “Khắm khăn mời lẩu” - nâng khăn mời rượu; “Phá xí” - bỏ bốn; “Đồn hôn” - tiến lùi; “Nhôm khăn” - tung khăn; “Ổm lợm tốp mư” - vòng tròn vỗ tay và điệu “Khắm khen” - nắm tay. Chỉ một động tác, một dáng đi, cách đứng, cách xếp đội hình, cách chuyển động cũng là những cung bậc sắc thái, những ý nghĩa khác nhau mà điệu xòe thể hiện.

Có thể nói, trong sinh hoạt văn hóa của cộng đồng người Thái ở các tỉnh thuộc vùng Tây Bắc, múa xòe là một “đặc sản” văn hóa, là sân chơi cho người dân giải trí sau những ngày lao động vất vả, là món ăn tinh thần không thể thiếu trong đời sống của đồng bào các dân tộc Thái Tây Bắc

Nghệ thuật xòe Thái đã được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia và tháng 3/2019, Việt Nam đã đệ trình Hồ sơ di sản phi vật thể Nghệ thuật Xòe Thái đề nghị UNESCO ghi danh vào Danh sách di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Nghệ thuật xòe Thái đã là hoạt động không thể thiếu trong phát triển du lịch.

Sức sống lâu bền của điệu xòe lan tỏa, được cộng hưởng sẽ tạo nên sức hấp dẫn.

Tuy nhiên hiện nay việc bảo tồn, phát huy giá trị của di sản trong cộng đồng theo quy định vẫn chưa được quan tâm đúng mức, chưa thật sự phát huy hết giá trị của di sản, việc duy trì sinh hoạt thường xuyên, chưa phát triển quy mô tầm ảnh hưởng của di sản.... Số lượng nghệ nhân, người nắm giữ và thực hành di sản chưa được tạo điều kiện để truyền dạy cho thế hệ trẻ, chưa nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, tư liệu hóa thành tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác nghiên cứu, lưu giữ cũng như tuyên truyền

3	Duy trì Lễ hội Gầu Tào	Mông	Bản Sin	Gầu Tào là nghi thức truyền thống đã có từ lâu đời của dân tộc Mông với mục đích cầu con, cầu sức khỏe, cầu may mắn, mùa màng bội thu, dân bản có cuộc sống ấm no, thịnh vượng	- Sưu tầm, xây dựng kịch bản; - Trưng tập nghệ nhân, người am hiểu tập huấn, truyền dạy cho
			Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong		
				Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa có tính cộng đồng cao thời gian tổ chức trong khoảng ngày 4 – 10 tháng giêng (Âm lịch) đây là thời gian chơi tết của đồng bào nên thu hút được đông đảo người tham gia từ nhiều khu vực khác nhau; Hơn nữa trong lễ	

<p>4</p> <p>Truyền dạy Nghề dệt thổ cẩm (dân tộc Lự)</p>	<p>Lự</p> <p>Bản Thảm, xã Bản Hon, huyện Tam Đường</p>	<p>Thổ hội Gầu tào ngoài ý nghĩa tâm linh sâu sắc thì tại đây còn tập trung và hội tụ được rất nhiều bản sắc văn hóa độc đáo, đặc sắc, biểu trưng của đồng bào dân tộc Mông như: Nghệ thuật trình diễn dân gian: Hát đối đáp, hát dao duyên, hát tâm tình tự sự, múa khèn, múa ô, đàn môi, kèn lá, hát ống...; Trò chơi truyền thống: Ném pao, đẩy gậy, bắn nỏ, chơi cù, leo cột mỡ....; Âm thực truyền thống: Thắng cố, mèn mén, các loại bánh, sản vật của địa phương, sản phẩm của nghề thủ công truyền thống...; đây cũng là dịp thuận lợi để người Mông thăm hỏi, gặp gỡ tăng cường tinh thần đoàn kết cộng đồng</p> <p>Hiện nay Lễ hội vẫn được duy trì thường niên tuy nhiên quy mô, cách thức tổ chức và đặc biệt là nội dung của phần hội về nghệ thuật trình diễn dân gian, trò chơi truyền thống, sản phẩm của nghề thủ công truyền thống vẫn còn đơn điệu, nghèo nàn chưa làm bật được lên giá trị văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc, tiêu biểu của đồng bào dân tộc Mông</p> <p>Nghề dệt truyền thống từ rất lâu, vải dệt được làm ra nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của gia đình là chủ yếu, các sản phẩm được làm từ vải dệt như: trang phục, vỏ đệm, vỏ gối, vỏ chăn, túi đeo, khăn... nghề dệt truyền thống của dân tộc Lự lưu giữ những phương pháp, kỹ thuật dệt vải bao gồm việc làm ra các sản phẩm cụ thể phục vụ sinh hoạt, các hoa văn trang trí đặc sắc, kỹ thuật dệt may các sản phẩm từ vải dệt có tính thẩm mỹ, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Nghề dệt thổ cẩm không chỉ phục vụ nhu cầu cuộc sống sinh hoạt, đem lại giá trị kinh tế mà điều quan trọng nhất là nghề dệt còn chứa đựng giá trị tinh thần lớn lao, thể hiện quan niệm triết lý của cộng đồng.</p> <p>Các dạng hoa văn trang trí chính là những tín hiệu biểu đạt tâm tư mà người ta dễ dàng cảm nhận, dễ gần gũi và hòa đồng. Khi những tín hiệu đó đã trở thành biểu tượng của cộng đồng thì sự thống nhất trong cách trang trí hoa văn chỉ là mối quan hệ họ hàng thân thuộc. Mặt khác, hoa văn còn biểu hiện mối quan hệ với các tộc người trong khu vực, đó là các yếu tố vay mượn, sao chép có chọn lọc, cải biên. Một số đồ án và trang trí hoa văn trên vải của dân tộc Lự có những điểm tương đồng với một số dân tộc trong</p>	<p>thế hệ sau</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức lễ hội (quy mô vùng, khu vực); - Hoàn thiện sản phẩm, in ấn, phát hành và bàn giao <p>Để bảo tồn, phát huy giá trị của nghề dệt thổ cẩm dân tộc Lự vừa là nghề thủ công truyền thống dân tộc, vừa tạo ra sản phẩm quà tặng lưu niệm cần phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa, thiết kế mẫu sản phẩm 2. Tổ chức lớp truyền dạy trong cộng đồng 3. Xây dựng hồ sơ
--	--	--	---

cùng vùng cư trú như: hoa văn hình chữ thập, hoa văn hình đồng tiền, hoa văn sao tám cánh... Là một sự phản ánh khách quan về quá trình ảnh hưởng, giao lưu văn hóa giữa các tộc người cộng cư trên cùng một vùng lãnh thổ.

Ngoài ra, trong phong cách trang trí và tính quy phạm của các loại hoa văn với màu sắc của nó cũng thể hiện những luật tục, những kiêng kỵ trong cộng đồng. Như vậy, có thể khẳng định, hoa văn cũng là một trong những nguồn sử liệu quý khi nghiên cứu về lịch sử văn hóa tộc người.

Những năm gần đây, số lượng nghệ nhân, người nắm giữ và thực hành di sản ngày càng ít và chủ yếu là người cao tuổi họ chưa được tạo điều kiện để truyền dạy cho thế hệ trẻ. Chưa nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, tư liệu hóa thành tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác nghiên cứu, lưu giữ cũng như tuyên truyền. Do ảnh hưởng trực tiếp của tiến trình đổi mới với nội dung cơ bản là công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đặc biệt là sự phát triển mạnh mẽ của du lịch, kinh tế - xã hội đã có những thay đổi đáng kể. Đời sống của người Lự được nâng cao Lai Châu đã trở thành một trong những điểm nhấn quan trọng của du lịch. Với những tiến bộ của khoa học và công nghệ, người Lự cũng được tiếp xúc rộng rãi hơn với thế giới bên ngoài. Đó là những thành tựu không thể phủ nhận. Tuy nhiên, cũng vì thế mà văn hóa truyền thống nói chung, hoa văn trên vải nói riêng của người Lự ở Lai Châu bỗng trở nên mong manh trước sức ép của nền văn hóa công nghiệp mang tính toàn cầu. “Tự đánh mất bản sắc văn hóa của mình” đang là nguy cơ tiềm tàng.

công nhận di sản văn hóa phi vật thể ở các cấp... theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá di sản

5. Tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm của các nghề thủ công truyền thống

5
Duy trì
Lễ Tủ
Cải
Dao
Bản Si
Thâu
Chải, xã
Hồ
Thầu,
huyện
Tam

Tủ Cải là một nghi lễ tín ngưỡng tâm linh của người Dao Đầu Bàng chứng nhận đứa bé trai đã trưởng thành, được tổ tiên, thần linh nhận mặt, khi chết được về với tổ tiên.

Theo ngôn ngữ của dân tộc Dao, “Tủ” là báo cáo, “Cải” là đặt tên, vì vậy, “Tủ Cải” là lễ báo cáo với thần linh, tổ tiên về việc đặt tên thứ 2 (tên âm) cho người con trai khi đã trưởng thành. Tên thứ hai là để “giao tiếp” với tổ tiên. Bởi theo phong tục của người dân tộc Dao khi cúng lễ tổ tiên họ kiêng dùng tên thật. Người quan niệm: Ai muốn được công nhận là con cháu Bàn Vương - tức là thuộc huyết thống tộc người Dao, bắt

- Sưu tầm, xây dựng kịch bản;

- Trung tập nghệ nhân, người am hiểu tập huấn, truyền dạy cho thế hệ sau

Đường buộc phải qua Lễ Tũ Cải, để khi chết đi linh hồn được quy tụ về đất tổ. Cho dù nhiều phong tục tập quán của người Dao, đã có phần mai một nhưng Lễ Tũ Cải đến nay vẫn được tổ chức trong các làng bản Dao cũng bởi nó có những lễ thức mang ý nghĩa giáo huấn. Ấy là khi thầy cúng qua lời khấn của mình khuyên răn chàng trai làm điều thiện. Người Dao cho rằng, những người con trai qua lễ cấp sắc mới có tâm, có đức, biết phân biệt phải trái, mới có đủ tư cách làm các công việc trong lễ cúng Bàn Vương, lễ cúng tổ tiên vào các dịp Tết lễ. Và trên thực tế, những người đã được làm Tũ Cải bao giờ cũng tự điều chỉnh mình sống tốt đẹp hơn với cộng đồng. Và điều quan trọng theo quan niệm của họ là có làm lễ cấp sắc thì sau khi chết hồn mới về đoàn tụ với tổ tiên ở thế giới bên kia.

Sau cuộc lễ, dân bản tổ chức hát múa, liên hoan chúc cho sự trưởng thành của các chàng trai và như muốn thay lời các chàng trai thể hiện ý chí cùng nhau chung sức chung lòng đoàn kết gia đình và dòng tộc để xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc.

Trong đời sống tín ngưỡng của người Dao Đầu Bàng, chưa qua Tũ Cải cũng đồng nghĩa với việc chưa có linh hồn, thậm chí người đàn ông có chết cũng không được làm ma, không được cộng đồng thừa nhận với tư cách một cá nhân độc lập... Bởi lẽ ấy, với đàn ông Dao Đầu Bàng, dù giàu hay nghèo, ai cũng phải có một lần làm Lễ Tũ Cải trong đời; người giàu có thể cúng trong 7 ngày, người nghèo cúng trong 3 ngày, hoặc có thể chung mấy gia đình để làm lễ cho các con tiết kiệm chi phí.

Với người Dao, Lễ Tũ Cải cũng là quá trình mang thai, sinh nở của người mẹ, người mẹ ở đây chính là các thầy cúng có nghĩa vụ thiêng liêng, hoài thai, sinh sản, ghép vào đứa bé trai phần linh hồn của người đàn ông. Sau Lễ Tũ Cải, mỗi đứa bé trai có thêm ba người bố cũng chính là ba người thầy đã mang lại cho chúng ba phần hồn và một cái tên mới, cái tên này chỉ để “trò chuyện” với thần linh và tổ tiên. Cũng từ sau Lễ Tũ Cải, người con trai chính thức được cộng đồng coi là người trưởng thành và được tôn trọng.

- Tổ chức lễ hội (quy mô vùng, khu vực);
- Hoàn thiện sản phẩm, in ấn, phát hành và bàn giao

6	Trò chơi Kéo co trong nghi lễ	Thái	Bản	Nghi lễ và trò chơi kéo co thường được tổ chức trên các thửa ruộng sau khi thu hoạch, hoặc ở sân đình, đền nằm ở vị trí trung tâm của bản. Khi thực hành nghi lễ kéo co, loại dây được nhiều dân tộc sử dụng là dây song mây. Theo quan niệm của đồng bào, đây là loại cây có sức sống mạnh mẽ, dẻo dai ở những vùng có điều kiện tự nhiên khó
			Vàng Pheo, xã Mường	

của
người
Thái

So,
huyện
Phong
Thổ

khăn, khắc nghiệt và còn mang ý nghĩa tượng trưng cho rồng thiêng “pềng luông” luôn mang lại sự may mắn cho con người. Với ý nghĩa đó, khi chọn dây kéo được cộng đồng lựa chọn kỹ lưỡng và thường gắn những kiêng kỵ như: chọn ngày, không chọn cây chết, cây cụt ngọn; không được ai bước qua sợi dây; dây chặt song không được để chạm xuống đất...vì họ sợ làm sợi dây mất thiêng. Dây kéo co được cuộn tròn hoặc kéo cả sợi về nhà thầy Mo, hoặc hoặc đặt ở đền, đình của làng để thầy cúng làm lễ.

Ở giữa sợi dây kéo, ban tổ chức buộc một dải vải đỏ với ý nghĩa làm mốc đánh dấu khi thi đấu, ngoài ra dây vải đỏ còn mang ý nghĩa tượng trưng cho mọi việc được may mắn, thuận lợi, lúc nào cũng rực rỡ, thành công. Làm lễ xong, Tào bản chọn ra hai đôi nam nữ gồm có 4 người là những người có uy tín, địa vị trong làng tham gia kéo trước với ý nghĩa cầu cho bản mường bước sang năm mới được may mắn, thuận lợi. Khi kéo, bốn người chia làm hai bên, một bên nam, một bên nữ, mỗi bên bốn người. Nam giới đứng ở phía gốc, nữ giới đứng bên phía ngọn dây. Còn những người khác chưa được tham gia thì đứng ngoài cổ vũ.

Thầy mo là người trọng tài để phân xử thắng thua giữa hai đội. Sau khi thầy mo ra hiệu, đội trống, chiêng đánh liên hồi, bên nam sẽ kéo trước, nữ kéo sau, hai bên kéo giằng co nhau chưa phân định thắng thua ngay. Mặc dù đội bên nam khỏe hơn nhưng cũng không được kéo thắng ngay mà hai đội cứ kéo giằng co để mọi người ở ngoài hò reo rộn rã trong tiếng trống, tiếng chiêng. Theo quan niệm của người Thái, tiếng trống được ví như tiếng sấm báo hiệu cho mưa thuận gió hòa, kéo co còn mang ý nghĩa kéo những gì may mắn về bản và đưa những gì không may mắn đi. Đây là nghi lễ nên mọi người tham gia kéo cũng nhẹ nhàng nhưng cũng không làm mất đi sự hấp dẫn, hào hứng. Sau khi kéo đủ ba lần, cuối cùng phân thắng bại giờ cũng thuộc về bên nữ. Bởi họ cho rằng, phụ nữ là mẹ nhà, mẹ bản, bên nữ thắng thì năm đó bản làng mới được nhiều may mắn. Kết thúc nghi thức kéo co, mọi người rót rượu mời hai đội tham gia với ý nghĩa chúc mừng hai đội, sau đó mọi người trong bản chia thành từng đội thi kéo với nhau.

Nghi lễ và trò chơi kéo co truyền thống không chỉ mang đậm dấu ấn lịch sử của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước mà còn mang trong mình những giá trị văn hóa truyền thống đặc sắc. Đó là một nghi thức quan trọng không thể thiếu trong lễ hội của đồng

bào các dân tộc vùng Tây Bắc thể hiện ước muốn về sự sinh sôi, phát triển của con người cũng như vạn vật. Sau phần kéo co nghi lễ, kéo co lại trở thành một hoạt động văn hóa, vui chơi tập thể thu hút đông đảo mọi người dân trong làng bản tham gia tạo không khí vui tươi, hào hứng cho lễ hội; thể hiện sự đoàn kết tương trợ giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và rộng ra là trong làng bản; phản ánh nét đẹp trong văn hóa ứng xử của các thành viên trong cộng đồng.

Ngày nay, nghi lễ và trò chơi kéo co ngày càng phát triển rộng khắp, không chỉ trong các lễ hội truyền thống mà còn trong các dịp lễ, sự kiện văn hóa của địa phương. Với những giá trị đó, Nghi lễ và trò chơi kéo co của đồng bào Tây Bắc nói riêng và của các nước trong khu vực nói chung đã vinh dự được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại. Việc gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn Nghi lễ và trò chơi kéo co của đồng bào các dân tộc vùng Tây Bắc là hết sức cần thiết, góp phần gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc.

II Xây dựng 03 hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia

<div>1</div> <div>Âm thực truyền thống đặc sắc của dân tộc Thái</div> <div>Thái</div>	<div>xã Mường So, huyện Phong Thổ</div> <div> <p>Khi đến Lai Châu, du khách không chỉ đắm say trong cảnh quan thiên nhiên kỳ vĩ, tươi đẹp được tạo hóa ban tặng mà còn mê say trước những nét văn hóa đặc sắc của gần 20 dân tộc anh em và say đắm trong nền văn hóa ẩm thực độc đáo nơi đây, bởi nguyên liệu chế biến các món ăn truyền thống sẵn có từ núi rừng với cách chế biến tài hoa, cách trình bày hài hòa và có giá trị dinh dưỡng cao, do đầu bếp là những bà, những mẹ và những em gái các dân tộc chế biến trong đầy tiêu biểu, độc đáo và đặc sắc nhất là ẩm thực dân tộc Thái. Chính vì vậy, văn hóa ẩm thực các dân tộc Thái có ảnh hưởng lớn đến việc thu hút, tuyên truyền, quảng bá cho du lịch phát triển.</p> <p>Một trong những nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Thái Lai Châu có thể kể đến các món nướng. Các loại thịt gia súc, gia cầm, hay thủy sản đều có thể nướng, trong đó có thể kể đến món thịt nướng như: Thịt thái miếng, ướp gia vị, dùng xiên hoặc kẹp tre tươi đặt lên than hồng. Thịt băm nhỏ, bóp nhuyễn với trứng và rau thơm gói lá chuối, lá dong, kẹp lại, nướng trên than đỏ hoặc vùi tro nóng, khi chín, thịt rất thơm, ăn không ngán. Món cá nướng hấp dẫn bởi hương thơm của cá, vị cay của ớt. Món "pỉnh tộp"</p> </div>	<div> <p>Để bảo tồn, lưu giữ và phát huy ẩm thực truyền thống của dân tộc Thái trong thời gian tới cần thực hiện các nhiệm vụ sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng; 2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo </div>
---	--	---

cũng là cá nướng, nhưng thường dùng bằng cá to như chép, trôi, trắm... mổ lưng, để ráo nước, xoa một lớp muối rang cùng ớt tươi nướng giã nhỏ, hạt mắc khén ướp để cá ngấm gia vị, cứng thịt lại rồi đặt lên than hồng, khi cá chín có vị thơm ngon rất hấp dẫn. Cùng với các món nướng, món xôi của người Thái Lai Châu cũng rất tuyệt vời, đầu tiên có thể kể đến món xôi ngũ sắc được chế biến công phu và màu sắc được lấy từ màu sắc của cây lá trong vườn như màu xanh nhuộm từ lá dong, màu vàng từ nghệ, màu đỏ, tím từ lá cây cơm đỏ, cơm tím... Người Thái có phương pháp xôi cách thủy bằng chõ gỗ rất kỹ thuật. Xôi chín bằng hơi, mềm, dẻo nhưng không dính tay. Xôi được đựng vào ép khẩu hoặc giỏ cơm đáy kín, ủ ấm, giữ cho cơm dẻo lâu. Các món rau xôi của người Thái Tây Bắc cũng rất đặc sắc và ngon ngọt bởi hương sắc của rất nhiều loại rau rừng cùng với gừng tươi, xả băm nhỏ, hạt sen, ớt... trộn đều và xôi chín với chấm chèo ăn vừa bùi bùi, ngọt ngọt vừa có hương vị thơm rất độc đáo.

Đồ uống của người Thái cũng được chưng cất, pha chế bằng những nguyên liệu hoàn toàn tự nhiên. Những hũ rượu được ủ bằng thứ men lá rừng sẽ cho hương vị nồng, êm, dịu, làm say lòng người thưởng thức. Những loại rượu ngâm chuối hột, táo mèo, quả sim, củ đắng sâm, cây mật gấu... sẽ là món quà tuyệt vời mà thực khách có thể dùng để tặng người thân và bạn bè để có thể cảm nhận được sự hoang sơ và hiếu khách của vùng đất Lai Châu.

Mùa nào thứ nấy, người Thái đãi khách bằng sản vật từ tự nhiên ưu đãi ban tặng như: Các loại măng đắng, măng ngọt, măng lay, măng sắt đến các loại củ như: Củ nâu, củ mài, củ niễng đến các loại rau như: Rau dớn, rau gai, rau sắng, rau ngót rừng, lạc tiên, tập tàng, cỏ bọ, rau ban, rêu đá, hoa chuối rừng... Vì vậy từ xưa người dân đã tích lũy, xây dựng được cho mình một nền văn hóa ẩm thực đa dạng, phong phú và vô cùng hấp dẫn. Qua văn hóa ẩm thực của dân tộc Thái, hình ảnh về mảnh đất Lai Châu có truyền thống văn hóa lâu đời, giàu tiềm năng du lịch cùng với con người hiền lành, mộc mạc, hồn hậu, phóng khoáng... có sức mời gọi du khách phương xa cùng đến thăm thú, thưởng lãm, góp phần quảng bá thương hiệu du lịch vùng đất tươi đẹp và giàu bản sắc văn hóa. Bên cạnh các món chính, các món đồ chấm cũng là điểm nhấn đặc biệt trong văn hóa ẩm thực của người dân tộc Thái. Từ hạt mắc khén, ớt nướng và rất nhiều loại

dụng cụ chế biến về giá trị văn hóa truyền thống dân tộc mình nói chung và ẩm thực truyền thống nói riêng

3. Tổ chức lớp truyền dạy về cách thức, kỹ thuật nhằm trao truyền bí quyết nấu ăn cho đông đảo người dân;

4. Xây dựng mô hình dịch vụ ẩm thực truyền thống tại các điểm du lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đầy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

gia vị khác, người Thái làm nên món chẳm chéo mang vị cay, nồng đặc trưng. Hay món tương đậu lên men cũng là món chẳm phổ biến không thể thiếu trong mỗi bữa cơm của người dân địa phương.

Trong những năm gần đây do nguồn nguyên liệu từ tự nhiên ngày càng khan hiếm, cạn kiệt, các món ăn truyền thống độc đáo, hấp dẫn đang ngày càng ít đi. Nhiều món ăn đã không được cộng đồng duy trì thực hiện dẫn đến việc kho tàng di sản về ẩm thực truyền thống bị mai một, biến đổi ngày càng lớn; Đặc biệt đối với lớp trẻ hiện nay việc nấu ăn đối với họ không còn là niềm đam mê mà chỉ mang tính chất bắt buộc, coi ẩm thực đơn giản chỉ là công cụ hàng ngày chứ không mang ý nghĩa về văn hóa truyền thống... Chính vì vậy văn hóa ẩm thực của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai Châu nói chung, dân tộc Thái nói riêng đang đứng trước nguy cơ mai một, biến dạng hoặc mất đi vĩnh viễn. Các món ăn được chế biến theo hình thức "thị trường" để đáp ứng cho nhu cầu xã hội. Tuy nhiên cứ tiếp tục duy trì theo hình thức này thì việc mất đi di sản truyền thống là điều khó có thể tránh khỏi

Trong quá trình lao động sản xuất, sinh hoạt văn hoá cộng đồng, người Hà Nhì nơi đây đã sáng tạo các điệu múa phục vụ trong tín ngưỡng dân gian, tín ngưỡng tâm linh, vì thế hầu hết các làn điệu múa của người Hà Nhì mang tính tập thể. Nghệ thuật biểu diễn cũng rất đa dạng, với các điệu múa như: múa trống, múa lên nương, múa dệt vải, múa đọi mưa, múa vào mùa, múa trông trăng, múa già bạn... phản ánh các mặt đời sống sinh hoạt phong phú của bà con.

Xòe được hình thành và phát triển cùng với quá trình lịch sử hình thành bản sắc văn hóa truyền thống của cộng đồng người Hà Nhì, gắn liền với cuộc sống, sinh hoạt, thể hiện đời sống vật chất và tinh thần. Trong cuộc mưu sinh để tồn tại và phát triển, người Hà Nhì luôn cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, chinh phục thiên nhiên, anh dũng đấu tranh chống lại thú dữ. Mỗi khi hoàn thành một công việc trọng đại, chinh phục được thiên nhiên hay chiến thắng kẻ thù là thú dữ mọi người lại nắm tay nhau không phân biệt nam, nữ, già, trẻ và nhảy múa ăn mừng quanh đồng lửa. Hoạt động ấy được lặp đi lặp lại nhiều lần, dần dần được nâng lên cả động tác lẫn ý thức,

- Sưu tầm, biên soạn tài liệu truyền dạy.
- Tổ chức truyền dạy.
- Khôi phục lại sinh hoạt văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc này và duy trì tổ chức thường niên,
- Tạo tiền đề xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn

2	Nghệ thuật múa xòe dân tộc Hà Nhì	Hà Nhì	xã Ka Lăng, Thu Lũm, Mù Cà huyện Mường Tè
---	---	-----------	--

hình thành lên các điệu xòe. Đầu tiên phải kể đến là điệu múa trống chiêng. Đây là điệu múa mang tính nghi lễ, thường múa vào dịp tết năm mới, cầu chúc cho dân làng và gia chủ làm ăn phát triển, bản làng yên vui, vạn vật sinh sôi phát triển. Khi đến chúc tết tại gia đình sẽ mở hội múa trống chiêng ngay tại nhà, đội múa gồm cả nam nữ cả chủ và khách. Điệu múa úp chiêng là điệu múa tập thể nam nữ. Theo đó, nam nữ kết hợp thành một vòng tròn theo nhịp trống chiêng, tay cầm chiếc chiêng đồng để úp bắt cá. Động tác này vừa mô phỏng việc tìm kiếm nguồn thức ăn vừa thể hiện sự giao hoà giữa trời và đất, thiên nhiên cây cỏ và con người. Còn điệu múa cầm giỏ đựng com lại gắn liền với công việc của chị em phụ nữ, bởi với người Hà Nhì thì việc trồng lúa gặt và làm ra thóc lúa là công việc chính của chị em....

Hiện nay việc bảo tồn, phát huy giá trị của di sản trong cộng đồng vẫn chưa được quan tâm đúng mức, chưa thật sự phát huy hết giá trị của di sản, việc duy trì sinh hoạt chưa thường xuyên, chưa phát triển quy mô tầm ảnh hưởng của di sản.... Số lượng nghệ nhân, người nắm giữ và thực hành di sản chưa được tạo điều kiện để truyền dạy cho thế hệ trẻ, chưa nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn, tư liệu hóa thành tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác nghiên cứu, lưu giữ cũng như tuyên truyền

Cộng đồng người người Dao lưu giữ cả một kho tàng tri thức về chữa bệnh bằng tri thức dân gian gắn liền với thảo dược tồn tại xung quanh mình. Khi còn sống trên núi cao, mỗi khi trong bản làng có ai đau ốm, họ tự chữa cho nhau bằng những cây thuốc mọc từ tự nhiên. Tri thức về Y học cổ truyền được người Dao truyền miệng từ đời này sang đời khác và chỉ phổ biến trong cộng đồng. Phương pháp chữa trị bệnh truyền thống này đã có từ rất lâu, chẳng ai biết chính xác những bài thuốc chữa bệnh của người Dao có từ bao giờ

Các loại thuốc nam của người Dao khá đa dạng và phong phú, gồm nhiều loại cây lấy từ nhiều nguồn khác nhau. Các vị thuốc chủ yếu hái lượm ở rừng, ít khi trồng sẵn. Cây thuốc được đồng bào hái lượm trong rừng, trên vách đá, bên bờ khe suối... Có loại lấy rễ, có loại lấy lá, có loại lấy vỏ, cũng có loại lấy quả và hoa. Có vị thuốc sắc để chữa đường ruột, đau xương...; có vị giã nhỏ để chữa gãy xương, vết thương nhỏ...; có vị

hóa phi vật thể cấp Quốc gia, quốc tế trong những năm tiếp theo.

- Bảo tồn nét đẹp trong văn hóa truyền thống.

- Sưu tầm, biên soạn tài liệu truyền dạy.

- Tổ chức truyền dạy.

- Khôi phục lại sinh hoạt văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc này và duy trì tổ chức thường niên,

- Tạo tiền đề xây dựng hồ sơ khoa học đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao

3	Tri thức dân gian về y dược học của người Dao	Dao	Sìn Hồ, Tam Đường, Phong Thổ

đun lấy nước tắm gội, rửa chữa các bệnh ngứa, lở loét... Có thể chia thành các loại: thuốc bổ, thuốc tắm, thuốc trị bệnh

Kết hợp với tiềm năng du lịch sinh thái và du lịch nghỉ dưỡng của huyện Sìn Hồ, ngoài mục tiêu tăng cường sức khỏe, giảm các loại bệnh, nâng cao tuổi thọ cho người dân thì việc bảo tồn, phát huy di sản tri thức dân gian về y, dược của dân tộc Dao dần đưa di sản thành sản phẩm phục vụ du lịch, tăng cường sự quảng bá về địa phương, văn hóa và đồng bào dân tộc Dao đến du khách trong và ngoài nước

Hiện nay nguồn nguyên liệu cũng như cách thức, tri thức dân gian về y, dược của người Dao đang có nhiều biến đổi và làm giảm đi giá trị thực tế của loại hình di sản này. Những người thực sự am hiểu và có kỹ năng ngày càng ít, số lượng còn lại thì tuổi đã cao, việc biên tập, ghi chép và truyền thụ lại cho thế hệ sau còn nhiều hạn chế

Đề nghị Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đưa Tri thức dân gian về y dược học của người Dao tại huyện Tam Đường và Sìn Hồ vào danh mục văn hóa phi vật thể Quốc gia nhằm mục đích khẳng định giá trị, sự độc đáo, đặc sắc của di sản; tôn vinh giá trị của di sản, góp phần bảo tồn, phát triển, áp dụng di sản văn hóa vào phát triển kinh tế gắn liền với du lịch cộng đồng tại địa phương.

và Du lịch đưa vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể cấp Quốc gia, quốc tế trong những năm tiếp theo.

- Bảo tồn nét đẹp trong văn hóa truyền thống.

III **Xây dựng bộ sưu tập hiện vật và phim tư liệu vùng văn hóa, các dân tộc cư trú thành cộng đồng phục vụ công tác trưng bày chuyên đề gắn với phát triển du lịch**

Bộ sưu
tập hiện
vật và
phim tư
liệu
vùng văn
hóa phục
vụ công
tác trưng

13
dân
tộc cư
trú
thành
cộng
đồng
chợ
phiên

Toàn
tỉnh

- Đối tượng: Trang phục và trang sức; công cụ và sản phẩm nghề thủ công truyền thống; công cụ, dụng cụ thực hành phong tục và tín ngưỡng tốt đẹp, phim tư liệu về: lễ hội, nghề thủ công, tri thức dân gian, phong tục tập quán, nghề thủ công truyền thống, nghệ thuật trình diễn dân gian của 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng (Thái, Mông, Dao, Lào, Lự, Giáy, Kháng, Khơ Mú, Cống, Mảng, La Hù, Hà Nhì, Si La), chợ phiên tiêu biểu và vùng văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh.

- Nội dung:

- Nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, lập hồ sơ hồ chiếu hiện vật

- Tổ chức phục dựng, tái hiện và hoàn thiện phim

- Thực hiện trưng bày,

bày
chuyên
đề gắn
với phát
triển du
lịch

tiêu
biểu
và
vùng
văn
hóa

+ Nghiên cứu, sưu tầm, bảo quản, lập hồ sơ hộ chiếu hiện vật;

giới thiệu, quảng bá

+ Thực hiện trưng bày bộ sưu tập hiện vật theo chuyên đề gắn với tái hiện lễ hội, trình diễn và trải nghiệm nghệ thuật trình diễn dân gian, ẩm thực, nghề thủ công, trò chơi truyền thống nhằm mục đích tăng cường công tác quảng bá bản sắc văn hóa tốt đẹp gắn với phát triển du lịch.

+ Tổ chức phục dựng, tái hiện và hoàn thiện phim tư liệu về văn hóa các dân tộc cư trú thành cộng đồng, phục vụ trưng bày, quảng bá, giáo dục truyền thống lịch sử.

- Số lượng: 39 bộ sưu tập hiện vật, 115 phim tư liệu dân tộc của 13 dân tộc cư trú thành cộng đồng; 05 phim ký sự về chợ phiên tiêu biểu và 11 phim ký sự về vùng văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh (Có phụ biểu danh mục phim kèm theo)

IV Bảo tồn, phát triển bản du lịch cộng đồng Vàng Pheo (dân tộc Thái) xã Mường So gắn với trải nghiệm bản sắc văn hóa tốt đẹp dân tộc Thái.

1	Tổ chức truyền dạy nghề dệt vải	Thái	Bản Vàng Pheo, xã Mường So, huyện Phong Thổ	<p>Nghề dệt truyền thống đã có từ rất lâu nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng, các sản phẩm được làm từ vải dệt như: trang phục, vỏ đệm, vỏ gối, vỏ chăn, túi đeo, khăn... các hoa văn trang trí đặc sắc, kỹ thuật dệt may các sản phẩm từ vải dệt có tính thẩm mỹ, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Nghề dệt thổ cẩm không chỉ phục vụ nhu cầu cuộc sống sinh hoạt, đem lại giá trị kinh tế mà điều quan trọng nhất là nghề dệt còn chứa đựng giá trị tinh thần lớn lao, thể hiện quan niệm triết lý của cộng đồng.</p> <p>Nếu như người Mông, người Hà Nhì trồng lanh thì người Thái chọn trồng bông để dệt vải. Hầu hết các loại vải và quần áo của người Thái đều được dệt từ sợi bông. Ngoài ra, bà con còn nuôi tằm để kéo kén lấy tơ. Tơ tằm là rất dai, bóng và đẹp vì thế, vải tơ tằm thường được dùng trong nghi lễ của người Thái hoặc làm quà biếu, tặng có giá trị cả về vật chất lẫn tinh thần.</p> <p>Vải thô sau khi dệt có hai màu tự nhiên là màu trắng và màu nâu nhạt. Để có màu vải như ý cũng như tạo độ bền cho vải bà con thường nhuộm chàm. Ngoài ra còn pha màu đỏ từ cánh kiến, màu vàng từ nghệ, màu vàng cam từ cây “xôm pu”. Từ những màu</p>	<p>Lựa chọn các mẫu hoa văn tiêu biểu, từ nét độc đáo, đặc sắc của nghề dệt thổ cẩm để thiết kế ra các sản phẩm du lịch, đồ lưu niệm phù hợp với văn hóa dân tộc, đặc thù vùng miền gắn với phát triển du lịch cộng đồng.</p> <p>Nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân góp phần</p>
---	---------------------------------	------	---	--	---

này người Thái tự pha ra các màu khác như tím, xanh. Mỗi màu lại có ý nghĩa riêng: màu trắng tượng trưng cho trời; Màu đen tượng trưng cho đất; Màu đỏ tượng trưng cho lửa, mặt trời; Màu vàng tượng trưng cho mặt trăng; Màu xanh chàm tượng trưng cho sự sống, vạn vật. Để tạo hoa văn trên các mảnh vải cần có sự sáng tạo của khối óc và sự khéo léo của đôi bàn tay, bởi nếu chỉ tạo hình khối thì rất đơn giản nhưng để thành sản phẩm thổ cẩm đẹp thì phải cài hoa văn bằng các sợi màu đã được chuẩn bị qua các thao tác cài, đan trực tiếp trên khung dệt. Hoa văn thổ cẩm dân tộc Thái rất đa dạng, với nhiều loại động vật, mặt trời, hoa lá, cây cỏ... được phối màu một cách hài hoà. Đặc biệt, việc bố trí sắp xếp vị trí các họa tiết hoa văn cũng phải theo thứ tự, gồm các hoa văn chính và hoa văn phụ điểm xuyên làm nổi bật hoa văn chính... Từ tấm vải, bà con không chỉ tạo ra các sản phẩm để mặc mà còn tạo ra những sản phẩm liên quan đến ngủ, chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng như: trang phục, khăn, đệm nằm và đệm ngồi, ga đệm, gối, màn, quả cùn... Đặc biệt là, thổ cẩm của người Thái với những họa tiết hoa văn phong phú, độc đáo đã chiếm được cảm tình của bất kỳ ai khi tiếp cận.

Trên địa bàn hiện nay có Hợp tác xã dệt thổ cẩm Trường Sinh đã và đang hoạt động có hiệu quả. Các sản phẩm được tạo ra rất đa dạng như: đệm nằm, đệm ngồi, gối tựa, ga trải giường, túi, khăn, quần, áo, váy thổ cẩm, đai lưng, túi các loại phù hợp với thị trường, từng bước tạo được uy tín đối với khách hàng trong và ngoài tỉnh.

Không ai biết cây đàn Tính của người Thái ra đời từ bao giờ. Sự tích về cây đàn Tính cũng có nhiều dị bản. Ở mỗi vùng đất người ta lại kể câu chuyện ấy một cách khác nhau. Tính tấu gắn kết với đồng bào Thái trong các lễ hội cầu mưa, cầu mùa, hát Hạn khuông, Kin Pang Then, Xên bản, Xên mường... và hiện diện trong hoạt động văn hóa dịp Xuân về. Trong tín ngưỡng dân gian, Tính tấu như sợi dây tâm linh vô hình nối giữa cõi thực với cõi tiên.

Đàn Tính có 6 bộ phận, trong đó bầu đàn được làm từ quả bầu già, còn những bộ phận khác thì được làm từ những nguyên liệu dễ tìm sẵn có. Không biết bao nhiêu thế kỷ qua, cây đàn Tính đã theo người Thái trắng đi dọc khắp các triền sông, con suối miền Tây Bắc. Đàn ngân nga những cung bậc của tình yêu. Đàn hòa theo khúc hát về sự thăng trầm của một đời người, của làng, của bản. Đàn dắt con người vào thế giới tâm linh huyền ảo cùng bài ca của những ông Mo, bà Mo trong những nghi lễ vòng đời.

giảm nghèo bền vững

Để bảo tồn, phát huy giá trị của Đàn tính vừa là nhạc cụ dân tộc, vừa là sản phẩm quà tặng lưu niệm cần phải:

1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa, thiết kế mẫu sản phẩm
2. Tổ chức lớp truyền dạy trong cộng đồng

2	Kỹ thuật chế tác đàn tính (dân tộc Thái)	Thái	xã
			Mường So, huyện Phong Thổ

Âm thanh của cây đàn tính vì vậy được coi như sợi dây nối giữa thế giới thực tại và thế giới siêu nhiên. Nó trở nên thiêng liêng và không thể thiếu trong những nghi lễ truyền thống của đồng bào Thái. Có lẽ chính bởi thế mà người Thái đã coi cây đàn Tính như một vật dụng không thể thiếu trong đời sống của mình.

Gắn bó với người Thái qua những thăng trầm, biến đổi của lịch sử và đời người, cùng họ hát lên bài ca ca ngợi vẻ đẹp của tình yêu, của mùa xuân và sự sống; cây đàn Tính đã trở thành thứ nhạc cụ mang tâm hồn, tính cách của dân tộc Thái.

Ngày nay trước tác động của những trào lưu văn hóa hiện đại đang du nhập vào từng ngõ ngách của làng bản, việc chế tác đàn Tính và chơi đàn Tính của người Thái đang dần bị mai một. Con số người biết làm đàn Tính và biết chơi đàn Tính chỉ có thể đếm trên đầu ngón tay, và hầu hết họ đều là những người đã ở vào cái tuổi gần đất xa trời.

3. Xây dựng hồ sơ công nhận di sản văn hóa phi vật thể ở các cấp... theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá di sản

5. Tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm của các nghề thủ công truyền thống

3 Bảo tồn, phát huy ẩm thực; đồng thời bổ sung các thực đơn ẩm thực phù hợp với các đối tượng khách tiến tới

Thái xã Mường So, huyện Phong Thổ

Một trong những nét văn hóa đặc sắc của dân tộc Thái Lai Châu có thể kể đến các món nướng. Các loại thịt gia súc, gia cầm, hay thủy sản đều có thể nướng, trong đó có thể kể đến món thịt nướng như: Thịt thái miếng, ướp gia vị, dùng xiên hoặc kẹp tre tươi đặt lên than hồng. Thịt băm nhỏ, bóp nhuyễn với trứng và rau thơm gói lá chuối, lá dong, kẹp lại, nướng trên than đỏ hoặc vùi tro nóng, khi chín, thịt rất thơm, ăn không ngán. Món cá nướng hấp dẫn bởi hương thơm của cá, vị cay của ớt. Món "pỉnh tộp" cũng là cá nướng, nhưng thường dùng bằng cá to như chép, trôi, trắm... mổ lưng, để ráo nước, xoa một lớp muối rang cùng ớt tươi nướng giã nhỏ, hạt mắc khén ướp để cá ngấm gia vị, cứng thịt lại rồi đặt lên than hồng, khi cá chín có vị thơm ngon rất hấp dẫn. Cùng với các món nướng, món xôi của người Thái Lai Châu cũng rất tuyệt vời, đầu tiên có thể kể đến món xôi ngũ sắc được chế biến công phu và màu sắc được lấy từ màu sắc của cây lá trong vườn như màu xanh nhuộm từ lá dong, màu vàng từ nghệ, màu đỏ, tím từ lá cây cơm đỏ, cơm tím... Người Thái có phương pháp xôi cách thủy bằng chõ gỗ rất kỹ thuật. Xôi chín bằng hơi, mềm, dẻo nhưng không dính tay. Xôi

Để bảo tồn, lưu giữ và phát huy ẩm thực truyền thống của dân tộc Thái trong thời gian tới cần thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng;

2. Tăng cường công

xây
dựng
thương
hiệu tri
thức dân
gian về
ẩm thực
dân tộc
Thái Lai
Châu

được đựng vào ép khẩu hoặc giỏ cơm đầy kín, ủ ấm, giữ cho cơm dẻo lâu. Các món rau xôi của người Thái Tây Bắc cũng rất đặc sắc và ngon ngọt bởi hương sắc của rất nhiều loại rau rừng cùng với gừng tươi, xả băm nhỏ, hạt sen, ớt... trộn đều và xôi chín với chẳm chéo ăn vừa bùi bùi, ngọt ngọt vừa có hương vị thơm rất độc đáo.

Mùa nào thứ nấy, người Thái đãi khách bằng sản vật từ tự nhiên ưu đãi ban tặng như: Các loại măng đắng, măng ngọt, măng lay, măng sắt đến các loại củ như: Củ nâu, củ mài, củ niễng đến các loại rau như: Rau dớn, rau gai, rau sắng, rau ngót rừng, lạc tiên, tập tàng, cỏ bọ, rau ban, rêu đá, hoa chuối rừng... Vì vậy từ xưa người dân đã tích lũy, xây dựng được cho mình một nền văn hóa ẩm thực đa dạng, phong phú và vô cùng hấp dẫn. Qua văn hóa ẩm thực của dân tộc Thái, hình ảnh về mảnh đất Lai Châu có truyền thống văn hóa lâu đời, giàu tiềm năng du lịch cùng với con người hiền lành, mộc mạc, hồn hậu, phóng khoáng... có sức mời gọi du khách phương xa cùng đến thăm thú, thưởng lãm, góp phần quảng bá thương hiệu du lịch vùng đất tươi đẹp và giàu bản sắc văn hóa. Bên cạnh các món chính, các món đồ chẳm cũng là điểm nhấn đặc biệt trong văn hóa ẩm thực của người dân tộc Thái. Từ hạt mắc khén, ớt nướng và rất nhiều loại gia vị khác, người Thái làm nên món chẳm chéo mang vị cay, nồng đặc trưng. Hay món tương đậu lên men cũng là món chẳm phổ biến không thể thiếu trong mỗi bữa cơm của người dân địa phương.

tác tuyên truyền giáo
dục cho thế hệ trẻ về
giá trị văn hóa truyền
thống dân tộc mình nói
chung và ẩm thực
truyền thống nói riêng

3. Tổ chức lớp truyền
dạy về cách thức, kỹ
thuật nhằm trao truyền
bí quyết nấu ăn cho
đồng bào người dân;

4. Xây dựng mô hình
dịch vụ ẩm thực truyền
thống tại các điểm du
lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức,
cá nhân đẩy mạnh
công tác quảng bá, giới
thiệu ẩm thực truyền
thống trong và ngoài
khu vực thông qua sự
kiến, triển lãm.....

4 Tổ chức
truyền
dạy
nghệ
thuật
Thái
xã
Mường
So,
huyện
Phong

Dân ca, dân vũ, dân nhạc là sản phẩm tinh thần của những bản tình ca nở hoa thơm ngát do những người dân lao động sống bình dị quanh năm chân lấm tay bùn, hát lên trong lao động sản xuất và những dịp hội hè, được các thế hệ truyền lại từ đời này sang đời khác. Do chính người dân lao động tự sáng tác theo tập quán, phong tục. Các làn điệu dân ca thể hiện phong cách bình dân, sát với cuộc sống lao động mọi người. Các dịp biểu diễn. Thường ngày cũng được hát lên trong lao động để động viên nhau, hay

1. Nghiên cứu, sưu
tầm, biên soạn tài liệu
để lưu giữ, hoặc thành
xuất bản phẩm phát
hành rộng rãi trong

trình diễn dân gian (dân ca, dân vũ, nhạc cụ) gắn với phát triển đội văn nghệ	Thổ	<p>trong tình yêu đôi lứa, trong tình cảm giữa người và người. Nó có nhiều chức năng đa dạng trong đời sống mỗi người dân.</p> <p>Có thể nói, dân ca, dân vũ nói riêng nghệ thuật trình diễn dân gian nói chung tác động tới con người từ khi mới sinh ra với tiếng ru của mẹ cho đến khi từ giã cõi đời. Tuy không trực tiếp nuôi dưỡng con người như cơm ăn nước uống hàng ngày nhưng âm nhạc lại làm cho con người ta thêm yêu cuộc sống và nhận thức được cuộc sống. Nhờ ngôn ngữ biểu cảm đặc biệt của âm thanh mà con người từ khắp mọi phương trời không cùng ngôn ngữ, không chung phong tục tập quán nhưng lại có thể hiểu thêm được.</p> <p>Hoạt động du lịch còn là môi trường, điều kiện thuận lợi để giao lưu, giới thiệu, quảng bá nghệ thuật trình diễn dân gian đến đông đảo khách lữ hành trong nước và quốc tế ở mỗi thành phần, lứa tuổi khác nhau. Có thể nói rằng, du lịch là “mảnh đất màu mỡ” để nghệ thuật trình diễn dân gian được bảo tồn, phát huy. Và chính nghệ thuật trình diễn dân gian lại trở thành nhân tố quan trọng thu hút khách lữ hành góp phần phát triển du lịch gắn với văn hóa truyền thống.</p> <p>Trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội với xu thế hội nhập ngày nay, dân ca luôn là giá trị tinh thần vô giá phục vụ đời sống cộng đồng và phát triển du lịch. Bảo tồn dân ca gắn với phát triển du lịch là một trong những định hướng quan trọng, có ý nghĩa thiết thực của tỉnh.</p>	<p>cộng đồng;</p> <p>2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ</p> <p>3. Tổ chức lớp truyền dạy</p> <p>4. Phát triển đội văn nghệ, xây dựng CLB văn hóa truyền thống, tại các điểm du lịch cộng đồng</p> <p>5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đầy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....</p>
	Khôi phục và duy trì thường niên lễ hội Gội đầu cuối năm “Áp hô	Thái xã Mường So, huyện Phong Thổ	<p>Lễ gội đầu của dân tộc Thái trắng đã có từ lâu đời và rất thiêng liêng, gắn với truyền thuyết Nàng Han “...Sau khi đã đánh tan quân giặc, đến địa phận Mường So cũng là 30 Tết, buổi chiều ngày đó, Nàng Han cùng quân sĩ nghỉ ngơi, tắm rửa gội đầu rồi Nàng bay về trời...”. Từ đó đến nay, phụ nữ người Thái ở nhiều tỉnh còn thực hành và duy trì phong tục này. Có nơi gọi là Lung Ta (xuống bên nước làm lễ gội đầu), có nơi gọi là Áp hô chiêng (gội đầu năm mới) để tưởng nhớ công ơn của Nàng Han và cũng để gột sạch điều không may mắn ở năm cũ để đón năm mới với nhiều may mắn, tốt đẹp.</p> <p>Nghi lễ này chỉ được tiến hành duy nhất một lần trong năm vào đúng ngày 30 Tết, tức</p>

chiêng”

là ngày cuối cùng của năm cũ, với ý nghĩa xua đi những điều không tốt đẹp trong năm vừa qua, cầu mong những điều may mắn, viên mãn cho năm mới. “Theo quan niệm của người Thái, nếu như ai chưa được gội đầu vào dịp 30 Tết thì coi như chưa gội rửa được những điều không may mắn, không tốt lành hay là ốm đau bệnh tật trong năm cũ và họ quan niệm rằng, những điều không may đó sẽ quay trở lại với họ trong năm mới. Bởi vậy, nghi lễ Lúng ta có ý nghĩa vô cùng quan trọng, mang tính nhân văn sâu sắc, thể hiện lòng tin của con người đối với các đấng tâm linh, cầu mong những điều tốt đẹp, may mắn sẽ đến với họ trong năm mới. Cũng vì lẽ đó mà nghi lễ này đã trở thành một nét văn hóa truyền thống tốt đẹp được người dân Thái coi trọng và gìn giữ”

Bảo tồn văn hóa truyền thống tốt đẹp góp phần giáo dục truyền thống lịch sử, nâng cao mức hưởng thụ của cộng đồng. Tạo ra sản phẩm du lịch độc đáo, tiêu biểu phục vụ du khách tham quan, trải nghiệm (Có thể tổ chức và thực hành thường xuyên phục vụ du khách)

- Hoàn thiện sản phẩm, in ấn, phát hành và bàn giao

V Bảo tồn, phát triển bản du lịch cộng đồng Sin Suối Hồ (dân tộc Mông) , xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ gắn với du lịch sinh thái, nông nghiệp

1	Kỹ thuật vẽ hoa văn trên vải bằng sáp ong; Chế tác khèn	Mông	<p>xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ</p> <p>Đồng bào dân tộc Mông quan niệm hoa văn trên trang phục, đồ dùng sinh hoạt sẽ giúp họ được giao tiếp với các thần linh, mời được các thần linh tới nhà ban phát cho họ điềm lành, xua đi những điều dữ. Những họa tiết này biểu hiện cho sự biến chuyển của mặt trời, thời tiết, không gian và thời gian, trong vũ trụ quan cổ đại của dân tộc Mông. Mỗi họa tiết hoa văn đều thể hiện những khát vọng cao đẹp của con người.</p> <p>Hoa văn được tạo trên vải của người Mông một phần để trang phục thêm đẹp, thêm bắt mắt và phần nhiều hơn thì những bộ áo quần truyền thống như cuốn sách lưu giữ lại văn hóa dân tộc. Mỗi hoa văn được vẽ hay thêu trên áo váy đều có một ý nghĩa riêng. Những hoa văn đó được tượng hình từ chính những thứ gắn liền với cuộc sống hàng ngày như hình tượng mặt trời mang ý nghĩa sự sống, hình tượng xoắn ốc mang ý nghĩa gia đình các bộ trang phục của người Mông hoa được trang trí các họa tiết hoa văn mang tính nghệ thuật cao, thể hiện và lưu giữ tri thức dân gian, những quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan của người Mông. Duy trì và phát triển những tri thức</p>	<p>Để bảo tồn, phát huy giá trị của kỹ thuật vẽ hoa văn trên vải bằng sáp ong của người Mông vừa là nghề thủ công truyền thống dân tộc, vừa tạo ra sản phẩm quà tặng lưu niệm cần phải:</p> <p>1. Nghiên cứu, sưu tầm, tư liệu hóa, thiết kế mẫu sản phẩm</p>
---	---	------	--	---

dân gian đó là hình thức bảo tồn, phát triển mỹ thuật dân gian, có tác động tích cực đến việc giáo dục thế hệ trẻ việc kế thừa, bảo vệ, phát huy các giá trị di sản văn hóa, đặc biệt là trang phục dân tộc.

Hoa văn trên trang phục người Mông thường chuyển tải tư duy, thể hiện những suy nghĩ về cuộc sống gồm: hoa văn hình học, hoa văn hình núi, hình rẽ quạt, hình răng cưa, hoa văn hình chấm tròn to nhỏ khác nhau, hoa văn những đường gạch dài và ngắn song song; hoa văn hình zíc zắc, hình ô trám, hình xoắn ốc, sóng nước, hình hoa 4 cánh, hoa 8 cánh, hình hoa cúc, hình con xen, hình vuông...

Kỹ thuật vẽ hoa văn bằng sáp ong trên vải, dệt, thêu hoa văn trên trang phục của người Mông hoa hiện hữu trên các sản phẩm trang phục truyền thống đã truyền dạy, kế tục qua nhiều thế hệ minh chứng cho sức sống của di sản. Đây là vốn tri thức dân gian quý báu và có vai trò đặc biệt quan trọng trong đời sống và tâm linh được tổ tiên người Mông nói chung và người Mông hoa nói riêng đã có công sáng tạo và trao truyền qua nhiều thế hệ. Sản phẩm được tạo ra từ vốn tri thức đó không chỉ đáp ứng nhu cầu mặc hàng ngày mà nó còn gắn với đời sống tâm linh, gắn bó với lịch sử tộc người. Trong hôn lễ hay tang ma, vải lanh là một vật biểu trưng không thể thiếu. Người Mông từ bao đời nay quan niệm rằng: Sợi lanh là sợi dây nối giữa con người với thần linh, giữa người chết với người sống. Trang phục vải lanh là một dấu hiệu nhận biết giữa người chết với tổ tiên của họ. Khi mừng thọ cho bố mẹ già thì con phải sắm cho mỗi người một bộ áo lanh, để sau này khi về với tổ tiên mặc áo đó thì người ở thế giới bên kia mới nhận biết được. Theo phong tục của tộc người Mông, trong tang ma, khi khâm liệm thì quần áo mặc cho người chết cũng như dây đeo các loại vật dụng khác như: dao, nỏ, cày, thùng buộc trâu đều làm bằng chất liệu lanh, người đến phúng viếng cũng mặc trang phục lanh.

Với những tiến bộ của khoa học và công nghệ, người Mông được tiếp xúc rộng rãi hơn với nền kinh tế thị trường. Vì thế mà văn hóa truyền thống nói chung, kỹ thuật tạo hoa văn trên vải của người Mông ở Lai Châu bỗng trở nên mong manh trước sức ép của nền văn hóa công nghiệp mang tính toàn cầu. “Tự đánh mất bản sắc văn hóa của

2. Tổ chức lớp truyền dạy trong cộng đồng

3. Xây dựng hồ sơ công nhận di sản văn hóa phi vật thể ở các cấp... theo quy định của pháp luật (nếu có).

4. Tăng cường công tác tuyên truyền, quảng bá di sản

5. Tạo đầu ra ổn định cho sản phẩm của các nghề thủ công truyền thống

mình” đang là nguy cơ tiềm tàng.

Chưa tạo được thị trường ổn định cho cộng đồng, chưa làm cho sản phẩm nghề thủ công truyền thống thành hàng hóa có đủ sức cạnh tranh trên thị trường và cũng là phương thức sản xuất tạo ra thu nhập ổn định.

Dân ca, dân vũ, dân nhạc là sản phẩm tinh thần của những bản tình ca nở hoa thom ngát do những người dân lao động sống bình dị quanh năm chân lấm tay bùn, hát lên trong lao động sản xuất và những dịp hội hè, được các thế hệ truyền lại từ đời này sang đời khác. Do chính người dân lao động tự sáng tác theo tập quán, phong tục. Các làn điệu dân ca thể hiện phong cách bình dân, sát với cuộc sống lao động mọi người. Các dịp biểu diễn. Thường ngày cũng được hát lên trong lao động để động viên nhau, hay trong tình yêu đôi lứa, trong tình cảm giữa người và người. Nó có nhiều chức năng đa dạng trong đời sống mỗi người dân.

Có thể nói, dân ca, dân vũ nói riêng nghệ thuật trình diễn dân gian nói chung tác động tới con người từ khi mới sinh ra với tiếng ru của mẹ cho đến khi từ già cỗi đời. Tuy không trực tiếp nuôi dưỡng con người như cơm ăn nước uống hàng ngày nhưng âm nhạc lại làm cho con người ta thêm yêu cuộc sống và nhận thức được cuộc sống. Nhờ ngôn ngữ biểu cảm đặc biệt của âm thanh mà con người từ khắp mọi phương trời không cùng ngôn ngữ, không chung phong tục tập quán nhưng lại có thể hiểu thêm được.

Hoạt động du lịch còn là môi trường, điều kiện thuận lợi để giao lưu, giới thiệu, quảng bá nghệ thuật trình diễn dân gian đến đông đảo khách lữ hành trong nước và quốc tế ở mỗi thành phần, lứa tuổi khác nhau. Có thể nói rằng, du lịch là “mảnh đất màu mỡ” để nghệ thuật trình diễn dân gian được bảo tồn, phát huy. Và chính nghệ thuật trình diễn dân gian lại trở thành nhân tố quan trọng thu hút khách lữ hành góp phần phát triển du lịch gắn với văn hóa truyền thống.

Trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội với xu thế hội nhập ngày nay, dân ca luôn là giá trị tinh thần vô giá phục vụ đời sống cộng đồng và phát triển du lịch. Bảo tồn dân ca gắn với phát triển du lịch là một trong những định hướng quan trọng, có ý nghĩa thiết thực của tỉnh.

1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ

3. Tổ chức lớp truyền dạy

4. Phát triển đội văn nghệ, xây dựng CLB văn hóa truyền thống, tại các điểm du lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đầy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu trong và ngoài khu vực thông qua sự

2	Truyền dạy nghệ thuật trình diễn dân gian (dân ca, dân vũ) gắn với phát triển đội văn nghệ	Mông	Bản Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ

3	Bảo tồn âm thực truyền thống, đồng thời bổ sung các thực đơn âm thực phù hợp với các đối tượng khách	Mông	Bản Sin Suối Hồ, xã Sin Suối Hồ, huyện Phong Thổ	<p>Với những nét đặc trưng riêng biệt của mỗi vùng miền, tạo nên một nền văn hóa ẩm thực đa dạng, đặc sắc tạo được ấn tượng với mọi người và đặc biệt là trong lòng du khách khi đến tham quan.</p> <p>Nền văn hóa ẩm thực hiện nay là một nhân tố thu hút khách du lịch khi đến với mỗi vùng miền, mỗi địa danh du lịch. Để phát triển du lịch nhanh và bền vững, việc xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, đặc biệt là các sản phẩm du lịch gắn với văn hóa truyền thống của dân tộc có vai trò quyết định. Trong các sản phẩm đó, ẩm thực đang nổi lên là một thế mạnh của du lịch.</p> <p>Ngoài các loại hình du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chữa bệnh... du lịch ẩm thực ngày càng trở nên phổ biến và đóng vai trò không nhỏ trong sự phát triển du lịch của nhiều địa phương, nhiều quốc gia. Ẩm thực trở thành một thế mạnh góp phần tạo nên sự khác biệt, thu hút du khách</p> <p>Khi đến một vùng đất mới, khách du lịch bao giờ cũng muốn được trải nghiệm những dấu ấn văn hóa khác nhau và văn hóa ẩm thực đã góp phần tạo nên những điều đó.</p> <p>Ẩm thực mang tính vùng miền rõ nét, các món ăn truyền thống được chế biến và kết hợp hương vị một cách hài hòa, tinh tế. Khi đến với một vùng đất, ẩm thực là cách tốt nhất để tìm hiểu về đất nước, con người hay một nền văn hóa.</p> <p>Chính vì lẽ đó, ẩm thực có vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch tại một vùng, một địa phương, với những nét riêng biệt ắt hẳn đối với mỗi nơi trên đất nước Việt Nam, ẩm thực luôn là một bức tranh đầy màu sắc mà bất kỳ du khách nào đến với vùng đất xinh đẹp này cũng muốn được thưởng thức những hương vị đặc sắc, say đắm lòng người.</p>	kiến, triển lãm..... <ol style="list-style-type: none"> 1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng; 2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ 3. Tổ chức lớp truyền dạy về cách thức, kỹ thuật nhằm trao truyền bí quyết nấu ăn cho đông đảo người dân; 4. Xây dựng mô hình dịch vụ ẩm thực truyền thống tại các điểm du lịch cộng đồng 5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....
---	---	------	--	--	---

Gầu Tào là nghi thức truyền thống đã có từ lâu đời của dân tộc Mông với mục đích cầu con, cầu sức khỏe, cầu may mắn, mùa màng bội thu, dân bản có cuộc sống ấm no, thịnh vượng

Lễ hội là hình thức sinh hoạt văn hóa có tính cộng đồng cao thời gian tổ chức trong khoảng ngày 4 – 10 tháng giêng (Âm lịch) đây là thời gian chơi tết của đồng bào nên thu hút được đông đảo người tham gia từ nhiều khu vực khác nhau; Hơn nữa trong lễ hội Gầu tào ngoài ý nghĩa tâm linh sâu sắc thì tại đây còn tập trung và hội tụ được rất nhiều bản sắc văn hóa độc đáo, đặc sắc, biểu trưng của đồng bào dân tộc Mông như: Nghệ thuật trình diễn dân gian: Hát đối đáp, hát dao duyên, hát tâm tình tự sự, múa khèn, múa ô, đàn môi, kèn lá, hát ống...; Trò chơi truyền thống: Ném pao, đẩy gậy, bắn nỏ, chơi cù, leo cột mỡ....; Âm thực truyền thống: Thắng cố, mèn mén, các loại bánh, sản vật của địa phương, sản phẩm của nghề thủ công truyền thống...; đây cũng là dịp thuận lợi để người Mông thăm hỏi, gặp gỡ tăng cường tinh thần đoàn kết cộng đồng

Hiện nay Lễ hội vẫn được duy trì thường niên tuy nhiên quy mô, cách thức tổ chức và đặc biệt là nội dung của phần hội về nghệ thuật trình diễn dân gian, trò chơi truyền thống, sản phẩm của nghề thủ công truyền thống vẫn còn đơn điệu, nghèo nàn chưa làm bật được lên giá trị văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc, tiêu biểu của đồng bào dân tộc Mông

- Trung tập nghệ nhân, người am hiểu tập huấn, truyền dạy cho thế hệ sau
- Tổ chức lễ hội (quy mô vùng, khu vực);
- Hoàn thiện sản phẩm, in ấn, phát hành và bàn giao

VI Bảo tồn, phát triển bản du lịch cộng đồng Sì Thâu Chải (dân tộc Dao), xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường gắn với du lịch mạo hiểm (dù lượn, chinh phục đỉnh Putaleng)

1	Truyền dạy nghệ thuật trình diễn dân gian	Dao	Bản Sì Thâu Chải (dân tộc Dao), xã Hồ	Dân ca, dân vũ, dân nhạc là sản phẩm tinh thần của những bản tình ca nở hoa thom ngát do những người dân lao động sống bình dị quanh năm chân lấm tay bùn, hát lên trong lao động sản xuất và những dịp hội hè, được các thế hệ truyền lại từ đời này sang đời khác. Do chính người dân lao động tự sáng tác theo tập quán, phong tục. Các làn điệu dân ca thể hiện phong cách bình dân, sát với cuộc sống lao động mọi người. Các dịp biểu diễn. Thường ngày cũng được hát lên trong lao động để động viên nhau, hay trong tình yêu đôi lứa, trong tình cảm giữa người và người. Nó có nhiều chức năng đa	1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong
---	---	-----	---------------------------------------	--	--

(dân ca, dân vũ) gắn với phát triển đội văn nghệ

Thầu, huyện Tam Đường

dạng trong đời sống mỗi người dân.

Có thể nói, dân ca, dân vũ nói riêng nghệ thuật trình diễn dân gian nói chung tác động tới con người từ khi mới sinh ra với tiếng ru của mẹ cho đến khi từ già cỗi đời. Tuy không trực tiếp nuôi dưỡng con người như cơm ăn nước uống hàng ngày nhưng âm nhạc lại làm cho con người ta thêm yêu cuộc sống và nhận thức được cuộc sống. Nhờ ngôn ngữ biểu cảm đặc biệt của âm thanh mà con người từ khắp mọi phương trời không cùng ngôn ngữ, không chung phong tục tập quán nhưng lại có thể hiểu thêm được.

Hoạt động du lịch còn là môi trường, điều kiện thuận lợi để giao lưu, giới thiệu, quảng bá nghệ thuật trình diễn dân gian đến đông đảo khách lữ hành trong nước và quốc tế ở mỗi thành phần, lứa tuổi khác nhau. Có thể nói rằng, du lịch là “mảnh đất màu mỡ” để nghệ thuật trình diễn dân gian được bảo tồn, phát huy. Và chính nghệ thuật trình diễn dân gian lại trở thành nhân tố quan trọng thu hút khách lữ hành góp phần phát triển du lịch gắn với văn hóa truyền thống.

Trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội với xu thế hội nhập ngày nay, dân ca luôn là giá trị tinh thần vô giá phục vụ đời sống cộng đồng và phát triển du lịch. Bảo tồn dân ca gắn với phát triển du lịch là một trong những định hướng quan trọng, có ý nghĩa thiết thực của tỉnh.

cộng đồng;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ

3. Tổ chức lớp truyền dạy

4. Phát triển đội văn nghệ, xây dựng CLB văn hóa truyền thống, tại các điểm du lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

2

Truyền dạy nghệ Mây tre đan; Đan mũ lông đuôi ngựa dân tộc Dao tạo thành hàng hóa,

Dao

Bản Si Thâu Chải (dân tộc Dao), xã Hồ Thầu, huyện Tam

Chiếc ghế mây nhỏ bé từ lâu đã trở lên thân quen với đời sống sinh hoạt hàng ngày của bà con các dân tộc Lai Châu. Hình ảnh ghế mây được sử dụng trong những dịp lễ, tết, ngày vui cưới hỏi, thể hiện nét đẹp của một nghề thủ công truyền thống được gìn giữ qua nhiều thế hệ của đồng bào dân tộc Dao ở Lai Châu.

Những chiếc ghế mây không chỉ có giá trị sử dụng lâu bền mà ẩn trong nó là cả một nét đẹp văn hóa, thể hiện bàn tay tài hoa của những nghệ nhân đã làm ra nó. Với những ai đã thấy, sử dụng ghế mây và đã tận mắt chứng kiến người nghệ nhân làm từng công đoạn thì đây thực sự là một sản phẩm vô cùng hữu ích, không thể thiếu trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của bà con các dân tộc vùng cao.

Những năm gần đây, do kinh tế khó khăn và nguồn nguyên liệu ngày càng bị thu hẹp,

Tổ chức lớp truyền dạy bí quyết, kỹ năng nghề Mây tre đan; Đan mũ lông đuôi ngựa dân tộc Dao phù hợp với văn hóa dân tộc, đặc thù vùng miền gắn với phát triển du lịch cộng đồng cũng như nhu cầu, thị hiếu của thị trường.

	sản phẩm du lịch	Đường	<p>hầu hết bà con đã bỏ nghề làm ghế hoặc chỉ làm vài bộ để dùng trong gia đình. Vài năm trở lại đây, nhu cầu thị trường tăng trở lại, nghề đan ghế mây được khôi phục ở một số địa phương trong tỉnh với quy mô nhỏ lẻ. Tại Lai Châu có vài xã duy trì nghề đan ghế như Tà Lèng, Giang Ma, Bản Hon...</p> <p>Chưa tạo được thị trường ổn định cho cộng đồng, chưa làm cho sản phẩm nghề thủ công truyền thống thành hàng hóa có đủ sức cạnh tranh trên thị trường và cũng là phương thức sản xuất tạo ra thu nhập ổn định</p> <p>Cộng đồng người người Dao lưu giữ cả một kho tàng tri thức về chữa bệnh bằng tri thức dân gian gắn liền với thảo dược tồn tại xung quanh mình. Khi còn sống trên núi cao, mỗi khi trong bản làng có ai đau ốm, họ tự chữa cho nhau bằng những cây thuốc mọc từ tự nhiên. Tri thức về Y học cổ truyền được người Dao truyền miệng từ đời này sang đời khác và chỉ phổ biến trong cộng đồng. Phương pháp chữa trị bệnh truyền thống này đã có từ rất lâu, chẳng ai biết chính xác những bài thuốc chữa bệnh của người Dao có từ bao giờ</p>	<p>Nâng cao thu nhập, tạo công ăn việc làm cho người dân góp phần giảm nghèo bền vững</p>
3	<p>Truyền dạy tri thức dân gian về y dược học của người Dao</p>	<p>Bản Sĩ Thâu Chải (dân tộc Dao), xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường</p>	<p>Các loại thuốc nam của người Dao khá đa dạng và phong phú, gồm nhiều loại cây lấy từ nhiều nguồn khác nhau. Các vị thuốc chủ yếu hái lượm ở rừng, ít khi trồng sẵn. Cây thuốc được đồng bào hái lượm trong rừng, trên vách đá, bên bờ khe suối... Có loại lấy rễ, có loại lấy lá, có loại lấy vỏ, cũng có loại lấy quả và hoa. Có vị thuốc sắc để chữa đường ruột, đau xương...; có vị giã nhỏ để chữa gãy xương, vết thương nhỏ...; có vị đun lấy nước tắm gội, rửa chữa các bệnh ngứa, lở loét... Có thể chia thành các loại: thuốc bổ, thuốc tắm, thuốc trị bệnh</p> <p>Kết hợp với tiềm năng du lịch sinh thái và du lịch nghỉ dưỡng của huyện Sìn Hồ, ngoài mục tiêu tăng cường sức khỏe, giảm các loại bệnh, nâng cao tuổi thọ cho người dân thì việc bảo tồn, phát huy di sản tri thức dân gian về y, dược của dân tộc Dao dần đưa di sản thành sản phẩm phục vụ du lịch, tăng cường sự quảng bá về địa phương, văn hóa và đồng bào dân tộc Dao đến du khách trong và ngoài nước; khẳng định giá trị, sự độc đáo, đặc sắc của di sản; tôn vinh giá trị của di sản, góp phần bảo tồn, phát triển, áp dụng di sản văn hóa vào phát triển kinh tế gắn liền với du lịch cộng đồng tại địa</p>	<p>- Suu tầm, biên soạn tài liệu truyền dạy.</p> <p>- Tổ chức truyền dạy.</p> <p>- Khôi phục lại sinh hoạt văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc này và duy trì tổ chức thường niên,</p> <p>- Bảo tồn nét đẹp trong văn hóa truyền thống.</p>

phương.

Với những nét đặc trưng riêng biệt của mỗi vùng miền, tạo nên một nền văn hóa ẩm thực đa dạng, đặc sắc tạo được ấn tượng với mọi người và đặc biệt là trong lòng du khách khi đến tham quan.

Nền văn hóa ẩm thực hiện nay là một nhân tố thu hút khách du lịch khi đến với mỗi vùng miền, mỗi địa danh du lịch. Để phát triển du lịch nhanh và bền vững, việc xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, đặc biệt là các sản phẩm du lịch gắn với văn hóa truyền thống của dân tộc có vai trò quyết định. Trong các sản phẩm đó, ẩm thực đang nổi lên là một thế mạnh của du lịch.

Ngoài các loại hình du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chữa bệnh... du lịch ẩm thực ngày càng trở nên phổ biến và đóng vai trò không nhỏ trong sự phát triển du lịch của nhiều địa phương, nhiều quốc gia. Ẩm thực trở thành một thế mạnh góp phần tạo nên sự khác biệt, thu hút du khách

Khi đến một vùng đất mới, khách du lịch bao giờ cũng muốn được trải nghiệm những dấu ấn văn hóa khác nhau và văn hóa ẩm thực đã góp phần tạo nên những điều đó.

Ẩm thực mang tính vùng miền rõ nét, các món ăn truyền thống được chế biến và kết hợp hương vị một cách hài hòa, tinh tế. Khi đến với một vùng đất, ẩm thực là cách tốt nhất để tìm hiểu về đất nước, con người hay một nền văn hóa.

Chính vì lẽ đó, ẩm thực có vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch tại một vùng, một địa phương, với những nét riêng biệt ắt hẳn đối với mỗi nơi trên đất nước Việt Nam, ẩm thực luôn là một bức tranh đầy màu sắc mà bất kỳ du khách nào đến với vùng đất xinh đẹp này cũng muốn được thưởng thức những hương vị đặc sắc, say đắm lòng người.

1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ

3. Tổ chức lớp truyền dạy về cách thức, kỹ thuật nhằm trao truyền bí quyết nấu ăn cho đông đảo người dân;

4. Xây dựng mô hình dịch vụ ẩm thực truyền thống tại các điểm du lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

4	Bảo tồn ẩm thực truyền thống, đồng thời bổ sung các thực đơn ẩm thực phù hợp với các đối tượng khách	Dao	Bản Sĩ
			Thâu Chải
			(dân tộc Dao), xã
			Hồ
			Thầu, huyện
			Tam
			Đường

5	Duy trì Lễ hội Nhảy lửa	Dao	xã Hồ Thầu, huyện Tam Đường	<p>Lễ hội Nhảy lửa dân tộc Dao được tổ chức trong tháng giêng âm lịch, là lễ hội cộng đồng có quy mô cấp bản với mục đích thờ cúng và cầu mong thần lửa mang hơi ấm của mình về sưởi ấm dân làng, cho dân làng một năm mới bình yên, “mưa thuận, gió hòa”, muôn nhà khỏe mạnh, góp phần giáo dục lòng can đảm, dám đương đầu với mọi khó khăn, chứa đựng niềm tin hướng cộng đồng tới cái thiện và những việc làm tốt cho mình, tốt cho mọi người.</p> <p>Trong Lễ hội ngoài nghệ thuật biểu diễn độc đáo, đặc sắc, đa dạng và phong phú của loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian mang đậm nét văn hóa tâm linh của người Dao khi miêu tả được thế giới quan, vũ trụ quan, nhân sinh quan cũng như quan niệm về 3 tầng thế giới do những người thực hiện nghi thức thể hiện; người tham gia còn được thưởng thức “màn biểu diễn” tương trưng như không thể khi đi chân không múa trên than hồng. Kết hợp với phần kỳ ảo của nghi thức là kho tàng nghệ thuật độc đáo, đa dạng, phong phú dân tộc Dao được thể hiện của các làn điệu dân ca, dân vũ, dân nhạc làm mê đắm lòng người.</p> <p>Đến phần hội cũng không kém hấp dẫn khi được trải nghiệm “trở về tuổi thơ” với các trò chơi dân gian truyền thống của dân tộc Dao như đi cà kheo, đánh đu, bập bênh, chơi cù...</p> <p>Hiện nay lễ hội vẫn được duy trì, tuy nhiên với quy mô nhỏ, hình thức quảng bá chưa phong phú, nội dung nghệ thuật trình diễn dân gian, trò chơi truyền thống trong cả phần lễ và phần hội chưa thật sự đặc sắc, tiêu biểu, chưa thật sự thu hút được sự quan, chú ý của cộng đồng trong và ngoài khu vực</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trưng tập nghệ nhân, người am hiểu tập huấn, truyền dạy cho thế hệ sau - Tổ chức lễ hội (quy mô vùng, khu vực); - Hoàn thiện sản phẩm, in ấn, phát hành và bàn giao
---	----------------------------------	-----	---	---	---

VII **Bảo tồn, phát triển bản Thảm (dân tộc Lự), xã Bản Hon, huyện Tam Đường gắn với bản sắc văn hóa độc đáo dân tộc Lự**

Truyền dạy nghề thủ công truyền thống:	Lự	Bản Thảm xã Bản Hon, huyện	Tháo gỡ khó khăn và tạo điều kiện thúc đẩy phát triển nghề mây tre đan là một hướng đi đúng, vừa tạo công ăn việc làm cho lao động nông thôn, tận dụng được lao động nông nhân lại mang hiệu quả kinh tế, góp phần tăng kim ngạch xuất khẩu cho các sản phẩm làng nghề... Đảng và Nhà nước ta đã có không ít chính sách nhằm tạo điều kiện để phát triển làng nghề nói chung và mặt hàng mây tre đan nói riêng. Gần đây, Thủ	1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong
--	----	--	--	--

dệt thổ
cầm,
nghề
mây tre
đan

Tam
Đường

tướng Chính phủ đã có Quyết định 11/2011/QĐ-TTg khuyến khích phát triển ngành mây tre đan trong điều kiện mới. Trong đó, nhấn mạnh việc phát triển vùng nguyên liệu mây tre đan trong nước. Tuy nhiên việc thực hiện đòi hỏi một quá trình dài. Bởi vùng rừng nguyên liệu do khai thác tùy tiện nên bị hủy diệt phần lớn, nhiều diện tích đất được quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp, khu vui chơi giải trí, còn rừng mới trồng chưa thể đưa vào khai thác. Việc thiết kế sản phẩm phù hợp với nhu cầu, thị hiếu thị trường gắn với phát triển du lịch, tìm thị trường cho sản phẩm.

Nghề dệt truyền thống từ rất lâu, vải dệt được làm ra nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng của gia đình là chủ yếu, các sản phẩm được làm từ vải dệt như: trang phục, vỏ đệm, vỏ gối, vỏ chăn, túi đeo, khăn... nghề dệt truyền thống của dân tộc Lự lưu giữ những phương pháp, kỹ thuật dệt vải bao gồm việc làm ra các sản phẩm cụ thể phục vụ sinh hoạt, các hoa văn trang trí đặc sắc, kỹ thuật dệt may các sản phẩm từ vải dệt có tính thẩm mỹ, chất lượng tốt, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Nghề dệt thổ cầm không chỉ phục vụ nhu cầu cuộc sống sinh hoạt, đem lại giá trị kinh tế mà điều quan trọng nhất là nghề dệt còn chứa đựng giá trị tinh thần lớn lao, thể hiện quan niệm triết lý của cộng đồng.

Các dạng hoa văn trang trí chính là những tín hiệu biểu đạt tâm tư mà người ta dễ dàng cảm nhận, dễ gần gũi và hòa đồng. Khi những tín hiệu đó đã trở thành biểu tượng của cộng đồng thì sự thống nhất trong cách trang trí hoa văn chỉ là mối quan hệ họ hàng thân thuộc. Mặt khác, hoa văn còn biểu hiện mối quan hệ với các tộc người trong khu vực, đó là các yếu tố vay mượn, sao chép có chọn lọc, cải biên. Một số đồ án và trang trí hoa văn trên vải của dân tộc Lự có những điểm tương đồng với một số dân tộc trong cùng vùng cư trú như: hoa văn hình chữ thập, hoa văn hình đồng tiền, hoa văn sao tám cánh... Là một sự phản ánh khách quan về quá trình ảnh hưởng, giao lưu văn hóa giữa các tộc người cộng cư trên cùng một vùng lãnh thổ.

Ngoài ra, trong phong cách trang trí và tính quy phạm của các loại hoa văn với màu sắc của nó cũng thể hiện những luật tục, những kiêng kỵ trong cộng đồng. Như vậy, có thể khẳng định, hoa văn cũng là một trong những nguồn sử liệu quý khi nghiên cứu về

cộng đồng;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ
3. Tổ chức lớp truyền dạy về cách thức, kỹ thuật nhằm trao truyền bí quyết nấu ăn cho đồng bào người dân;
4. Xây dựng mô hình dịch vụ ẩm thực truyền thống tại các điểm du lịch cộng đồng
5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

lịch sử văn hóa tộc người.

Đến thăm bản người Lự đâu đâu cũng có thể sẽ gặp được phụ nữ nhuộm răng đen. Khác với người Kinh, từ lâu đã bỏ tục nhuộm răng đen, người Lự vẫn duy trì tục lệ này như một nét văn hóa đặc trưng. Với họ, hàm răng đen bóng vẫn là một tiêu chuẩn đánh giá nhan sắc của phụ nữ người Lự.

Ở đây, phụ nữ từ trẻ đến già đều nhuộm răng đen, và điều đặc biệt là trên hàm răng đen nhánh có hai cái răng cạnh bên phải được bịt vàng. Xưa kia, các cô gái người Lự muốn lấy được chồng thì nhất định phải nhuộm răng đen, người nào sống trong gia đình có điều kiện sẽ cấy thêm vài cái răng vàng thì càng có giá. Đó không chỉ là cách làm đẹp của riêng họ mà còn là sự tinh tế trong “bí quyết” nhuộm màu độc đáo đã thành truyền thống của dân tộc này.

Bản
Thăm xã
Bản
Hon,
huyện
Tam
Đường

Lự

Để có được một hàm răng đen nhánh, họ phải thực hiện rất nhiều bước. Đầu tiên, họ tìm kiếm nguyên liệu là những cánh kiến tán nhỏ, vắt thêm với nước chanh rừng và đem ngâm, giữ trên các gác bếp. Sau khoảng một tuần, họ lấy thứ dung dịch đó đem phết vào hai mảnh lá cọ rồi áp vào hai hàm răng lúc đi ngủ. Trong khi thực hiện các thao tác này, họ phải kiêng nhai. Họ lặp đi lặp lại điều này khoảng 5-7 ngày cho đến khi hai hàm răng đỏ giả ra màu cánh gián thì bôi thuốc đen vào. Thuốc đen này được làm từ đường phèn đen trộn với cánh kiến, chỉ cần nhuộm 1-2 miếng là đen kịt rồi dùng dao đốt nóng cho nhựa chảy ra. Họ dùng nhựa ấy phết vào hàm răng, vậy là đã có hàm răng đen bóng với những nụ cười độc đáo.

Còn một phương pháp nhuộm răng đen khác hay được đồng bào Lự dùng, đó là đốt gỗ cây “mày tiu” cho vào ống tre; sau đó lấy chảo gang vỡ hứng lấy muối khói tạo thành một lớp nhựa đen sệt; thỉnh thoảng nhuộm một lần để làm đẹp và phòng các bệnh răng miệng. Đối với đồng bào dân tộc Lự nói riêng và các đồng bào dân tộc thiểu số ở vùng Tây Bắc Việt Nam nói chung, họ luôn có ý thức giữ gìn phong tục truyền thống. Nếu tục xưa đã gắn với bản, với dân tộc thì bằng mọi cách, họ sẽ giữ tục như chính sự sống của họ. Vì thế, phong tục nhuộm răng đen của người Lự có giá trị thẩm mỹ cũng như

Bảo tồn
phong
tục
Nhuộm
răng đen
phục vụ
trình
diễn, trải
nghiệm
gắn với
phát
triển du
lịch
cộng
đồng

2

1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng;
2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ
3. Tổ chức lớp truyền dạy
4. Xây dựng CLB văn hóa truyền thống, tại các điểm du lịch cộng đồng
5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đầy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

giá trị văn hóa cao. Ở một góc nhìn khác, người miền xuôi có thể thấy điều đó là lạc hậu, lỗi thời, song đồng bào Lự thì khác, họ cho rằng, đó là nét đẹp truyền thống cần được giữ gìn và lưu truyền mãi về sau.

Dân ca, dân vũ, dân nhạc là sản phẩm tinh thần của những bản tình ca nở hoa thơm ngát do những người dân lao động sống bình dị quanh năm chân lấm tay bùn, hát lên trong lao động sản xuất và những dịp hội hè, được các thế hệ truyền lại từ đời này sang đời khác. Do chính người dân lao động tự sáng tác theo tập quán, phong tục. Các làn điệu dân ca thể hiện phong cách bình dân, sát với cuộc sống lao động mọi người. Các dịp biểu diễn. Thường ngày cũng được hát lên trong lao động để động viên nhau, hay trong tình yêu đôi lứa, trong tình cảm giữa người và người. Nó có nhiều chức năng đa dạng trong đời sống mỗi người dân.

Có thể nói, dân ca, dân vũ nói riêng nghệ thuật trình diễn dân gian nói chung tác động tới con người từ khi mới sinh ra với tiếng ru của mẹ cho đến khi từ già cỗi đời. Tuy không trực tiếp nuôi dưỡng con người như cơm ăn nước uống hàng ngày nhưng âm nhạc lại làm cho con người ta thêm yêu cuộc sống và nhận thức được cuộc sống. Nhờ ngôn ngữ biểu cảm đặc biệt của âm thanh mà con người từ khắp mọi phương trời không cùng ngôn ngữ, không chung phong tục tập quán nhưng lại có thể hiểu thêm được.

Hoạt động du lịch còn là môi trường, điều kiện thuận lợi để giao lưu, giới thiệu, quảng bá nghệ thuật trình diễn dân gian đến đông đảo khách lữ hành trong nước và quốc tế ở mỗi thành phần, lứa tuổi khác nhau. Có thể nói rằng, du lịch là “mảnh đất màu mỡ” để nghệ thuật trình diễn dân gian được bảo tồn, phát huy. Và chính nghệ thuật trình diễn dân gian lại trở thành nhân tố quan trọng thu hút khách lữ hành góp phần phát triển du lịch gắn với văn hóa truyền thống.

Trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội với xu thế hội nhập ngày nay, dân ca luôn là giá trị tinh thần vô giá phục vụ đời sống cộng đồng và phát triển du lịch. Bảo tồn dân ca gắn với phát triển du lịch là một trong những định hướng quan trọng, có ý nghĩa thiết thực của tỉnh.

Tổ chức
truyền
dạy

nghệ
thuật
trình
diễn dân
gian
(dân ca,
dân vũ,
nhạc cụ)
gắn với
phát
triển đội
văn nghệ

3

Lự

Bản
Thảm xã
Bản
Hon,
huyện
Tam
Đường

1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ

3. Tổ chức lớp truyền dạy

4. Phát triển đội văn nghệ, xây dựng CLB văn hóa truyền thống, tại các điểm du lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đầy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

4	Duy trì thường niên Tết cơm mới vào tháng 9 Âm lịch	Lự	Bản Thảm xã Bản Hon, huyện Tam Đường	<p>Phong tục này xuất phát từ niềm tin của người Lự, họ cho rằng, để có một mùa vụ bội thu, thì sự phù hộ của đất trời, tổ tiên là rất quan trọng. Người Lự có câu: “Lự lan bỏ tâm kin cón, bỏ hón kin cai đầm pang” (Con cháu không dám ăn trước, không thể ăn qua mặt gia tiên) nên gia tiên phải là người ăn cơm mới trước, nếu không cây lúa sẽ không tốt và sẽ không được mùa. Vì vậy, nhằm cảm ơn tổ tiên và công ơn sinh thành của cha mẹ, mừng mùa màng thắng lợi và cầu cho con cháu khỏe mạnh, mưa thuận, gió hòa giúp năm sau lại có những mùa vụ tươi tốt. Thông qua lễ hội vừa phản ánh tín ngưỡng tâm linh, vừa biểu hiện nét văn hóa truyền thống đặc trưng, mang tính nhân văn sâu sắc. Đây cũng là dịp để anh em trong gia đình, thông gia, làng xóm hội ngộ, chung vui, chia sẻ với nhau công việc làm ăn, xây dựng gia đình và thắt chặt thêm tình đoàn kết thôn bản hướng về một cuộc sống đủ đầy.</p> <p>Tuy nhiên, trong thời kỳ đổi mới việc tổ chức và duy trì Lễ Cúng rừng và Lễ Mừng cơm mới đã có nhiều thay đổi cả về nghi thức, thời gian, diễn trình... làm cho lễ hội dần bị biến tướng. Việc bảo tồn, phục dựng, phát huy giá trị của Lễ Cúng rừng theo định hướng lược bớt hoạt động không còn phù hợp, nâng cao, đẩy mạnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, trò chơi truyền thống và các hoạt động cộng đồng khác gắn với phát triển du lịch cộng đồng, xây dựng sản phẩm văn hóa, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân</p>	<p>- Trung tập nghệ nhân, người am hiểu tập huấn, truyền dạy cho thế hệ sau</p> <p>- Tổ chức lễ hội (quy mô vùng, khu vực);</p> <p>- Hoàn thiện sản phẩm, in ấn, phát hành và bàn giao</p>
---	---	----	---	---	--

VIII Bảo tồn, phát triển bản San Thành, xã San Thành, Thành phố Lai Châu theo định hướng du lịch cộng đồng gắn với chợ phiên và chợ đêm San Thành

1	Bảo tồn ẩm thực truyền thống, đồng thời bổ sung các thực đơn ẩm thực phù hợp	Giấy	bản San Thành, xã San Thành, Thành phố Lai Châu	<p>Với những nét đặc trưng riêng biệt của mỗi vùng miền, tạo nên một nền văn hóa ẩm thực đa dạng, đặc sắc tạo được ấn tượng với mọi người và đặc biệt là trong lòng du khách khi đến tham quan.</p> <p>Nền văn hóa ẩm thực hiện nay là một nhân tố thu hút khách du lịch khi đến với mỗi vùng miền, mỗi địa danh du lịch. Để phát triển du lịch nhanh và bền vững, việc xây dựng các sản phẩm du lịch độc đáo, đặc biệt là các sản phẩm du lịch gắn với văn hóa truyền thống của dân tộc có vai trò quyết định. Trong các sản phẩm đó, ẩm thực đang nổi lên là một thế mạnh của du lịch.</p> <p>Ngoài các loại hình du lịch sinh thái, du lịch tâm linh, du lịch nghỉ dưỡng, du lịch chữa bệnh... du lịch ẩm thực ngày càng trở nên phổ biến và đóng vai trò không nhỏ trong</p>	<p>1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng;</p> <p>2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ</p>
---	--	------	---	--	---

với các
đối
tượng
khách

sự phát triển du lịch của nhiều địa phương, nhiều quốc gia. Ẩm thực trở thành một thế mạnh góp phần tạo nên sự khác biệt, thu hút du khách

Khi đến một vùng đất mới, khách du lịch bao giờ cũng muốn được trải nghiệm những dấu ấn văn hóa khác nhau và văn hóa ẩm thực đã góp phần tạo nên những điều đó.

Ẩm thực mang tính vùng miền rõ nét, các món ăn truyền thống được chế biến và kết hợp hương vị một cách hài hòa, tinh tế. Khi đến với một vùng đất, ẩm thực là cách tốt nhất để tìm hiểu về đất nước, con người hay một nền văn hóa.

Chính vì lẽ đó, ẩm thực có vai trò quan trọng trong việc phát triển du lịch tại một vùng, một địa phương, với những nét riêng biệt ắt hẳn đối với mỗi nơi trên đất nước Việt Nam, ẩm thực luôn là một bức tranh đầy màu sắc mà bất kỳ du khách nào đến với vùng đất xinh đẹp này cũng muốn được thưởng thức những hương vị đặc sắc, say đắm lòng người.

3. Tổ chức lớp truyền dạy về cách thức, kỹ thuật nhằm trao truyền bí quyết nấu ăn cho đông đảo người dân;

4. Xây dựng mô hình dịch vụ ẩm thực truyền thống tại các điểm du lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu ẩm thực truyền thống trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

Tổ chức
truyền
dạy
nghệ
thuật
trình
diễn dân
gian
(dân ca,
dân vũ,
nhạc cụ)

2

Giấy

bản San
Thàng,
xã San
Thàng,
Thành
phố Lai
Châu

Dân ca, dân vũ, dân nhạc là sản phẩm tinh thần của những bản tình ca nở hoa thom ngát do những người dân lao động sống bình dị quanh năm chân lấm tay bùn, hát lên trong lao động sản xuất và những dịp hội hè, được các thế hệ truyền lại từ đời này sang đời khác. Do chính người dân lao động tự sáng tác theo tập quán, phong tục. Các làn điệu dân ca thể hiện phong cách bình dân, sát với cuộc sống lao động mọi người. Các dịp biểu diễn. Thường ngày cũng được hát lên trong lao động để động viên nhau, hay trong tình yêu đôi lứa, trong tình cảm giữa người và người. Nó có nhiều chức năng đa dạng trong đời sống mỗi người dân.

Có thể nói, dân ca, dân vũ nói riêng nghệ thuật trình diễn dân gian nói chung tác động tới con người từ khi mới sinh ra với tiếng ru của mẹ cho đến khi từ già cõi đời. Tuy không trực tiếp nuôi dưỡng con người như cơm ăn nước uống hàng ngày nhưng âm nhạc lại làm cho con người ta thêm yêu cuộc sống và nhận thức được cuộc sống. Nhờ ngôn ngữ biểu cảm đặc biệt của âm thanh mà con người từ khắp mọi phương trời

1. Nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn tài liệu để lưu giữ, hoặc thành xuất bản phẩm phát hành rộng rãi trong cộng đồng;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cho thế hệ trẻ

3. Tổ chức lớp truyền

gắn với
phát
triển đội
văn nghệ

không cùng ngôn ngữ, không chung phong tục tập quán nhưng lại có thể hiểu thêm được.

Hoạt động du lịch còn là môi trường, điều kiện thuận lợi để giao lưu, giới thiệu, quảng bá nghệ thuật trình diễn dân gian đến đông đảo khách lữ hành trong nước và quốc tế ở mỗi thành phần, lứa tuổi khác nhau. Có thể nói rằng, du lịch là “mảnh đất màu mỡ” để nghệ thuật trình diễn dân gian được bảo tồn, phát huy. Và chính nghệ thuật trình diễn dân gian lại trở thành nhân tố quan trọng thu hút khách lữ hành góp phần phát triển du lịch gắn với văn hóa truyền thống.

Trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội với xu thế hội nhập ngày nay, dân ca luôn là giá trị tinh thần vô giá phục vụ đời sống cộng đồng và phát triển du lịch. Bảo tồn dân ca gắn với phát triển du lịch là một trong những định hướng quan trọng, có ý nghĩa thiết thực của tỉnh.

Trong năm dân tộc Giáy có rất nhiều nghi lễ truyền thống liên quan đến tâm linh như: Hội xuống đồng, cúng bản, cúng rừng... Song, lễ cúng Tú Tỉ là một tín ngưỡng quan trọng của đời sống tâm linh dân tộc Giáy.

Nghi lễ được tổ chức vào ngày 2 tháng 2 âm lịch hàng năm là nghi lễ được cộng đồng, làng bản quan tâm hơn cả, bởi ngoài việc cúng thổ địa cầu mong mọi điều may mắn, bà con còn được vui chơi, hát múa, làm các món ăn truyền thống dân tộc mình. Lễ hội Tú Tỉ không chỉ là một sự kiện mang tính tín ngưỡng mà nó đã trở thành nét văn hóa đặc sắc trong đời sống tinh thần người dân tộc Giáy, xã San Thàng (Lai Châu).

Tú Tỉ dịch ra là (thổ địa) là một tín ngưỡng quan trọng của đời sống tâm linh dân tộc Giáy. Là nghi lễ cầu mong thổ địa nơi mình định cư phù hộ cho bà con được an lành, người dân trong bản được khoẻ mạnh, mùa màng tươi tốt, gia súc, gia cầm không mắc bệnh. Theo phong tục dân tộc Giáy, cúng Tú Tỉ sẽ quyết định đến sức khoẻ, mùa màng của cả năm đối với bà con dân bản. Vì vậy, ngoài việc chuẩn bị lễ vật đầy đủ một con lợn, hai con gà, năm bát xôi, rượu trắng, bánh kẹo hoa quả..., trong bản những ngày này cũng được dọn vệ sinh sạch sẽ, mỗi gia đình được một người có mặt tại bàn thờ lễ. Người vào khu vực cúng thường là con trai đàn ông. Ngày diễn ra lễ, phụ nữ có thai,

dạy

4. Phát triển đội văn nghệ, xây dựng CLB văn hóa truyền thống, tại các điểm du lịch cộng đồng

5. Kết nối với tổ chức, cá nhân đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu trong và ngoài khu vực thông qua sự kiến, triển lãm.....

- Suu tầm, xây dựng kịch bản;

- Trung tập nghệ nhân, người am hiểu tập huấn, truyền dạy cho thế hệ sau

- Tổ chức lễ hội (quy mô vùng, khu vực);

- Hoàn thiện sản phẩm, in ấn, phát hành và bàn giao

3 Duy trì thường niên Lễ hội Tú Tỉ vào tháng 2 Âm lịch

Giáy

bản San Thàng, xã San Thàng, Thành phố Lai Châu

phụ nữ không sạch sẽ hoặc đang cho con bú không được tới.

Các bài cúng xoay quanh việc cầu xin thần thổ địa phù hộ độ trì cho dân bản được an lành, hạnh phúc, may mắn, khoẻ mạnh, làm ra thóc đầy bồ, ngô đầy sàn, trâu, bò, lợn, gà sinh sôi đầy chuồng. Đàn ông thụ lễ tại khu vực cúng, cầu mong sự an lành, khoẻ mạnh sẽ được thần thổ địa phù hộ cho gia đình mình. Tại lễ Tú Tỉ, các món ăn truyền thống được bà con làm ra, mang đậm nét văn hóa ẩm thực bản địa như: gà luộc, xôi, thịt nướng, bánh bồng, bánh trưng, khẩu nhục. Ngoài những đồ thờ cúng dâng lên thổ đị thì những món ăn này sẽ được nấu và ăn tại nơi tổ chức cúng Tú Tỉ.

Trong lễ hội còn tổ chức nhiều trò chơi dân gian với những môn thi độc đáo như: Bắn nỏ, giã bánh dày, kéo co, tó má lẹ, nhảy bao bố, bịt mắt đánh chiêng, thi cày ruộng... Các món ăn truyền thống được bà con làm ra, mang đậm nét văn hóa ẩm thực bản địa: cá nướng, cơm lam, thịt nướng, thịt đỏ, khẩu nhục, sáo xiu của người Giáy. Sắc màu thổ cẩm cùng những lời ca, điệu múa, tiếng khèn của đồng bào dân tộc Giáy đã thu hút đông đảo người dân trong vùng về dự. Và từ lâu, lễ hội đã thực sự trở thành ngày hội của đồng bào nhân dân các dân tộc xã San Thàng.

Sau khi thực hiện nghi lễ cúng thần Thổ địa (Tú Tỉ), đồng bào dân bản an tâm bắt tay vào công việc trồng, cấy. Nghi lễ cúng thần Thổ địa (Tú Tỉ) mang giá trị nhân văn to lớn, thể hiện tinh thần cộng đồng giữa các thành viên trong cộng đồng người Giáy

Những phiên chợ vùng cao luôn là một trải nghiệm hấp dẫn đối với du khách. Những phiên chợ vùng cao luôn để lại những ấn tượng khó quên cho những ai một lần có dịp ghé thăm.

Bên cạnh những phiên chợ vùng cao đã có từ thời xa xưa, những phiên chợ vừa mới mở cũng vẫn là điểm đến hấp dẫn với du khách muốn khám phá bản sắc văn hóa, những phong tục truyền thống của đồng bào vùng cao.

Cũng như phần lớn các phiên chợ vùng cao sản phẩm được bày bán trong chợ chủ yếu là các nông sản do bà con tự sản xuất hoặc thu hái trong rừng; những trang phục truyền thống của đồng bào dân tộc trên địa bàn.

Ngoài ra, trong chợ còn bày bán đồ gia dụng, đồ dùng sinh hoạt thường ngày để phục vụ nhu cầu của người dân.

Chợ phiên hiện cũng là một điểm tham quan hấp dẫn du khách du lịch. Ngoài những

Duy trì, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của chợ phiên, chợ đêm San Thàng gắn với ẩm thực dân tộc Giáy. Đa dạng các sản phẩm dịch vụ ăn uống, ngoài ẩm thực truyền thống còn bổ sung các thực đơn ẩm thực phù hợp với cá đối tượng khách. Nâng

sản vật địa phương, đến chợ phiên ta dễ dàng bắt gặp những ảnh đậm đà bản sắc văn hóa vùng cao trên đã tạo nên nét riêng của phiên chợ vùng cao Tây Bắc. Du khách được thưởng thức những tiết mục văn nghệ đặc sắc mang đậm bản sắc truyền thống dân tộc do các đội văn nghệ của các bản, tổ dân phố trên địa bàn thành phố biểu diễn; tham gia đốt lửa trại, múa xòe, nhảy sạp... du khách sẽ có những trải nghiệm khám phá thú vị, thưởng thức các món ăn đặc trưng của đồng bào dân tộc như thắng cố, đồ nướng, thịt lợn hun khói, phở chua, bánh bòng và nhiều mặt hàng nông sản bản địa. Khu bán hàng lưu niệm giới thiệu nhiều sản phẩm mang đậm bản sắc của đồng bào các dân tộc như khăn, áo, váy thổ cẩm và vòng tay, lắc tay bằng bạc...

Đây cũng là hoạt động nhằm phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch, phục vụ du khách đến thăm quan, tạo điều kiện cho người dân địa phương phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa các dân tộc, trao đổi mua bán hàng hóa.

Tuy có ý nghĩa và giá trị rất lớn, tuy nhiên đại đa số chợ phiên trên địa bàn tỉnh Lai Châu cơ sở vật chất vẫn chưa đảm bảo, quy hoạch hoạt động, tổ chức sinh hoạt văn hóa chưa đặc sắc, tiêu biểu và thu hút được đông đảo du khách đến thăm quan, mua sắm... Hàng hóa được bày bán, giới thiệu ở chợ phiên còn thiếu tính hấp dẫn...

cao chất lượng ẩm thực tại chợ phiên, chợ đêm San Thành phục vụ du khách. Quy hoạch khu vực bày bán, giới thiệu nông sản và sản vật địa phương, sản phẩm văn hóa, nghề thủ công truyền thống tiêu biểu các dân tộc... quảng bá giới thiệu văn hóa truyền thống độc đáo, đặc sắc, tiêu biểu của các dân tộc trên địa bàn.

PHỤ LỤC 3**DANH MỤC VÀ DỰ TOÁN PHIM TƯ LIỆU, PHIM KÝ SỰ VỀ VĂN HÓA VÀ VÙNG VĂN HÓA
13 DÂN TỘC CƯ TRÚ THÀNH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU***Đvt: triệu đồng*

Stt	Tên phim	Thời lượng (Phút)	Kinh phí		Thành tiền
			Định mức sản phẩm (2.5tr/phút)	Hỗ trợ tổ chức	
	VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC (PHIM DÂN TỘC HỌC)				
A	NHÓM TÀY - THÁI: THÁI, GIÁY, LỰ, LÀO				
I	Dân tộc Thái				
1	Lễ hội Then Kín Pang	20	50	50	100
2	Tết Cơm mới "Kín Lầu Khẩu Mẫu"	20	50	50	100
3	Lễ hội Xuống đồng "Lùng tùng"	20	50	50	100
4	Lễ hội Nàng Han	20	50	50	100
5	Lễ hội Xòe Chiêng	20	50	50	100
6	Ăn rằm tháng 7 "Síp sí"	20	50	50	100
7	Sách cổ của người Thái	15	38	30	68
8	Nghề dệt vải	15	38	30	68
9	Nghề chế tác đàn tính	15	38	30	68
10	Kỹ thuật làm thuyền đuôi én	15	38	30	68
11	Trò chơi dân gian	15	38	30	68
12	Âm thực truyền thống	15	38	30	68
13	Nghệ thuật xòe Thái	20	50	50	100
14	Nhà sàn người Thái	20	50	50	100
15	Đám cưới của người Thái	20	50	50	100
16	Nghệ thuật trình diễn dân gian	20	50	50	100
II	Dân tộc Giáy				
17	Âm thực truyền thống	15	38	30	68
18	Nhạc cụ truyền thống	15	38	30	68
19	Nghệ thuật trình diễn dân gian	20	50	50	100
20	Đám cưới người Giáy	20	50	50	100
21	Lễ cúng bản "Tú tỷ"	20	50	50	100

22	Lễ cúng rừng "Đoong Xía"	20	50	50	100
23	Nghề làm giày	15	38	30	68
24	Nghề làm hương	15	38	30	68
III	Dân tộc Lự				
25	Nghề dệt dệt thổ cẩm	20	50	50	100
26	Nghề mây tre đan	20	50	50	100
27	Lễ Cúng bản "Cắm nương"	20	50	50	100
28	Lễ Cúng rừng "Cắm nung"	20	50	50	100
29	Tết cơm mới "Kín Khẩu máy"	20	50	50	100
30	Lễ Cúng trâu "Mo Khoăn khoài"	20	50	50	100
31	Phong tục nhuộm răng đen	15	38	30	68
32	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
IV	Dân tộc Lào				
33	Lễ hội té nước "Bun vốc nặm"	20	50	50	100
34	Nhạc cụ truyền thống dân	15	38	30	68
35	Nghề thủ công truyền thống	15	38	30	68
36	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
B	NHÓM NAM Á: MẰNG, KHÁNG, KHƠ MÚ				
V	Dân tộc Mảng				
37	Nghề đan lát	15	38	30	68
38	Tục xăm cằm	15	38	30	68
39	Nghề thủ công truyền thống	15	38	30	68
40	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
VI	Dân tộc Kháng				
41	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
42	Nghề thủ công truyền thống	15	38	30	68
43	Tri thức dân gian trong săn bắt, hái lượm	15	38	30	68
VII	Dân tộc Khơ Mú				
44	Canh tác nương rẫy của người Khơ Mú	15	38	30	68
45	Nghề thủ công truyền thống	15	38	30	68
46	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
C	NHÓM MÔNG - DAO: MÔNG, DAO				
VIII	Dân tộc Mông				

47	Lễ hội Gầu Tào	20	50	50	100
48	Lễ Đặt tên của người Mông Trắng	20	50	50	100
49	Nghi thức Cúng dòng họ "Tu Su"	20	50	50	100
50	Lễ cúng rừng của người Mông	20	50	50	100
51	Phong tục thờ cúng tổ tiên	20	50	50	100
52	Tục kéo vợ và ngủ thăm	20	50	50	100
53	Đám cưới của người Mông Hoa	20	50	50	100
54	Nhà truyền thống dân tộc Mông	20	50	50	100
55	Kỹ thuật vẽ sáp ong trên vải	20	50	40	90
56	Nghệ thuật trang trí trên trang phục	15	38	30	68
57	Kỹ thuật làm trống	15	38	30	68
58	Kỹ thuật làm khèn	15	38	30	68
59	Nghề rèn	15	38	30	68
60	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
61	Trò chơi truyền thống	15	38	30	68
62	Tri thức trong canh tác nương rẫy	15	38	30	68
63	Tri thức trong săn bắt thú rừng	15	38	30	68
64	Âm thực truyền thống	15	38	30	68
IX	Dân tộc Dao				
65	Lễ Tủ Cải	20	50	50	100
66	Lễ cúng bản	20	50	50	100
67	Lễ cúng rừng	20	50	50	100
68	Tết cơm mới	20	50	50	100
69	Hát quan làng	20	50	50	100
70	Lễ cưới	20	50	50	100
71	Nghệ thuật trình diễn dân gian	20	50	50	100
72	Sách cổ người Dao	20	50	50	100
73	Hệ thống tranh thờ trong tín ngưỡng	20	50	50	100
74	Tri thức dân gian trong y dược học	20	50	50	100
75	Nghề làm mũ lông đuôi ngựa	15	38	30	68
76	Nghề đan lát	15	38	30	68
77	Nghề rèn	15	38	30	68

78	Nghề làm giấy rơm của người Dao Khâu	15	38	30	68
C	NHÓM TẠNG - MIỀN: HÀ NHÌ, LA HỮ, CỐNG, SI LA				
X	Dân tộc Hà Nhì				
80	Lễ cúng bản (Hà Nhì Hoa)	20	50	50	100
81	Tết mùa mưa (Hà Nhì Hoa)	20	50	50	100
82	Tết năm mới (Hà Nhì Hoa)	20	50	50	100
83	Nghệ thuật trình diễn dân gian (Hà Nhì Hoa)	20	50	50	100
84	Lễ cưới (Hà Nhì Hoa)	20	50	50	100
85	Lễ hội Khô Già Già của người Hà Nhì Đen	20	50	50	100
86	Thờ cúng tổ tiên của người Hà Nhì Cồ Chồ	20	50	50	100
87	Trường ca Xa Nhà Ca	20	50	50	100
88	Sử thi Phù Ca na ca	20	50	50	100
89	Nhà trình tường của người Hà Nhì	15	38	30	68
90	Kỹ thuật cắt may và tạo hình trang phục	15	38	30	68
91	Trò chơi truyền thống	15	38	30	68
XI	Dân tộc La Hủ				
92	Lễ cúng bản	20	50	50	100
93	Tết mùa mưa	20	50	50	100
94	Tri thức dân gian hái lượm của người La Hủ	15	38	30	68
95	Tri thức dân gian trong săn bắt của người La Hủ	15	38	30	68
96	Trò chơi truyền thống	15	38	30	68
97	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
98	Nghề thủ công truyền thống	15	38	30	68
XII	Dân tộc Cống				
99	Lễ cúng bản của dân tộc Cống	20	50	50	100
100	Tết ngô của dân tộc Cống	20	50	50	100
101	Thờ cúng tổ tiên của người Cống	15	38	30	68
102	Kỹ thuật cắt may và tạo hình trang phục	15	38	30	68
103	Trò chơi truyền thống	15	38	30	68
104	Nghề thủ công truyền thống	15	38	30	68
105	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68

XIII	Dân tộc Si La				
106	Lễ cúng bản	20	50	50	100
107	Tết cơm mới	20	50	50	100
108	Thờ cúng tổ tiên của người Si La	20	50	50	100
109	Đám cưới người Si La	20	50	50	100
110	Nghệ thuật trình diễn dân gian	15	38	30	68
111	Nghề thủ công truyền thống	15	38	30	68
112	Trò chơi truyền thống	15	38	30	68
113	Kỹ thuật cắt may và tạo hình trang phục	15	38	30	68
114	Canh tác nương rẫy của người Si La	15	38	30	68
115	Tri thức dân gian trong săn bắn, hái lượm	15	38	30	68
	VĂN HÓA VÙNG (PHIM KÝ SỰ)				
116	Vùng văn hóa cao nguyên Hồ Thầu	50	125	80	205
117	Vùng văn hóa Mường Than	50	125	80	205
118	Vùng văn hóa Mường So	50	125	80	205
119	Vùng Văn hóa Giào San	50	125	80	205
120	Vùng Văn hóa vùng thấp Sìn Hồ	50	125	80	205
121	Vùng Văn hóa vùng cao Sìn Hồ	50	125	80	205
122	Chợ phiên San Thàng	25	63	15	78
123	Chợ phiên Sìn Suối Hồ	25	63	15	78
124	Chợ phiên Sìn Hồ	25	63	15	78
125	Chợ phiên Đào San	25	63	15	78
126	Chợ sừng Sỉ Lở Lầu	25	63	15	78
127	Vùng Văn hóa thượng nguồn sông Đà	50	125	80	205
128	Vùng Văn hóa Nậm Na	50	125	80	205
129	Vùng Văn hóa Nậm Mu	50	125	80	205
130	Thủy điện Sơn La - Lai Châu	40	100	15	115
131	Thủy điện Bản Chát - Huổi Quảng	40	100	15	115
					12,000
<i>Mười hai tỷ đồng chẵn</i>					

PHỤ LỤC 4: TỔNG HỢP DI SẢN VĂN HÓA 13 DÂN TỘC CƯ TRÚ THÀNH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

Stt	Dân tộc	Di sản văn hóa vật thể											Di sản văn hóa phi vật thể											Tổng hợp		
		Loại hình								Thực trạng			Loại hình								Thực trạng					
		Kiến trúc	Trang phục	Trang sức	Phương tiện vận chuyển	Nhạc cụ	Công cụ sản xuất	Đồ dùng sản bắt	Dụng cụ nghề thủ công	Duy trì, bảo tồn	Mai một, mất đi	Tổng số	Tiếng nói/chữ viết	Ngữ văn dân gian	Nghệ thuật trình diễn dân gian	Tập quán xã hội	Lễ hội truyền thống	Nghề thủ công	Tri thức dân gian	Duy trì, bảo tồn	Mai một, mất đi	Tổng số	Đang được duy trì, bảo tồn	Đã mai một	Tổng số di sản văn hóa	
1	Thái	3	5	5	6	8	7	11	28	33	40	73	2	9	4	7	10	7	5	17	27	44	50	67	117	
2	Giáy	2	5	3	4	5	7	10	19	28	27	55	1	8	2	6	4	6	2	12	17	29	40	44	84	
3	Lào	2	5	4	5	6	7	10	28	25	42	67	1	7	2	7	4	6	3	12	18	30	37	60	97	
4	Lự	2	5	4	5	6	7	10	28	38	29	67	1	7	2	7	4	6	3	16	14	30	54	43	97	
5	Mảng	1	5	5	6	6	7	10	19	17	42	59	1	4	2	8	2	4	1	5	17	22	22	59	81	
6	Kháng	1	5	5	6	5	7	10	19	14	44	58	1	4	2	7	2	4	1	5	16	21	19	60	79	
7	Khơ Mú	2	5	4	6	5	7	10	28	18	49	67	1	4	2	7	3	5	1	4	19	23	22	68	90	
8	Mông	1	5	4	4	7	7	9	35	41	31	72	2	9	3	6	3	8	2	19	14	33	60	45	105	
9	Dao	1	6	5	4	7	7	9	36	44	31	75	2	10	3	8	5	8	2	18	20	38	62	51	113	
10	Hà Nhì	1	5	3	4	5	7	9	19	26	27	53	1	9	3	6	4	5	2	18	12	30	44	39	83	
11	Si La	1	5	3	3	5	7	9	19	16	36	52	1	7	2	6	4	5	1	7	19	26	23	55	78	
12	Cống	2	5	5	6	6	7	10	28	20	49	69	1	7	2	6	3	6	1	9	17	26	29	66	95	
13	La Hủ	1	5	3	4	5	7	9	19	8	45	53	1	7	2	6	4	5	2	4	23	27	12	68	80	
Tổng Cộng		20	66	53	63	76	91	126	325	328	492	820	16	92	31	87	52	75	26	146	233	379	474	725	1199	

DANH SÁCH DI SẢN VĂN HÓA CỦA 13 DÂN TỘC CƯ TRÚ THÀNH CỘNG ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

I. DÂN TỘC THÁI

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 73 di sản

- Kiến trúc 03 loại hình: Nhà ở, Nhà thờ cúng, Nhà mồ
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 05 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, cài đầu, trang sức thân người (Xà tích);
- Phương tiện vận chuyển 06 loại hình: Thuyền, bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 08 loại hình: Đàn tính, nhị, chiêng, trống, chùm nhạc, sáo dọc, sáo đôi, đàn mangdolun,
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 11 loại hình: Súng, nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 28 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bật bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

1.2. Di sản hiện đang được duy trì, bảo tồn: 33 di sản

- Kiến trúc 03 loại hình: Nhà ở, Nhà thờ cúng, Nhà mồ
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 01 loại hình: rang sức thân người (Xà tích);
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 05 loại hình: Đàn tính, chiêng, trống, chùm nhạc, đàn mangdolun,
- Công cụ sản xuất 04 loại hình: Cuốc, cào, dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 06 loại hình: chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá
- Dụng cụ nghề thủ công 07 loại hình gồm:

+ Mộc 0 loại hình (Mát):

+ Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;

+ Dệt 03 loại hình: Khung dệt, giỏ đựng, con thoi;

+ Rèn đúc 0 loại hình: (Mát)

1.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: 40 di sản

- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, cài đầu;

- Phương tiện vận chuyển 05 loại hình: Thuyền, bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn;

- Nhạc cụ 03 loại hình: Nhị, sáo dọc, sáo đôi;

- Công cụ sản xuất 03 loại hình: Cày, bừa, chộc lỗ

- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Súng, nỏ, bẫy thú, bẫy chim, bẫy cá

- Dụng cụ nghề thủ công 20 loại hình gồm:

+ Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

+ Dệt 06 loại hình: Tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn sợi, se sợi;

+ Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Thái

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 44 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 02 di sản là: Chữ viết, tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 09 di sản là: Dân ca, truyện thơ, sử thi, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 04 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống, Hát then đàn tính, Nghệ thuật Xòe;

- Tập quán xã hội 07 di sản: Thờ cúng tổ tiên, thờ họ ngoại, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;

- Lễ hội truyền thống 10 di sản: Cúng mường, Cúng bản, Lễ hội Xòe chiêng, Tết rằm tháng giêng, Tết rằm tháng bảy, Lễ hội Nàng Han, Then Kin Pang, Lễ xuống đồng, Tết Cơm mới, Lễ hội gọi đầu cuối năm;

- Nghề thủ công truyền thống 07 di sản: Nghề dệt vải, cắt may và tạo hình trang phục, chế tác đàn tính, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;

- Tri thức dân gian 05 di sản: Ẩm thực, sách cổ, nhà sàn, tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước, tri thức bản địa trong đánh bắt cá bằng các loại cãm bẫy;

2.2. Di sản hiện đang được duy trì, bảo tồn: 17 di sản

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 01 di sản là: Dân ca;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 03 di sản là: Múa dân gian, Hát then đàn tính, Nghệ thuật Xòe;

- Tập quán xã hội 02 di sản: Thờ cúng tổ tiên, thờ họ ngoại;

- Lễ hội truyền thống 7 di sản: Lễ hội Xòe chiêng, Tết rằm tháng giêng, Tết rằm tháng bảy, Lễ hội Nàng Han, Then Kin Pang, Lễ xuống đồng, Tết Cơm mới;

- Nghề thủ công truyền thống 01 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục;

- Tri thức dân gian 02 di sản: Âm thực, nhà sàn;

2.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: 27 di sản

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Chữ viết;

- Ngữ văn dân gian 08 di sản là: Truyện thơ, sử thi, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;

- Tập quán xã hội 05 di sản: Tuất tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;

- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Cúng mường, Cúng bản, Lễ hội gọi đầu cuối năm;

- Nghề thủ công truyền thống 05 di sản: Nghề dệt vải, chế tác đàn tính, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;

- Tri thức dân gian 03 di sản: Sách cổ, tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước, tri thức bản địa trong đánh bắt cá bằng các loại cạm bẫy;

II. DÂN TỘC GIÁY

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 55 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, Nhà mồ

- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em

- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;

- Phương tiện vận chuyển 04 loại hình: Ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),

- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, pí kéo,

- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực

- Đồ dùng săn bắt 10 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá

- Dụng cụ nghề thủ công 28 loại hình gồm:

+ Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

+ Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;

+ Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

+ Làm bánh 09 loại hình: Cối xay, đựng bột nước, nhào bột, khuôn bánh, nồi, chảo, vớt, đồ đảo, đồ đựng

1.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 28 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, Nhà mồ

- Trang phục 04 loại hình: Cưới, nam, nữ, trẻ em

- Trang sức 0 loại hình:

- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: Quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),

- Nhạc cụ 03 loại hình: Chiêng, trống, pí kẻo,

- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực

- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Chài, lưới, đơm, đó, vớt;

- Dụng cụ nghề thủ công 09 loại hình gồm:

+ MỘC 0 loại hình:

+ Đan lát 0 loại hình:

+ Rèn đúc 0 loại hình:

+ Làm bánh 09 loại hình: Cối xay, đựng bột nước, nhào bột, khuôn bánh, nồi, chảo, vớt, đồ đảo, đồ đựng

1.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 27 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình:

- Trang phục 01 loại hình: Tang ma

- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;

- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Ngựa thồ;

- Nhạc cụ 02 loại hình: Nhị, sáo dọc;

- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ;

- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, xúc cá, bẫy cá;

- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:

+ MỘC 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

+ Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vớt, dùi lỗ;

+ Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

+ Làm bánh 0 loại hình

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Giáy

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 29 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 08 di sản là: Dân ca, truyện thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 06 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Lễ hội xuống đồng, Lễ cúng bản, Lễ cúng chủ mường, Lễ cúng rừng;
- Nghề thủ công truyền thống 06 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc, làm bánh;

- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước;

2.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 12 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản;
- Ngữ văn dân gian 02 di sản là: Dân ca, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Múa dân gian;
- Tập quán xã hội 02 di sản: Thờ cúng tổ tiên, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Lễ hội xuống đồng, Lễ cúng bản, Lễ cúng chủ mường, Lễ cúng rừng;
- Nghề thủ công truyền thống 02 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, làm bánh;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Ẩm thực;

2.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 17 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 06 di sản là: Truyện thơ, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 04 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới;
- Lễ hội truyền thống 0 di sản;
- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước;

III. DÂN TỘC LÀO

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 67 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, thờ họ ngoại;
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu;
- Phương tiện vận chuyển 05 loại hình: Bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 06 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, khèn bè, đàn Măng đô luy,;
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chọc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 10 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 28 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;

1.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 25 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, thờ họ ngoại;
- Trang phục 03 loại hình: Nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, trâm cài đầu;
- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: Quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 04 loại hình: Chiêng, trống, khèn bè, đàn Măng đô luy,;
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Chài, lưới, đơm, đó, vọt
- Dụng cụ nghề thủ công 03 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình
 - + Đan lát 0 loại hình
 - + Rèn đúc 0 loại hình
 - + Dệt 03 loại hình: Khung dệt, giỏ đựng, con thoi;

1.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 42 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 02 loại hình: Tang ma, cưới

- Trang sức 01 loại hình: Hoa tai;
- Phương tiện vận chuyển 02 loại hình: Bè, ngựa thồ;
- Nhạc cụ 02 loại hình: Nhị, sáo dọc
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ;
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 25 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Dệt 06 loại hình: Tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi;

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Lào

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 30 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Dân ca, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 07 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, nhuộm răng đen, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Lễ hội té nước “Bun vốc nặm”, Lễ cúng bản, Lễ cúng rừng, Tết cơm mới;
- Nghề thủ công truyền thống 06 di sản: Dệt, Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;
- Tri thức dân gian 03 di sản: Nhà sàn, tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước, tri thức bản địa trong đánh bắt cá bằng các loại cạm bẫy;

2.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 12 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản
- Ngữ văn dân gian 02 di sản là: Dân ca, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Múa dân gian;
- Tập quán xã hội 03 di sản: Thờ cúng tổ tiên, nhuộm răng đen, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Lễ hội té nước “Bun vốc nặm”, Tết cơm mới;
- Nghề thủ công truyền thống 02 di sản: Dệt, Cắt may và tạo hình trang phục;
- Tri thức dân gian 02 di sản: Nhà sàn, tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước;

2.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 18 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 05 di sản là: Ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 04 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới;
- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Lễ cúng bản, Lễ cúng rừng;
- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong đánh bắt cá bằng các loại cãm bẫy;

IV. DÂN TỘC LỰ

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 67 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, thờ họ ngoại;
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu;
- Phương tiện vận chuyển 05 loại hình: Bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 06 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, khèn bè, đàn Măng đô luy,;
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 10 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 28 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài;
 - + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;

1.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 38 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, thờ họ ngoại;
- Trang phục 04 loại hình: Cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu;

- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: Quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 04 loại hình: Chiêng, trống, khèn bè, đàn Măng đô luy, n,
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Chài, lưới, đơm, dỏ, vọt
- Dụng cụ nghề thủ công 14 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 0 loại hình
 - + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;

1.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 29 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 01 loại hình: Tang ma;
- Trang sức 00 loại hình:
- Phương tiện vận chuyển 02 loại hình: Bè, ngựa thồ;
- Nhạc cụ 02 loại hình: Nhị, sáo dọc
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ;
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 14 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rù, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 0 loại hình;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kim kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Dệt 0 loại hình

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Lự

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 30 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Dân ca, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 07 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, nhuộm răng đen, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;

- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Tết cơm mới, Lễ cúng bản, Lễ cúng rừng, Lễ cúng trâu;

- Nghề thủ công truyền thống 06 di sản: Dệt, Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;

- Tri thức dân gian 03 di sản: Nhà sàn, tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước, tri thức bản địa trong đánh bắt cá bằng các loại cãm bẫy;

2.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 16 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản

- Ngữ văn dân gian 02 di sản là: Dân ca, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Múa dân gian;

- Tập quán xã hội 04 di sản: Thờ cúng tổ tiên, tết năm mới, nhuộm răng đen, đám cưới;

- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Tết cơm mới, Lễ cúng bản, Lễ cúng rừng, Lễ cúng trâu;

- Nghề thủ công truyền thống 03 di sản: Dệt, Cắt may và tạo hình trang phục, đan lát;

- Tri thức dân gian 02 di sản: Nhà sàn, tri thức bản địa trong canh tác ruộng nước;

2.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 18 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 05 di sản là: Ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;

- Tập quán xã hội 04 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới;

- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Lễ cúng bản, Lễ cúng rừng;

- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;

- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong đánh bắt cá bằng các loại cãm bẫy;

V. DÂN TỘC MÀNG

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 59 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở

- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em

- Trang sức 05 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu, trang trí thân;

- Phương tiện vận chuyển 06 loại hình: Thuyền, bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 06 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, sáo dài, đàn Măng đô luyt,
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 10 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài;

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 17 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình:
- Trang phục 01 loại hình: Nữ
- Trang sức 01 loại hình: Vòng tay;
- Phương tiện vận chuyển 02 loại hình: Đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 01 loại hình: Sáo dài;
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Nỏ, chài, lưới, đơm, đó
- Dụng cụ nghề thủ công 5 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình:
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 0 loại hình

1.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 42 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 04 loại hình: Tang ma, cưới, nam, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, hoa tai, trâm cài đầu, trang trí thân;
- Phương tiện vận chuyển 04 loại hình: Thuyền, bè, ngựa thồ, quang gánh, ,
- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, đàn Măng đô luyt,
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chộc lỗ
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Nỏ, chài, lưới, đơm, đó
- Dụng cụ nghề thủ công 23 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

- + Đan lát 0 loại hình;
- + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài;

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Mảng

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 22 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 04 di sản là: Dân ca, tục ngữ, truyện cổ tích, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 08 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới, xăm cằm;
- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Tết cơm mới, Lễ cúng dòng họ;
- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 05 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản;
- Ngữ văn dân gian 01 di sản là: Dân ca;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 0 di sản;
- Tập quán xã hội 01 di sản: Thờ cúng tổ tiên;
- Lễ hội truyền thống 01 di sản: Tết cơm mới;
- Nghề thủ công truyền thống 01 di sản: Đan lát;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 17 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 03 di sản là: Tục ngữ, truyện cổ tích, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 06 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới, xăm cằm;
- Lễ hội truyền thống 01 di sản: Lễ cúng dòng họ;
- Nghề thủ công truyền thống 03 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, rèn;
- Tri thức dân gian 0 di sản;

VI. DÂN TỘC KHÁNG

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 58 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 05 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu, trang trí thân;
- Phương tiện vận chuyển 06 loại hình: Thuyền, bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, đàn Mãng đơ luy,;
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 10 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài;

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 14 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 0 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 01 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu, trang trí thân;
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Thuyền, bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 0 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, đàn Mãng đơ luy,;
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 04 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 5 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 0 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài;

1.3. Di sản được đã bị mai một, mất đi: Tổng số 44 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu, trang trí thân;
- Phương tiện vận chuyển 05 loại hình: Thuyền, bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn,
- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, đàn Măng đô luy,;
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ
- Đồ dùng săn bắt 06 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, vợt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 14 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 0 loại hình
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài;

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Kháng

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 21 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 04 di sản là: Dân ca, tục ngữ, truyện cổ tích, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 07 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Tết cơm mới, Lễ hội bắt cá;
- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 05 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản
- Ngữ văn dân gian 01 di sản là: Dân ca;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Múa dân gian;
- Tập quán xã hội 01 di sản: Thờ cúng tổ tiên;
- Lễ hội truyền thống 0 di sản;
- Nghề thủ công truyền thống 01 di sản: Đan lát;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 16 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 03 di sản là: Tục ngữ, truyện cổ tích, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 05 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Tết cơm mới, Lễ hội bắt cá;
- Nghề thủ công truyền thống 03 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, rèn;
- Tri thức dân gian 0 di sản;

VII. DÂN TỘC KHƠ MÚ

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 67 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, thờ họ ngoại;
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu;
- Phương tiện vận chuyển 06 loại hình: Thuyền, Bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, đàn Măng đô luy,;
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 10 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vợt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 28 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;

1.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 67 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, thờ họ ngoại;
- Trang phục 0 loại hình
- Trang sức 01 loại hình: Vòng cổ;
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 02 loại hình: Chiêng, trống;

- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Chài, lưới, đơm, dõ, vọt;
- Dụng cụ nghề thủ công 05 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 0 loại hình
 - + Dệt 0 loại hình

1.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 49 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 03 loại hình: Vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu;
- Phương tiện vận chuyển 05 loại hình: Thuyền, Bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn
- Nhạc cụ 03 loại hình: Nhị, sáo dọc, đàn Mãng đơ luy,;
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 23 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 0 loại hình
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kim kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Khơ Mú

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 23 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 04 di sản là: Dân ca, tục ngữ, truyện cổ tích, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 07 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Tết cơm mới, Lễ hội mừng măng mọc, Lễ đánh bắt cá;;
- Nghề thủ công truyền thống 05 di sản: Dệt, Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn;

- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 04 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản
- Ngữ văn dân gian 01 di sản là: Dân ca;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 0 di sản
- Tập quán xã hội 01 di sản: Thờ cúng tổ tiên;
- Lễ hội truyền thống 0 di sản
- Nghề thủ công truyền thống 01 di sản: Đan lát;
- Tri thức dân gian 01 di sản: Tri thức bản địa trong khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.3. Di sản đã bị mai một, mất đi: Tổng số 19 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 03 di sản là: Tục ngữ, truyện cổ tích, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 05 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Tết cơm mới, Lễ hội mừng măng mọc, Lễ đánh bắt cá;
- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Dệt, Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, rèn;

- Tri thức dân gian 0 di sản

VIII. DÂN TỘC MÔNG

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 72 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, cài đầu;
- Phương tiện vận chuyển 04 loại hình: Ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 07 loại hình: Khèn, sáo, nhị, trống, đàn môi, kèn lá, kèn gõ
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 09 loại hình: Súng kíp, nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 35 loại hình gồm:

- + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
- + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
- + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;
- + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài
- + Tạo hình hoa văn bằng sáp ong 07 loại hình: Sơ chế vải, nuôi đùn sáp, bàn vẽ, bút kẻ nhỏ, bút kẻ to, bút chấm, bàn vẽ.

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 41 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 04 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, cài đầu;
- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 07 loại hình: Khèn, sáo, nhị, trống, đàn môi, kèn lá, kèn gổ
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 04 loại hình: Súng kíp, nỏ, bẫy thú, bẫy chim
- Dụng cụ nghề thủ công 15 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình
 - + Đan lát 0 loại hình
 - + Dệt 0 loại hình
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Tạo hình hoa văn bằng sáp ong 07 loại hình: Sơ chế vải, nuôi đùn sáp, bàn vẽ, bút kẻ nhỏ, bút kẻ to, bút chấm, bàn vẽ.

1.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 31 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 0 loại hình
- Trang sức 0 loại hình
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Ngựa thồ
- Nhạc cụ 0 loại hình
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Chài, lưới, đơm, đó, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:
 - + Mộc 5 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

- + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
- + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bật bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;
- + Rèn đúc 0 loại hình
- + Tạo hình hoa văn bằng sáp ong 0 loại hình

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Mông

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 33 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 02 di sản là: Chữ viết, tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 09 di sản là: Dân ca, truyện thơ, sử thi, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 03 di sản là: Múa khèn, múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 06 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Gầu Tào, Tết năm mới, Lễ cúng thần rừng;
- Nghề thủ công truyền thống 08 di sản: Nghề dệt vải, kỹ thuật tạo hoa văn trên vải bằng sáp ong, cắt may và tạo hình trang phục, chế tác đàn khèn, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc;
- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, tri thức bản địa trong săn bắt thú bằng các loại cạm bẫy;

2.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 33 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 02 di sản là: Chữ viết, tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 02 di sản là: Dân ca, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 03 di sản là: Múa khèn, múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 05 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 01 di sản: Gầu Tào;
- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Kỹ thuật tạo hoa văn trên vải bằng sáp ong, cắt may và tạo hình trang phục, chế tác đàn khèn, rèn;
- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, tri thức bản địa trong săn bắt thú bằng các loại cạm bẫy;

2.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 14 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản

- Ngũ văn dân gian 07 di sản là: Truyện thơ, sử thi, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 0 di sản

- Tập quán xã hội 01 di sản: Lên nhà mới;

- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Tết năm mới, Lễ cúng thần rừng;

- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Nghề dệt vải, mộc, đan lát, chạm khắc;

- Tri thức dân gian 0 di sản

IX. DÂN TỘC DAO

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 75 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở

- Trang phục 06 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em, thầy cúng

- Trang sức 05 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, cài đầu, mũ;

- Phương tiện vận chuyển 04 loại hình: Ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),

- Nhạc cụ 07 loại hình: Chiêng, sáo, nhị, trống, kèn gỗ, chuông, thanh la

- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực

- Đồ dùng săn bắt 09 loại hình: Súng kíp, nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, bẫy cá

- Dụng cụ nghề thủ công 36 loại hình gồm:

+ Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

+ Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;

+ Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

+ Nghề thuốc nam 06 loại hình: Dao chặt, dao thái, đồ ủ, đồ phơi, đồ bảo quản, đồ sắc thuốc

+ Nghề làm giấy 06 loại hình: Sơ chế nguyên liệu, xử lý nguyên liệu, tạo khuôn, phơi, ép, cắt gọn

+ Nghề đan mũ lông đuôi ngựa 05 loại hình: Khuân, kim, móc, kim luồn, giỏ đựng

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 44 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở

- Trang phục 06 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em, thầy cúng

- Trang sức 05 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, cài đầu, mũ;

- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: Quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),

- Nhạc cụ 07 loại hình: Chiêng, sáo, nhị, trống, kèn gỗ, chuông, thanh la
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 04 loại hình: Bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới
- Dụng cụ nghề thủ công 16 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 0 loại hình
 - + Nghề thuốc nam 06 loại hình: Dao chặt, dao thái, đồ ủ, đồ phơi, đồ bảo quản, đồ sắc thuốc
 - + Nghề làm giấy 0 loại hình
 - + Nghề đan mũ lông đuôi ngựa 05 loại hình: Khuân, kim, móc, kim luồn, giỏ đựng

1.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 31 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 0 loại hình
- Trang sức 0 loại hình
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Ngựa thồ
- Nhạc cụ 0 loại hình
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ
- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Súng kíp, nỏ, đơm, đó, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 20 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 0 loại hình
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kim kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Nghề thuốc nam 0 loại hình
 - + Nghề làm giấy 06 loại hình: Sơ chế nguyên liệu, xử lý nguyên liệu, tạo khuôn, phơi, ép, cắt gọn
 - + Nghề đan mũ lông đuôi ngựa 0 loại hình

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Dao

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 38 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 02 di sản là: Chữ viết, tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 10 di sản là: Dân ca, hát nghi thức truyện thơ, sử thi, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 03 di sản là: Múa nghi thức, múa dân gian, âm nhạc truyền thống;

- Tập quán xã hội 08 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới; tranh thờ, thờ cúng bàn vương

- Lễ hội truyền thống 05 di sản: Lễ cấp sắc; tết cổ truyền, lễ nhảy lửa, lễ cúng mùa màng tốt, cúng cơm mới;

- Nghề thủ công truyền thống 08 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc, thuốc nam, đan mũ lông đuôi ngựa, làm giấy;

- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, tri thức y dược học;

2.2. Di sản đang được duy trì, bảo tồn: Tổng số 20 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 02 di sản là: Chữ viết, tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 03 di sản là: Dân ca, hát nghi thức, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 03 di sản là: Múa nghi thức, múa dân gian, âm nhạc truyền thống;

- Tập quán xã hội 04 di sản: Thờ cúng tổ tiên, đám ma, tranh thờ, thờ cúng bàn vương

- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Lễ cấp sắc; tết cổ truyền;

- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, đan lát, thuốc nam, đan mũ lông đuôi ngựa,

- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, tri thức y dược học;

2.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 18 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản

- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Truyện thơ, sử thi, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 0 di sản

- Tập quán xã hội 04 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, lên nhà mới, tết năm mới

- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Lễ nhảy lửa, lễ cúng mùa màng tốt, cúng cơm mới;

- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Mộc, rèn, chạm khắc, làm giấy;

- Tri thức dân gian 0 di sản

X. DÂN TỘC HÀ NHÌ

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 53 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;
- Phương tiện vận chuyển 04 loại hình: Ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, sáo, nhị, trống, kèn gõ,
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chọc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 09 loại hình: Súng kíp, nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 26 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, sáo, nhị, trống, kèn gõ,
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 04 loại hình: Bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới
- Dụng cụ nghề thủ công 05 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 0 loại hình

1.3. Di sản đã mai một, mất đi: Tổng số 27 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 0 loại hình
- Trang sức 0 loại hình
- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: Ngựa thồ, quang gánh, đòn
- Nhạc cụ 0 loại hình
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ

- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Súng kíp, nỏ, đơm, đó, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 14 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 0 loại hình
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Hà Nhì

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 30 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 09 di sản là: Trường ca, sử thi, dân ca, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 03 di sản là: Múa xòe, múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 06 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Lễ cúng bản, lễ hội mùa mưa, lễ hội cúng cây đu; tết cổ truyền;
- Nghề thủ công truyền thống 05 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc,

- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, tri thức bảo vệ rừng và nguồn nước;

2.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 18 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 02 di sản là: Dân ca, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 03 di sản là: Múa xòe, múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 04 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Lễ cúng bản, lễ hội mùa mưa, lễ hội cúng cây đu; tết cổ truyền;

- Nghề thủ công truyền thống 02 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, đan lát
- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, tri thức bảo vệ rừng và nguồn nước;

2.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 12 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản là
- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Trường ca, sử thi, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 0 di sản
- Tập quán xã hội 02 di sản: đám ma, lên nhà mới;
- Lễ hội truyền thống 0 di sản;
- Nghề thủ công truyền thống 03 di sản: mộc, rèn, chạm khắc,
- Tri thức dân gian 0 di sản

XI. DÂN TỘC SI LA

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 52 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;
- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: Quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, sáo, nhị, trống, đàn ba dây,
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 09 loại hình: Súng kíp, nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bễ rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 16 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở
- Trang phục 01 loại hình: Nữ
- Trang sức 0 loại hình
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 02 loại hình: Sáo, đàn ba dây,
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 04 loại hình: Bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới
- Dụng cụ nghề thủ công 05 loại hình gồm:
 - + Mộc 0 loại hình
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;

+ Rèn đúc 0 loại hình

1.3. Di sản được bị mai một, mất đi: Tổng số 36 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình

- Trang phục 04 loại hình: Tang ma, cưới, nam, trẻ em

- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;

- Phương tiện vận chuyển 02 loại hình: Quang gánh, đòn

- Nhạc cụ 03 loại hình: Chiêng, nhị, trống

- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ

- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Súng kíp, nỏ, đơm, đó, bẫy cá

- Dụng cụ nghề thủ công 14 loại hình gồm:

+ Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

+ Đan lát 0 loại hình

+ Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Si La

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 26 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Dân ca, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;

- Tập quán xã hội 06 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;

- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Tết năm mới, Lễ cúng bản, Lễ cúng lên nương, Tết cơm mới;

- Nghề thủ công truyền thống 05 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc,

- Tri thức dân gian 01 di sản: Ẩm thực

2.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 07 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 01 di sản là: Dân ca;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Múa dân gian

- Tập quán xã hội 02 di sản: Thờ cúng tổ tiên, tết năm mới;

- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Tết Cơm mới, Lễ cúng bản;

- Nghề thủ công truyền thống 0 di sản
- Tri thức dân gian 0 di sản

2.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 19 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản
- Ngữ văn dân gian 06 di sản là: Ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 05 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới;
- Lễ hội truyền thống 02 di sản: Tết năm mới, Lễ cúng lên nương;
- Nghề thủ công truyền thống 05 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc,
- Tri thức dân gian 01 di sản: Âm thực

XII. DÂN TỘC CỐNG

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 69 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, nhà mồ;
- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em
- Trang sức 05 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai, trâm cài đầu, xà tích;
- Phương tiện vận chuyển 06 loại hình: Thuyền, Bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 06 loại hình: Chiêng, trống, nhị, sáo dọc, ống tre (Tăng bẳng) đàn Măng đô luy,;
- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chộc lỗ, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 10 loại hình: Nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 28 loại hình gồm:
 - + Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;
 - + Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + Dệt 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 20 di sản

- Kiến trúc 02 loại hình: Nhà ở, nhà mồ;
- Trang phục 01 loại hình: Nữ
- Trang sức 02 loại hình: Trâm cài đầu, xà tích;
- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Gùi (sọt đeo),
- Nhạc cụ 03 loại hình: Chiêng, trống, ống tre (Tăng bẳng)
- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực
- Đồ dùng săn bắt 04 loại hình: Bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới
- Dụng cụ nghề thủ công 5 loại hình gồm:
 - + MỘC 0 loại hình
 - + ĐAN LÁT 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;
 - + RÈN ĐÚC 0 loại hình
 - + DỆT 0 loại hình

1.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 49 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình
- Trang phục 04 loại hình: Tang ma, cưới, nam, trẻ em
- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;
- Phương tiện vận chuyển 05 loại hình: Thuyền, Bè, ngựa thồ, quang gánh, đòn,
- Nhạc cụ 03 loại hình: Nhị, sáo dọc, đàn Măng đô luy,;
- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ
- Đồ dùng săn bắt 06 loại hình: Nỏ, đơm, đó, vọt, xúc cá, bẫy cá
- Dụng cụ nghề thủ công 23 loại hình gồm:
 - + MỘC 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rù, đồ mài đánh bóng;
 - + ĐAN LÁT 0 loại hình
 - + RÈN ĐÚC 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài
 - + DỆT 09 loại hình: Khung dệt, tách hạt, cán bông, bạt bông, cuộn bông, cuộn sợi, se sợi, giỏ đựng, con thoi;

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc Cống

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 26 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Dân ca, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;

- Tập quán xã hội 06 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;

- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Tết năm mới, Lễ cúng bản, Tết ngô;

- Nghề thủ công truyền thống 06 di sản: Dệt, Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc,

- Tri thức dân gian 01 di sản: Âm thực

2.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 09 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản

- Ngữ văn dân gian 01 di sản là: Dân ca

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Múa dân gian

- Tập quán xã hội 02 di sản: Thờ cúng tổ tiên, tết năm mới;

- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Tết năm mới, Lễ cúng bản, Tết ngô;

- Nghề thủ công truyền thống 02 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, đan lát,

- Tri thức dân gian 0 di sản

2.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 17 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;

- Ngữ văn dân gian 06 di sản là: Ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;

- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;

- Tập quán xã hội 04 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới;

- Lễ hội truyền thống 0 di sản

- Nghề thủ công truyền thống 04 di sản: Dệt, mộc, rèn, chạm khắc,

- Tri thức dân gian 01 di sản: Âm thực

XIII. DÂN TỘC LA HỮ

1. Văn hóa vật thể

1.1. Loại hình di sản: Tổng số 53 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở

- Trang phục 05 loại hình: Tang ma, cưới, nam, nữ, trẻ em

- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;

- Phương tiện vận chuyển 04 loại hình: Ngựa thồ, quang gánh, đòn, gùi (sọt đeo),

- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, sáo, nhị, trống, kèn gổ,

- Công cụ sản xuất 07 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, dao phát, chọc lỗ, đồ đựng lương thực

- Đồ dùng săn bắt 09 loại hình: Súng kíp, nỏ, bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới, đơm, đó, bẫy cá

- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:

+ Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

+ Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;

+ Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

1.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 08 di sản

- Kiến trúc 0 loại hình

- Trang phục 01 loại hình: Nữ

- Trang sức 0 loại hình

- Phương tiện vận chuyển 01 loại hình: Gùi (sọt đeo),

- Nhạc cụ 0 loại hình

- Công cụ sản xuất 02 loại hình: Dao phát, đồ đựng lương thực

- Đồ dùng săn bắt 04 loại hình: Bẫy thú, bẫy chim, chài, lưới

- Dụng cụ nghề thủ công 0 loại hình gồm:

+ Mộc 0 loại hình

+ Đan lát 0 loại hình

+ Rèn đúc 0 loại hình

1.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 45 di sản

- Kiến trúc 01 loại hình: Nhà ở

- Trang phục 04 loại hình: Tang ma, cưới, nam, trẻ em

- Trang sức 03 loại hình: Vòng cổ, vòng tay, hoa tai;

- Phương tiện vận chuyển 03 loại hình: Ngựa thồ, quang gánh, đòn

- Nhạc cụ 05 loại hình: Chiêng, sáo, nhị, trống, kèn gõ,

- Công cụ sản xuất 05 loại hình: Cày, bừa, cuốc, cào, chọc lỗ

- Đồ dùng săn bắt 05 loại hình: Súng kíp, nỏ, đơm, đó, bẫy cá

- Dụng cụ nghề thủ công 19 loại hình gồm:

+ Mộc 05 loại hình: Cưa, đục, bào, rùu, đồ mài đánh bóng;

+ Đan lát 05 loại hình: Dao chặt, dao trẻ, dao pha, dao vót, dùi lỗ;

+ Rèn đúc 09 loại hình: Lò rèn, bể rèn, ống thổi, cần kéo hơi, búa, đe, kìm kẹp, bộ đục, bộ mài

2. Di sản văn hóa phi vật thể dân tộc La Hủ

2.1. Loại hình di sản: Tổng số 27 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Dân ca, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 02 di sản là: Múa dân gian, âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 06 di sản: Thờ cúng tổ tiên, luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 04 di sản: Lễ cúng bản, lễ hội mùa mưa, lễ hội cúng cây đu; tết cổ truyền;
- Nghề thủ công truyền thống 05 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc,
- Tri thức dân gian 02 di sản: Ẩm thực, kinh nghiệm khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.2. Di sản được duy trì, bảo tồn: Tổng số 04 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 0 di sản
- Ngữ văn dân gian 0 di sản
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Múa dân gian
- Tập quán xã hội 01 di sản: Thờ cúng tổ tiên
- Lễ hội truyền thống 01 di sản: Lễ cúng bản
- Nghề thủ công truyền thống 0 di sản
- Tri thức dân gian 01 di sản: Kinh nghiệm khai thác nguồn lợi tự nhiên;

2.3. Di sản bị mai một, mất đi: Tổng số 23 di sản gồm

- Tiếng nói, chữ viết 01 di sản là: Tiếng nói;
- Ngữ văn dân gian 07 di sản là: Dân ca, ca dao, tục ngữ, câu đố, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, hát ru;
- Nghệ thuật trình diễn dân gian 01 di sản là: Âm nhạc truyền thống;
- Tập quán xã hội 05 di sản: Luật tục bản mường, đám cưới, đám ma, lên nhà mới, tết năm mới;
- Lễ hội truyền thống 03 di sản: Lễ hội mùa mưa, lễ hội cúng cây đu; tết cổ truyền;
- Nghề thủ công truyền thống 05 di sản: Cắt may và tạo hình trang phục, mộc, đan lát, rèn, chạm khắc,
- Tri thức dân gian 01 di sản: Ẩm thực

PHỤ LỤC 5**DANH MỤC****Danh sách lễ, tết, hội các dân tộc trên địa bàn tỉnh Lai châu được tổ chức thường niên**

STT	Huyện	Lễ, Tết, Hội	Dân tộc	Quy mô	Địa điểm tổ chức	Thời gian tổ chức
1	Thành phố Lai Châu	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn Thành phố	Huyện	Thành phố Lai Châu	Ngày 02 tháng 9
2		Lễ hội Gầu Tào Cha	Mông	Xã	Xã San Thàng	Ngày 13-14 tháng Giêng (Âm lịch)
3		Lễ cúng Tú Tỷ	Giáy	Xã	Xã San Thàng	Ngày 02 tháng 02 (Âm lịch)
4		Lễ hội Đền thờ Vua Lê Lợi		Phường	Phường Đoàn Kết	Ngày 14-15 tháng Giêng (Âm lịch)
5	Tam Đường	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Tam Đường	Ngày 02 tháng 9
6		Lễ hội động Tiên Sơn	Toàn huyện	Huyện	Xã Bình Lư	Từ 5-15 tháng 1 (Âm lịch)
7		Lễ Tủ Cải	Dao	Xã	Xã Hồ Thầu	Theo lựa chọn của thầy cúng chính
8		Lễ cúng Tú Tỷ	Giáy	Xã	Xã Thèn Sin	Từ 1-15 tháng 2 (Âm lịch)
9		Lễ hội Bun Vóc Nặm	Lào	Xã	Xã Nà Tăm	Từ 10 – 20 tháng 11
10		Lễ cúng Cầm Mường	Lự	Xã	Xã Bản Hon	Từ 30/12 đến 05/01 Âm lịch
11	Tân Uyên	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Tân Uyên	Ngày 02 tháng 9
12		Lễ hội Xòe Chiêng	Thái	Huyện	Theo cụm xã	Từ 8 – 15 tháng 1 (Âm lịch)
13	Than Uyên	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Than Uyên	Ngày 02 tháng 9
14		Lễ hội Xòe Chiêng	Thái	Huyện	Theo cụm xã	Từ 8 – 15 tháng 1 (Âm lịch)

15		Lễ hội Lùng Tùg	Thái	Xã	Xã Mường Cang	Từ 1-15 tháng 12 (Âm lịch)
16	Phong Thổ	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Phong Thổ	Ngày 02 tháng 9
17		Lễ hội Nàng Han	Thái	Xã	Xã Mường So	Ngày 15 tháng 2 (Âm lịch)
18		Lễ hội Then Kin Pang	Thái	Xã	Xã Khổng Lào	Ngày 10 tháng 3 (Âm lịch)
19		Lễ Kin Lầu Khẩu Mẫu	Thái	Xã	Xã Mường So	Ngày 15 tháng 9 (Âm lịch)
20		Lễ hội Gầu Tào	Mông	Xã	Xã Đào San	Ngày 4 - 10 tháng 1 (Âm lịch)
21		Lễ hội đua thuyền	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Phong Thổ	Tháng 1-2 (Âm lịch)
22		Lễ cúng thần rừng	Mông	Xã	Xã Tung Qua Lìn	Từ 27/2 đến 01/3 (Âm lịch)
23	Sìn Hồ	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Sìn Hồ	Ngày 02 tháng 9
24		Lễ hội Gừa Tò	Mông	Xã	Xã Sà Dề Phìn	Ngày 8 - 15 tháng 1 (Âm lịch)
25	Nậm Nhùn	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Nậm Nhùn	Ngày 02 tháng 9
26		Lễ hội Mìn Lóng Phạt	Cống	Xã	Xã Nậm Chà	Ngày 10 – 20 tháng 11
27		Ngày hội Văn hóa, thể thao và du lịch dân tộc Cống, Mảng, La Hủ (Theo đề án)	Cống, Mảng	Huyện	Tổ chức luân phiên theo địa bàn cư trú	Ngày 5 – 15 tháng 10 (Theo kế hoạch)
28		Lễ hội đua thuyền	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Nậm Nhùn	Tháng 1-2 (Âm lịch)
29	Mường Tè	Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Toàn huyện	Huyện	Thị trấn Mường Tè	Ngày 02/9

30	Ngày hội Văn hóa, thể thao và du lịch dân tộc Cống, Mảng, La Hủ (Theo đề án)	Cống, Mảng, La Hủ	Huyện	Tổ chức luân phiên theo địa bàn cư trú	Từ tháng 8-10 hàng năm (Theo kế hoạch)
31	Lễ Cúng bản	Cống	Xã	Xã Nậm Khao	Tháng 3 (Âm lịch)
32	Tết Ngô	Cống	Xã	Xã Nậm Khao	Tháng 6 (Âm lịch)
33	Lễ Cúng bản	La Hủ	Xã	Xã Bum Tở	Tháng 3 (Âm lịch)
34	Tết Cơm Mới	La Hủ	Xã	Xã Bum Tở	Từ 10 - 15 tháng 9 (Âm lịch)
35	Tết Mùa Mưa	La Hủ	Xã	Xã Bum Tở	Từ 10 – 20 tháng 7 (Âm lịch)
36	Lễ Cúng bản	Hà Nhì	Xã	Xã Mù Cả, Ka Lăng, Thu Lũm	Từ 1-15 tháng 3 (Âm lịch)
37	Tết Mùa Mưa	Hà Nhì	Xã	Xã Mù Cả, Ka Lăng, Thu Lũm	Từ 5-15 tháng 7 (Âm lịch)
38	Tết Năm Mới	Hà Nhì	Xã	Xã Mù Cả, Ka Lăng, Thu Lũm	Từ 1-15 tháng 11
39	Lễ Cúng bản	Si La	Xã	Xã Kan Hồ	Từ 1-15 tháng 3 (Âm lịch)
40	Tết Cơm mới	Si La	Xã	Xã Kan Hồ	Từ 5 - 15 tháng 9 (Âm lịch)

PHỤ LỤC 6**DANH SÁCH ĐIỂM, TUYẾN DU LỊCH**

Đến 30/6/2020

STT	ĐIỂM DU LỊCH	ĐỊA CHỈ	QUYẾT ĐỊNH SỐ	GHI CHÚ
01	Thị trấn Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	940/QĐ-UNND, ngày 12/9/2012	
02	Động Tiên Sơn	Xã Bình Lư – huyện Tam Đường		
03	Bản Nà Luông	Xã Nà Tăm – huyện Tam Đường		
04	Bản Hòn	Xã Bản Hòn – huyện Tam Đường		
05	Bản Gia Khâu 1, 2	Xã Nậm Lũng – tp Lai Châu		
06	Bản Vàng Pheo	Xã Mường So – huyện Phong Thổ		
07	Bản Tả Phìn	Xã Tả Phìn – huyện Sìn Hồ	776/QĐ-UBND, ngày 28/7/2015	
08	Bản San Thàng	Xã San Thàng – tp Lai Châu	724/QĐ-UBND, ngày 2/7/2014	
09	Bản Sì Thâu Chải	Xã Hồ Thầu – huyện Tam Đường	727/QĐ-UBND, ngày 21/6/2016	
10	Khu vực đỉnh Pu Ta Leng	Xã Hồ Thầu – huyện Tam Đường	726/QĐ-UBND, ngày 21/6/2016	3049m
11	Khu vực đèo Hoàng Liên Sơn	Xã Bình Lư – huyện Tam Đường	729/QĐ-UBND, ngày 21/6/2016	
12	Thác Tác Tình	Thị trấn Tam Đường	728/QĐ-UBND, ngày 21/6/2016	
13	Bản Sin Súi Hồ	Xã Sin Suối Hồ - huyện Phong Thổ	525/QĐ-UBNDQ, ngày 5/6/2015	
14	Bản Nà Khương	Xã Bản Bo – Tam Đường	311/QĐ-UBND, ngày 11/4/2017	
15	Bản Lao Chải 1	Xã Khun Há – Tam Đường	467/QĐ-UBND, ngày 20/5/2019	

16	Bản Thăm	Xã bản Hon – Tam Đường	730/QĐ-UBND, ngày 05/7/2019	
17	<i>Khu danh thắng Pusamcap</i>	<i>Tp Lai Châu</i>	<i>2011</i>	<i>Di tích Quốc gia</i>
18	Bản Phiêng Tiên	Xã Bản Bo, huyện Tam Đường	398/QĐ-SVHTTDL, ngày 26/11/2019	Điểm đạt chuẩn phục vụ khách du lịch

TUYẾN DU LỊCH

01	TP Lai Châu – huyện Sìn Hồ - huyện Nậm Nhùn – huyện Phong Thổ	QĐ số 714/QĐ-UBND, ngày 02/7/2014
02	Huyện Tam Đường – tp Lai Châu – huyện Phong Thổ	

PHỤ LỤC 7

**KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG
LĨNH VỰC DU LỊCH TỈNH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2021-2025
TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030**

Lai Châu là tỉnh biên giới Tây Bắc của Tổ quốc, có quốc lộ 4D, 32, 12, 279 nối Lai Châu với Hà Nội - Điện Biên - Sơn La - Lào Cai - Yên Bái, có đường biên giới giáp với tỉnh Vân Nam – Trung Quốc; nơi sở hữu nhiều cảnh quan thiên nhiên và di tích, danh thắng có giá trị như: động Pư Sam Cap, Đèo Hoàng Liên, Thác Cầu mây, Cổng trời, Động Tiên Sơn, thác Tác Tình, Địa điểm lưu niệm vua Lê Thái Tổ, cảnh quan dọc Sông Đà, lòng hồ thủy điện, cao nguyên Sìn Hồ, Dào San, đỉnh Putaleng, đỉnh Bạch Mộc Nương Tử... cùng với sự đa dạng, phong phú trong văn hóa bản địa từ lễ hội truyền thống, phong tục tập quán, trang phục, ẩm thực, kiến trúc nhà đến làn điệu dân ca dân vũ... Ngoài sự giao thoa về văn hóa và cảnh quan thiên nhiên Lai Châu còn là mảnh đất có khí hậu điển hình của vùng nhiệt đới núi cao quanh năm mát mẻ, con người hiền hòa, thân thiện và mến khách... Đó là những điều kiện thuận lợi để Lai Châu khai thác phát triển loại hình du lịch như: du lịch lưu trú nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái nông nghiệp, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch đặc trưng thương hiệu vùng cao... cùng các loại hình dịch vụ du lịch bổ trợ khác.

Trong những năm qua, du lịch Lai Châu đã và đang có sự phát triển, góp phần tạo việc làm, giảm nghèo bền vững, từng bước nâng cao thu nhập cho người lao động. Tuy nhiên, du lịch Lai Châu phát triển còn chậm, chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; thiếu sự đầu tư trọng điểm nên chưa có nhiều khu, điểm du lịch hấp dẫn du khách; sản phẩm du lịch còn đơn điệu, chất lượng dịch vụ chưa cao, nguồn nhân lực du lịch còn thiếu và yếu; sự phối hợp giữa các cấp, các ngành và địa phương trong quản lý và hỗ trợ phát triển du lịch còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ. Nhằm phát huy những tiềm năng, lợi thế và khắc phục hạn chế, yếu kém, thực hiện có hiệu quả chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong việc phát triển kinh tế xã hội Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Kịch bản tăng trưởng lĩnh vực du lịch trong giai đoạn 2021 – 2025 tầm nhìn đến năm 2030.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH LAI CHÂU GIAI ĐOẠN 2016 – 2020

I. KẾT QUẢ

1. Phát triển thị trường du lịch, dịch vụ, sản phẩm du lịch

a) Phát triển thị trường du lịch

Hàng năm, thông qua các sự kiện, hội chợ du lịch và du lịch quốc tế thường niên; chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh thành trong khu vực, các trung tâm du lịch lớn của Việt Nam và các tỉnh Bắc Lào (U Đôm Xay, Luông Pha Băng, Phong Sa Lý), CHDCND Lào và Châu Hồng Hà, huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Đến nay, lượng khách nội địa và khách quốc tế đến Lai Châu ngày càng mở rộng và có tốc độ tăng trưởng ổn định.

b) Phát triển sản phẩm

Chủ động, tích cực trong công tác tham mưu, phối hợp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản phẩm dựa trên lợi thế và tiềm năng sẵn có. Đến nay, một số sản phẩm du lịch hấp dẫn đã được hình thành, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút du khách đến tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm. Cụ thể:

- *Sản phẩm du lịch cộng đồng gắn với phát huy giá trị di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh:* Bước đầu đã đầu tư, nâng cấp gắn với khai thác bền vững giá trị cảnh quan thiên nhiên, cải tạo cảnh quan môi trường và phát huy các giá trị văn hóa lịch sử truyền thống, tạo thành hệ thống sản phẩm hấp dẫn như: Di tích Quốc gia Pù Samcap, bản văn hóa dân tộc Mông gắn với hệ thống hang động Gia Khâu 1, động Tiên Sơn, Thác Tác Tinh, đỉnh Putaleng, đỉnh Tả Liên Sơn, đỉnh Bạch mộc nương tử, cảnh quan thành phố Lai Châu; bản Sìn Suối Hồ, bản Vàng Pheo, bản Sìn Thâu Chải, bản Nà Khương, bản Hòn; các lễ hội truyền thống: Then Kin Pang, Kin Lầu Khẩu Mẩu, Nàng Han (dân tộc Thái); Tú Tỉ (dân tộc Giáy); Bun Vóc Nậm (dân tộc Lào), Gầu Tào Cha (dân tộc Mông), Tủ Cải (dân tộc Dao), tết Độc Lập, Đền thờ vua Lê Lợi (thành phố Lai Châu); Quần thể đền thờ vua Lê Thái Tổ và bảo vật quốc gia gắn với lễ hội đua thuyền đuôi én; du lịch lòng hồ thủy điện Lai Châu – Sơn La, thủy điện Bản Chát, Huổi Quảng.

- *Đầu tư, xây dựng sản phẩm du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp:* Đã tạo một số điểm nhấn phục vụ khách tham quan, trải nghiệm, chụp ảnh, ghi hình như “Một số đồi chè có cảnh quan đẹp” tại xã Phúc Khoa, thị trấn Tân Uyên, “trang trại Tân Châu Farm” tại thị trấn Tân Uyên; “trang trại trồng rau thủy canh”, “mô hình trồng hoa hồng” tại xã San Thàng (thành phố Lai Châu); các vườn cây ăn quả đào, mận, lê... tại khu vực xã Giang Ma, xã Hồ Thầu (huyện Tam Đường).

- *Sản phẩm chợ phiên vùng cao:* Đã đầu tư nâng cấp kết hợp với đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc giữ gìn vệ sinh môi trường, bán các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, đồ lưu niệm, ẩm thực và sản vật địa phương phục vụ du khách như: Chợ phiên San Thàng (thành phố Lai Châu) họp vào thứ 5 và chủ nhật, chợ phiên Sìn Hồ (huyện Sìn Hồ) họp vào chủ nhật, chợ phiên Dào San (huyện Phong Thổ) họp vào thứ 7. Đến nay, Chợ phiên đã trở thành một sản phẩm du lịch độc đáo thu hút khách tham quan, mua sắm, nghiên cứu, giao lưu, tìm hiểu bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc thiểu số vùng cao.

c) Phát triển dịch vụ

Quan tâm thu hút, khuyến khích các doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình đầu tư để đa dạng hóa các loại hình dịch vụ như: khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, điểm vui chơi, giải trí, mua sắm, vận chuyển, lễ hành... Đến nay, các loại hình dịch vụ cơ bản đã đáp ứng nhu cầu của nhân dân, khách du lịch, khách công vụ khi đến tham quan và làm việc tại Lai Châu.

- *Dịch vụ lưu trú:* Gia tăng về cả số lượng và chất lượng, đến nay có 111 cơ sở lưu trú. Trong đó: 01 khách sạn 5 sao; 02 khách sạn 3 sao, 22 khách sạn từ 1 – 2 sao và 87 nhà nghỉ, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê/nhà Homestay với 2.028 buồng/phòng đạt tiêu chuẩn đón tiếp khách du lịch; Công suất sử dụng phòng đạt bình quân 63%/năm.

- *Dịch vụ kinh doanh lữ hành*: Có 01 đơn vị kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế (Công ty cổ phần thương mại và du lịch Hoàng Gia Lai Châu) và 03 đơn vị kinh doanh lữ hành nội địa (Công ty Du lịch Lai Châu, Thiên Việt Tourist, Việt Á – Hà Nội).

- *Dịch vụ vận chuyển*: Đã thành lập các tổ vận chuyển hành lý phục vụ du khách tham gia loại hình du lịch mạo hiểm, chinh phục đỉnh cao tại Tả Liên Sơn, Putaleng, bản Sỉ Thâu Chải, bản Phô (huyện Tam Đường), đỉnh Bạch Mộc Nương Tử, (huyện Phong Thổ); Dịch vụ taxi (Lợi Linh, Mai Linh, Bằng An, Anh Huân, Lai Châu, Trà My...), cho thuê xe tự lái (Công ty TNHH MTV Phương Nam Lai Châu, Đèo Thị Dung, Xuân Quỳnh và một số hộ kinh doanh dịch vụ cho thuê xe ô tô, xe máy...) hoạt động trên 8 huyện, thành phố.

- *Dịch vụ ẩm thực*: Đến nay, toàn tỉnh đã có 132 nhà hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống; các quầy bán ẩm thực địa phương; ẩm thực truyền thống ngày càng phát triển, nhất là tại các điểm du lịch như: Thịt nướng, thịt sấy, lạp xườn, cá bống vùi tro nóng, cá nướng, trứng kiến, nộm rau rón, canh bon da trâu, sấu đá...(dân tộc Thái); Thịt lợn treo, xương băm nhỏ xào bã đậu, canh rau cải nấu xương, mèn mén, canh đậu tương, Bánh dày, bánh ngô...(dân tộc Mông); Thịt lợn tẩm bột với trứng, xương quay, Nhộng ong, bánh bồng, bánh khảo, bánh phở...(dân tộc Giáy).

- *Dịch vụ viễn thông*: Từng bước đáp ứng nhu cầu truy cập của người dân và du khách. Các doanh nghiệp (Viettel, Vinaphone, Mobiphone) đã tăng cường đầu tư nâng cấp, mở rộng và phủ sóng cáp quang đến các thôn/bản vùng sâu, vùng xa để mở rộng thị phần và cung cấp dịch vụ internet, wifi rộng khắp.

- *Dịch vụ ngân hàng*: Mạng lưới ngân hàng ngày càng được mở rộng từ tỉnh đến các huyện, thành phố với các chi nhánh ngân hàng lớn như: Vietinbank, BIDV, Agribank, Liên Việt Post, Ngân hàng chính sách xã hội... Các ngân hàng đã chú trọng đổi mới và phát triển các ứng dụng công nghệ thông minh, tiện ích như: Phone banking, internet banking, home banking, SMS banking, dịch vụ thẻ ATM... tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, khách du lịch trong thực hiện giao dịch tiền tệ trong nước và quốc tế.

- *Dịch vụ vui chơi, giải trí, mua sắm*: Ngày càng đa dạng thông qua các hoạt động tổ chức trò chơi truyền thống tại các lễ hội, chợ phiên; bán các mặt hàng địa phương tại các siêu thị, cửa hàng trên địa bàn toàn tỉnh; phát triển các sản phẩm thủ công truyền thống rèn, dệt, thêu, mây tre đan, chạm khắc bạc... của dân tộc Thái, Mông, Dao, Lự; phát triển sản phẩm nông nghiệp, cây ăn quả ôn đới (Chè, Mắc Ca, Đào, Mận, Sơn Tra, cây dược liệu...).

- *Dịch vụ bố trợ*: Ngày càng được quan tâm phát triển đa dạng như: Thuê trang phục dân tộc, trang điểm, chụp hình lưu niệm... tại các điểm du lịch Đồi Thông Tả Lèng, Sỉ Thâu Chải, Nà Khương, Bản Hòn (huyện Tam Đường), bản Gia Khâu (thành phố Lai Châu), bản Sin Suối Hồ, bản Vàng Pheo (huyện Phong Thổ).

3. Phát triển nguồn nhân lực du lịch

Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ cho trên 700 lượt cán bộ, nhân viên, quản lý khách sạn và người dân trên địa bàn tỉnh về các nội dung lễ tân/buồng, nghiệp vụ lưu trú, kiến thức quản lý Nhà nước về du lịch và kiến thức phát triển du lịch cộng đồng, sinh thái,

kỹ năng Homestay, kỹ năng phục vụ khách du lịch và phát triển ẩm thực, hướng dẫn viên, thuyết minh viên. Thành lập đoàn cán bộ và các hộ gia đình kinh doanh dịch vụ du lịch, tổ chức các chuyến tham quan học tập kinh nghiệm phát triển du lịch tại tỉnh và các mô hình du lịch cộng đồng, sinh thái

Từ đó, góp phần nâng cao nhận thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ và người dân để phát triển du lịch, từng bước đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch của tỉnh trong giai đoạn mới.

4. Xúc tiến quảng bá du lịch

Công tác tuyên truyền, quảng bá, xúc tiến hình ảnh du lịch Lai Châu đã được quan tâm, chú trọng. Hàng năm, triển khai xây dựng các kế hoạch quảng bá, xúc tiến dưới nhiều nội dung và hình thức; Đồng thời thường xuyên cập nhật và đăng tải thông tin du lịch tỉnh trên website, báo in, báo điện tử, báo, tạp chí du lịch, hệ thống các trang mạng xã hội...; Ký kết với Tổng đài Viettel và Vinaphone triển khai 547.620 tin nhắn quảng bá du lịch qua thuê bao di động của du khách khi đến địa phận tỉnh Lai Châu.

Phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài truyền hình kỹ thuật số thực hiện các chương trình quảng bá và các chương trình trải nghiệm thực tế như: “Nét đẹp dân gian”, “Ẩm thực Việt”, “S Việt Nam – Hương vị cuộc sống”, “Phong tục Việt”; “Đi đâu? Ăn gì?”; Đặt bắt thông tin du lịch tại các điểm bến xe, khách sạn trên địa bàn tỉnh... Qua đó, giúp khách du lịch tiếp cận với những thông tin về du lịch tại Lai Châu một cách chính thống, thuận tiện, nhanh chóng và hiệu quả nhất.

Tuyên truyền, quảng bá thông tin, hình ảnh trên các website du lịch Lai Châu, các ấn phẩm du lịch và tại các hội chợ, sự kiện du lịch lớn trong nước... Tham gia giới thiệu điểm đến Lai Châu với các hãng lữ hành, du khách trong nước và quốc tế, mở rộng tiếp cận thị trường khách mới các tỉnh Miền Trung và Tây Nguyên tại các sự kiện như: Ngày hội du lịch thành phố Hồ Chí Minh, Lễ hội Hoa Ban Điện Biên... và hội chợ du lịch quốc tế thường niên: VITM Hà Nội, ITE thành phố Hồ Chí Minh.

5. Liên kết phát triển du lịch

Triển khai thực hiện Chương trình liên kết hợp tác phát triển du lịch với 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng và khai thác hiệu quả tuyến du lịch Vòng cung Tây Bắc; xây dựng, phối hợp với các tỉnh Hòa Bình, Sơn La, Điện Biên, Lai Châu hình thành tuyến du lịch đường thủy liên hồ trên sông Đà; mở rộng liên kết với các trung tâm du lịch lớn của Việt Nam như: Lào Cai, Quảng Ninh, Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh... nhằm hỗ trợ quảng bá hình ảnh du lịch Lai Châu tại các điểm cung cấp thông tin và trên Fanpage về du lịch; thu hút được các đơn vị lữ hành đưa khách du lịch đến Lai Châu.

6. Đầu tư hạ tầng du lịch

Đường giao thông nội địa, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch từng bước được đầu tư phục vụ khách du lịch thành điểm tham quan văn hóa hấp dẫn; hỗ trợ trang thiết bị, dàn dựng, luyện tập các tiết mục văn nghệ mang giá trị văn hóa truyền thống độc đáo của các dân tộc tại các điểm du lịch; hỗ trợ trang thiết bị xây dựng mô hình trình diễn nghề thủ công truyền thống; hỗ trợ bao bì nông sản...

Các dự án du lịch được đầu tư đã và đang đi vào hoạt động có hiệu quả như: Thác trắng và đỉnh đèo Hoàng Liên, khách sạn Sky gate, Putaleng (huyện Tam Đường), Khách sạn Hoàng Nhâm (thành phố Lai Châu), hợp tác xã Trái Tim (bản Sin Suối Hồ)... Ngoài ra, thu hút được các doanh nghiệp, tập đoàn lớn như: FLC, Mitsumitsi, Công ty cổ phần Năng lượng ES-LC, Công ty cổ phần đầu tư Châu Á – Thái Bình Dương, Hội đồng doanh nghiệp gia đình Việt Nam... khảo sát, lập quy hoạch và các phương án đầu tư vào các điểm du lịch tiềm năng

7. Kết luận

Đến nay du lịch từng bước khẳng định là ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ; công tác quản lý Nhà nước về du lịch được tăng cường; hạ tầng du lịch được cải thiện, đáp ứng được nhu cầu đi lại của nhân dân và khách du lịch; dịch vụ, sản phẩm du lịch được quan tâm, đầu tư, phát triển ngày càng đa dạng về cả chất lượng và số lượng. Các lễ hội truyền thống, các di tích lịch sử, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, các loại hình văn hóa nghệ thuật đặc sắc của các dân tộc tiếp tục được sưu tầm, gìn giữ và phát huy giá trị. Từ đó, tạo ra các sản phẩm du lịch hấp dẫn, góp phần thu hút, mở rộng thị trường khách du lịch trong nước và quốc tế đến tham quan, tìm hiểu và trải nghiệm. Hoạt động xúc tiến, quảng bá bước đầu đạt hiệu quả; nhận thức của người dân về vị trí, vai trò và hiệu quả của du lịch đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương được nâng lên. Cảnh quan, vệ sinh môi trường tại một số làng/bản, điểm du lịch ngày càng được cải tạo “xanh - sạch - đẹp”.

Du lịch phát triển góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang du lịch dịch vụ, tạo thêm nguồn lực cho việc xây dựng nông thôn mới ngay tại cơ sở và từng bước xây dựng hình ảnh mảnh đất, văn hóa, con người Lai Châu thân thiện, an toàn, mến khách đến bạn bè trong nước và quốc tế; đưa Lai Châu trở thành điểm đến mới được nhiều du khách lựa chọn làm điểm tham quan, trải nghiệm. Kết quả cụ thể như sau:

- Tốc độ tăng trưởng khách du lịch bình quân đạt 14,6%/năm. Trong đó khách quốc tế đạt 13,4%/năm;

- Tổng số cơ sở lưu trú đến tháng 6/2019 là 111 cơ sở. Trong đó: 01 khách sạn 5 sao, 02 khách sạn 3 sao, 22 khách sạn từ 1 – 2 sao, 87 nhà nghỉ, nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê/nhà Homestay. Thời gian lưu trú bình quân khách du lịch quốc tế: 1,6 ngày; khách du lịch nội địa: 1,75 ngày.

- Nguồn nhân lực du lịch tính đến tháng 6/2019 có 5.200 lao động. Trong đó: 960 lao động trực tiếp và 4.240 lao động gián tiếp.

- Tổng doanh thu khách du lịch đến tháng 6/2019 đạt 1.492,479 tỷ đồng

II. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Hạn chế

Việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ ở một số địa phương chưa được quan tâm đúng mức. Kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế sẵn có, thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách còn thấp. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch tại một số khu, điểm phát triển chậm, thiếu đồng bộ. Thiếu các dự án đầu tư lớn, đặc biệt là

các khách sạn, nhà hàng, điểm vui chơi giải trí, trung tâm mua sắm quy mô, chất lượng cao; các trạm dừng chân ngắm cảnh, thiếu biển chỉ dẫn đến các khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh.

Sản phẩm du lịch, quà lưu niệm còn đơn điệu, thiếu tính đặc trưng, chưa có sản phẩm du lịch chất lượng cao và tính cạnh tranh nổi trội tại khu vực. Các lễ hội truyền thống của các dân tộc thiểu số được tổ chức còn khiêm tốn cả về quy mô và mức kinh phí, chưa thực sự trở thành sản phẩm du lịch văn hóa có sức hút đối với khách du lịch. Dịch vụ hỗ trợ cho du lịch còn thiếu như: Vui chơi giải trí, khu ẩm thực, khu mua sắm, khu giao lưu văn hóa nghệ thuật...Đề kéo dài thời gian lưu trú của du khách.

Nguồn nhân lực hoạt động trong lĩnh vực du lịch thiếu chuyên nghiệp. Trình độ chuyên môn một bộ phận cán bộ làm công tác du lịch từ tỉnh tới cơ sở còn yếu; cán bộ quản lý và nhân viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch phần lớn chưa qua đào tạo chuyên ngành. Thiếu đội ngũ lao động có tay nghề cao và hướng dẫn viên du lịch có trình độ ngoại ngữ.

Công tác quảng bá xúc tiến du lịch thiếu chuyên nghiệp, hiệu quả chưa cao. Một số loại hình thông tin còn hình thức, nội dung chưa phong phú; công tác quảng bá qua mạng internet và trang mạng xã hội chưa được triển khai mạnh mẽ. Các hoạt động giao lưu, hợp tác với các đối tác nước ngoài còn thiếu chủ động, hình ảnh du lịch Lai Châu chưa đến được các thị trường quốc tế. Tính liên kết của du lịch Lai Châu với các địa phương, các trung tâm du lịch lớn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Vấn đề đảm bảo vệ sinh môi trường tại một số điểm du lịch chưa được giải quyết triệt để; một số điểm du lịch chưa có dịch vụ wifi phục vụ nhu cầu truy cập của du khách; Chưa xây dựng được quy hoạch chi tiết các khu du lịch.

2. Nguyên nhân

Nhận thức của các cấp, các ngành và người dân về vai trò, vị trí của phát triển du lịch đối với kinh tế - xã hội địa phương còn nhiều bất cập, chưa thật sự quan tâm triển khai thực hiện nội dung, nhiệm vụ phát triển du lịch. Phối hợp của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện một số nội dung chưa cao.

Các doanh nghiệp du lịch trong tỉnh hầu hết là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, năng lực cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh thấp, chưa có những doanh nghiệp lớn, đủ sức giữ vai trò chủ lực để tạo thành một hệ thống cung ứng dịch vụ hiện đại, chất lượng cao. Các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành trong tỉnh chủ yếu khai thác thị trường khách trong tỉnh đi du lịch trong nước và quốc tế, chưa chú trọng việc xây dựng các chương trình Tour du lịch hấp dẫn tại địa phương để thu hút khách trong nước và quốc tế đến du lịch tại tỉnh.

Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù của địa phương đối với việc quản lý khách du lịch là người nước ngoài đến khu vực biên giới để thống nhất công tác quản lý theo hướng chặt chẽ nhưng tạo điều kiện thuận lợi để thu hút khách du lịch nước ngoài.

Mức độ xã hội hóa cho phát triển du lịch chưa mạnh mẽ, nguồn đầu tư từ ngân sách địa phương còn thấp, chủ yếu phải dựa vào việc lồng ghép với các nguồn vốn khác.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm:

Bảo tồn, phát huy các lợi thế về tiềm năng thiên nhiên, văn hóa để phát triển sản phẩm du lịch mới đặc sắc gắn với bản sắc văn hóa độc đáo của các dân tộc, trở thành thương hiệu khu vực, quốc gia quốc tế, đáp ứng nhu cầu đa dạng của du khách, đảm bảo tính bền vững, có tính cạnh tranh cao. Thu hút nhiều nhà đầu tư chiến lược, các đơn vị lữ hành có uy tín trong nước, quốc tế tham gia xây dựng và khai thác các sản phẩm du lịch đặc sắc của Lai Châu.

Phát triển sản phẩm du lịch phải đảm bảo quốc phòng, an ninh trật tự xã hội; giải quyết tốt vấn đề môi trường, lao động, việc làm và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

2. Mục tiêu:

Tập trung đầu tư, huy động các nguồn lực nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch. Tiếp tục đưa du lịch trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu khối dịch vụ; Từng bước xây dựng thương hiệu du lịch Lai Châu; tiếp tục bảo tồn, khai thác, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tạo thành sản phẩm du lịch đặc trưng riêng của tỉnh; mở rộng liên kết, hợp tác với các trung tâm du lịch lớn, thu hút thị trường khách quốc tế; Đổi mới công tác quảng bá xúc tiến, đẩy mạnh xã hội hóa và thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn lớn trong phát triển du lịch; đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực du lịch... Tạo tiền đề đến năm 2030 du lịch Lai Châu cơ bản trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong cơ cấu kinh tế của tỉnh.

Xây dựng, đưa vào khai thác 06 loại hình sản phẩm du lịch chính, đặc sắc gồm: Sản phẩm du lịch văn hóa, tâm linh, lễ hội; sản phẩm du lịch thể thao, mạo hiểm; sản phẩm du lịch cộng đồng; sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp với nông nghiệp; loại hình dịch vụ du lịch lưu trú nghỉ dưỡng núi; sản phẩm Festival văn hóa - du lịch đặc trưng thương hiệu vùng cao. Đồng thời phát triển 04 loại hình sản phẩm, dịch vụ du lịch hỗ trợ cho các sản phẩm chính (Sản phẩm vui chơi, giải trí, ẩm thực - mua sắm sản vật địa phương; du lịch hội thảo, hội nghị (MICE); chăm sóc sức khỏe; lưu niệm quà tặng và du lịch biên giới). Tạo bước cạnh tranh đột phá với các sản phẩm du lịch khác trong và ngoài nước. Đến năm 2025 đón 3 triệu lượt khách (249,750 lượt khách quốc tế; 2.750.250 khách nội địa), tổng thu 1.541 tỷ đồng. Tốc độ tăng trưởng bình quân của khách du lịch giai đoạn 2021-2025 tăng 17%; (*Phụ biểu 01*)

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ

1.1. Xây dựng 06 loại hình sản phẩm du lịch chính:

a) Loại hình du lịch lưu trú nghỉ dưỡng vùng núi:

Ngoài các cơ sở lưu trú cao cấp đang có dự án đầu tư, quan tâm khuyến khích thu hút đầu tư các loại hình cơ sở lưu trú nghỉ dưỡng độc đáo như các biệt thự, Bungalow thấp tầng, dùng vật liệu của bản địa kết hợp với không gian rộng, thoáng, tầm nhìn đẹp,

trồng nhiều hoa, cây cảnh độc đáo của địa phương tạo dịch vụ lưu trú nghỉ dưỡng đặc sắc của vùng núi cao của Lai Châu.

Đầu tư xây dựng cơ sở lưu trú tập trung tại Sìn Hồ, Tam Đường, Phong Thổ, Mường Tè.

b) Sản phẩm du lịch văn hóa

Nhóm sản phẩm di tích danh thắng: Xây dựng các điểm đến gắn với hệ thống các di tích danh thắng dọc tuyến đường Quốc lộ 4D tuyến Tam Đường – Thành phố Lai Châu – Phong Thổ - Nậm Nhùn (các di tích Thác cầu mây và Cổng trời, Thác Tắc Tình, Động Tiên Sơn, Động Hùm xanh (huyện Tam Đường); Quần thể Pusamcap, Động Gia Khâu (Thành phố Lai Châu); Di chỉ khảo cổ học Nậm Tun, Hang Thẳm Tạo, Đền thờ Nàng Han, Hang Kháng chiến Nà Cung, Suối nước nóng Vàng Pó (huyện Phong Thổ); Địa điểm lưu niệm vua Lê Thái Tổ (huyện Nậm Nhùn)... kết nối với tài nguyên du lịch khác thành các điểm thăm quan du lịch văn hóa, tâm linh văn minh, hấp dẫn. Xây dựng tuyến, điểm du lịch dọc Sông Nậm Na và Sông Đà gắn liền với thủy điện Bản Chát – Huổi Quảng (huyện Than Uyên); thủy điện Sơn La – Lai Châu (huyện Nậm Nhùn, Sìn Hồ, Mường Tè)

Nhóm sản phẩm văn hóa dân gian: Xây dựng các tour du lịch trải nghiệm các lễ hội truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

Tại Tam Đường gồm: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội động Tiên Sơn (Thị trấn Tam Đường), Lễ Tủ Cải, Hội nhảy lửa dân tộc Dao (xã Hồ Thầu, Bản Giang), Lễ cúng Tú Tỷ dân tộc Giáy (xã Thèn Sin), Lễ hội Bun Vóc Nậm dân tộc Lào (xã Nà Tăm), Lễ cúng Cầm Mường, Cầm Lung dân tộc Lự (xã Bản Hon);

Thành phố Lai Châu gồm chuỗi các sản phẩm: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội Đền thờ Lê Lợi (Phường Đoàn Kết), Lễ hội Gầu Tào Cha dân tộc Mông (xã Nậm Lông), Lễ cúng Tú Tỷ dân tộc Giáy (xã San Thàng);

Huyện Phong Thổ: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội đua thuyền (Thị trấn Phong Thổ); Lễ hội Nàng Han, Lễ Kin Lầu Khẩu Mẩu dân tộc Thái (xã Mường So), Lễ hội Then Kin Pang dân tộc Thái (xã Không Lào), Lễ hội Gầu Tào dân tộc Mông (xã Đào San), Lễ cúng thần rừng dân tộc Mông (xã Tung Qua Lìn);

Huyện Tân Uyên: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội Xòe Chiêng dân tộc Thái;

Huyện Than Uyên: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội Xòe Chiêng, Lễ Lùng Tùng dân tộc Thái;

Huyện Nậm Nhùn: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội đua thuyền (Thị trấn Nậm Nhùn); Lễ hội Mìn Lóng Phạt, Ngày hội Văn hóa, thể thao và du lịch dân tộc Cống, Mảng, La Hủ, Ưu tiên xây dựng và tổ chức Lễ hội gắn với Đền thờ vua Lê Thái Tổ (xã Lê Lợi);

Huyện Sìn Hồ: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Lễ hội Gủa Tò dân tộc Mông (xã Xà Dề Phìn)

Huyện Mường Tè: Ngày hội Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ngày hội Văn hóa, thể thao và du lịch dân tộc Công, Mảng, La Hủ; Lễ Cúng bản, Tết Ngô dân tộc Công (xã Nậm Khao); Lễ Cúng bản, Tết Com Mới, Tết Mùa Mưa, Tết Năm Mới dân tộc Hà Nhì và La Hủ (xã Ka Lăng, Bum Tở); Lễ Cúng bản, Tết Com mới dân tộc Si La (xã Kan Hồ)

Xây dựng các chương trình nghệ thuật biểu diễn phục vụ du khách (thời kèn lá, kèn môi, múa khèn, múa chuông, múa nón, đàn tính, pí kéo, chiêng, trống... dân ca dân vũ, các chương trình nghệ thuật đương đại), khuyến khích quần chúng nhân dân, các nghệ nhân, người am hiểu, nắm giữ và thực hành di sản tham gia giao lưu cùng du khách. Tái hiện lại không gian sinh hoạt văn hóa truyền thống của cộng đồng các dân tộc. Xây dựng Bảo tàng Lai Châu thành điểm thăm quan trải nghiệm độc đáo và trở thành trung tâm nghiên cứu khoa học về di chỉ khảo cổ, văn hóa, lịch sử.

Sản phẩm du lịch chợ phiên: Xây dựng các tour du lịch gắn với việc tham quan, trải nghiệm các chợ phiên: chợ San Thàng (thứ 5, chủ nhật), chợ Dào San (Chủ nhật), chợ Mường So, chợ Sìn Hồ... Xây dựng hạ tầng giao thông, hạ tầng chợ đồng thời tích cực bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc vùng cao.

c) Sản phẩm du lịch cộng đồng: Xây dựng điểm du lịch cộng đồng đặc sắc tại Động Tiên Sơn, bản Nà Luông, Bản Hon, bản Sìn Thâu Chải, đỉnh Pu Ta Leng, Đèo Hoàng Liên Sơn, Thác Tác Tinh, bản Nà Khương, Bản Lao Chải, Bản Thăm (huyện Tam Đường); Khu danh thắng Pusamcap, bản San Thàng, Gia Khâu 1,2, Long Tỷ Phùng (Thành phố Lai Châu); bản Vàng Pheo, Vàng Pó, bản Nà Củng, Sìn Suối Hồ (Phong Thổ); Thị trấn Sìn Hồ (huyện Sìn Hồ); bản Pú Dao (huyện Nậm Nhùn)... Mỗi điểm du lịch cộng đồng khai thác gắn với bản sắc văn hóa tạo đặc trưng riêng.

d) Sản phẩm du lịch sinh thái, nông nghiệp: Đầu tư các dự án du lịch sinh thái, trải nghiệm danh thắng ruộng bậc thang tại huyện Tam Đường. Đồi chè có cảnh quan đẹp tại huyện Tam Đường, Tân Uyên, Thành phố Lai Châu; vùng trồng cây dược liệu, cây công nghiệp, cây ăn quả ôn đới huyện Sìn Hồ, Mường Tè; du thuyền trên Sông Đà, Sông Nậm Na (Phong Thổ, Sìn Hồ, Nậm Nhùn), Du lịch lòng hồ thủy điện tại (Than Uyên, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè). Xây dựng các làng hoa tại Tam Đường, Thành phố Lai Châu gắn với các dịch vụ du lịch nhà vườn Bungalow để khách du lịch trải nghiệm... Tiếp tục khai thác đưa vào các tour du lịch sinh thái trải nghiệm gắn với sản xuất nông nghiệp.

e) Du lịch thể thao mạo hiểm: Phát triển du lịch leo núi chinh phục đỉnh, Bạch Mộc Nương Tử, đỉnh Pu Ta Leng, dù lượn (huyện Tam Đường), đỉnh Pusilung (huyện Mường Tè). Phục dựng làm phong phú các loại hình đua ngựa truyền thống dân tộc Mông (huyện Tam Đường, Thành phố Lai châu, Sìn Hồ, Phong Thổ).

g) Sản phẩm Festival văn hóa - du lịch đặc trưng thương hiệu vùng cao: Xây dựng các sự kiện văn hóa, du lịch trở thành thương hiệu độc đáo mang sắc thái riêng như: Ngày hội Văn hóa, Thể thao, du lịch các cấp; Tuần du lịch, Ngày hội văn hóa dân tộc Thái, Mông, Dao...

1.2. Xây dựng các dòng sản phẩm, loại hình dịch vụ du lịch bổ trợ

a) *Sản phẩm vui chơi, giải trí, ẩm thực - mua sắm sản vật địa phương*: Hoàn thiện các khu vui chơi giải trí mua sắm tại Thác Cầu mây và Cổng trời, chợ đêm San Thàng (huyện Tam Đường); Long Tỹ Phùng, Pusamcap (thành phố Lai Châu và cao nguyên Sìn Hồ).

Phát triển nghề thủ công truyền thống dân tộc Lự (huyện Tam Đường), ẩm thực dân tộc Thái (huyện Phong Thổ)... Hình thành các cửa hàng bán các sản vật của địa phương đúng xuất xứ nguồn gốc tại thành phố Lai Châu và trung tâm các huyện đáp ứng nhu cầu mua sắm, ẩm thực của du khách. Xây dựng các sản phẩm từ sản vật, nghề thủ công truyền thống của địa phương đạt tiêu chuẩn OCOP.

b) *Du lịch hội nghị hội thảo (MICE)*: Xây dựng thành phố Lai Châu thành trung tâm tổ chức hội nghị, hội thảo lớn cấp khu vực, quốc gia hiện đại mang bản sắc văn hóa độc đáo của vùng Tây Bắc. Các cơ sở lưu trú chất lượng từ 4 – 5 sao, các khu resort cao cấp đủ tiêu chuẩn có các phòng hội thảo, phòng họp quy mô lớn đáp ứng nhu cầu khách tới dự hội thảo, hội nghị tại Lai Châu kết hợp thăm quan du lịch.

c) *Chăm sóc sức khỏe*: Thu hút đầu tư xây dựng mô hình trồng thảo dược, trung tâm dược liệu chăm sóc sức khỏe tại Sìn Hồ, Mường Tè với các dược liệu quý Atiso, trà Giảo Cổ Lam, trà dây, tam thất, đương quy, thuốc tắm dân tộc Dao gắn với trải nghiệm các dịch vụ tắm thuốc lá người Dao, ngâm chân, Spa làm đẹp chăm sóc sức khỏe và các mô hình ẩm thực, lưu trú qua đêm.

d) *Lưu niệm quà tặng*: Thiết kế sản xuất các mẫu quà tặng, quà lưu niệm ý nghĩa gắn với các danh thắng đặc trưng của tỉnh Lai Châu. Đẩy mạnh phát triển làng nghề, tiểu thủ công nghiệp truyền thống sản xuất các sản phẩm hàng hóa lưu niệm đặc sắc phục vụ nhu cầu của khách du lịch. Đặc biệt nghề thêu dệt thổ cẩm của người Lự, đan mũ lông đuôi ngựa của người Dao, chế tác Khèn của người Mông (Tam Đường); chế tác tính tấu của người Thái (Phong Thổ); nghề mây tre đan của người Mảng (Nậm Nhùn)...Đặc biệt là quà lưu niệm gắn với Bảo vật quốc gia Bia Lê Lợi, Địa điểm lưu niệm, đền thờ vua Lê Thái Tổ, thủy điện Lai Châu (huyện Nậm Nhùn)

Phần thứ ba

GIẢI PHÁP VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

I. GIẢI PHÁP

1. Nhóm giải pháp nâng cao nhận thức, năng lực quản lý nhà nước, phối hợp giữa các sở, ngành, chính quyền địa phương.

Tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cộng đồng về phát triển du lịch và xây dựng sản phẩm du lịch. Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước về du lịch từ tỉnh đến các địa phương. Phối hợp chặt chẽ trong việc đầu tư, xây dựng, phát triển các sản phẩm du lịch mới, sản phẩm đặc thù. Tăng cường kiểm tra giám sát quản lý, duy trì chất lượng dịch vụ, vệ sinh an toàn thực phẩm tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh trong quá trình xây dựng sản phẩm, dịch vụ du lịch. Tổ chức các chuyến tham quan, học tập kinh nghiệm phát triển du lịch, các mô hình sản phẩm du lịch đặc trưng ở trong và ngoài nước, nâng cao nhận thức về phát triển sản phẩm du lịch.

2. Nhóm giải pháp bảo tồn văn hóa gắn với phát triển sản phẩm du lịch:

Thực hiện việc bảo tồn sống các di sản văn hóa trong cộng đồng, khuyến khích người dân tự trao truyền các giá trị di sản văn hóa. Hỗ trợ cộng đồng bảo tồn di sản, tôn tạo di tích. Mở các lớp tập huấn về nghề thủ công. Tăng cường công tác quảng bá di sản văn hóa đặc trưng của mỗi dân tộc, nhóm ngành dân tộc ở mỗi địa phương để khách du lịch có những lựa chọn khác nhau cho các chuyến tham quan. Xây dựng, phát triển đội ngũ các nghệ nhân văn hóa dân gian tiêu biểu.

3. Nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách đầu tư:

Ban hành chính sách hỗ trợ phát triển du lịch, hỗ trợ về đầu tư hạ tầng tại các điểm du lịch (bãi đỗ xe, đường giao thông kết nối điểm du lịch, nhà đón tiếp, nhà vệ sinh công cộng); hỗ trợ xây dựng sản phẩm du lịch; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực du lịch; hỗ trợ tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển du lịch; hỗ trợ công tác xúc tiến, quảng bá du lịch. Ưu tiên về vốn vay, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, thuê đất ổn định lâu dài đối với các dự án đầu tư phát triển sản phẩm du lịch đặc trưng, có sức cạnh tranh.

Chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phát triển du lịch bao gồm hạ tầng kỹ thuật, môi trường đảm bảo đủ điều kiện phục vụ khách du lịch. Tập trung nguồn lực đầu tư giao thông đường bộ kết nối giao thông từ thành phố Lai Châu đi Lào Cai, Điện Biên và các địa phương trọng điểm về du lịch; nâng cấp các tuyến đường nội thị, các tuyến đường kết nối Thành phố Lai Châu đi tới các điểm du lịch. Xây dựng các nhà vệ sinh công cộng đạt chuẩn cho khách du lịch tại các trọng điểm du lịch (Thành phố Lai Châu, Tam Đường, Phong Thổ). Đầu tư đủ hệ thống điện, nước, hạ tầng viễn thông, ngân hàng đảm bảo đáp ứng nhu cầu du khách tại các trọng điểm du lịch.

4. Nhóm giải pháp xúc tiến quảng bá sản phẩm du lịch

Lựa chọn các sản phẩm du lịch đặc trưng giới thiệu hàng năm tại các hội nghị xúc tiến du lịch tại các trung tâm du lịch lớn của cả nước, tổ chức các đoàn khảo sát sản phẩm du lịch cho các hãng lữ hành, báo chí trải nghiệm các sản phẩm du lịch mới tại Lai Châu. Quan tâm xúc tiến các thị trường du lịch tại Châu Âu, Châu Á. Triển khai hiệu quả du lịch thông minh (cổng thông tin du lịch, kho dữ liệu văn hóa du lịch, quản lý lưu trú thông minh). Xây dựng bộ công cụ nhận diện thương hiệu khu du lịch.

Quan tâm xây dựng đô thị thông minh thích ứng với cuộc cách mạng 4.0. Xây dựng phần mềm du lịch thông minh “Cổng thông tin du lịch thông minh tỉnh Lai Châu” và “Ứng dụng du lịch thông minh trên smartphone”

5. Nhóm giải pháp về bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch:

Chú trọng việc đánh giá tác động môi trường (ĐTM) các dự án du lịch, tăng cường kiểm tra hoạt động xử lý nước thải, chất thải ở các khu, điểm du lịch. Khuyến khích các doanh nghiệp du lịch áp dụng công nghệ thân thiện môi trường, tiết kiệm năng lượng (điện, nước) kinh doanh. Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn xanh cho các cơ sở dịch vụ lưu trú của Lai Châu. Tăng cường chiến dịch thu gom, xử lý rác thải tại các khu, điểm du lịch trên địa bàn toàn tỉnh. Triển khai chương trình giáo dục toàn dân và giáo dục trong các trường học về tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường; giáo dục nâng cao nhận

thức về bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch cho khách du lịch, cộng đồng dân cư thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua bộ quy tắc ứng xử du lịch của Lai Châu.

6. Nhóm giải pháp về đẩy mạnh liên kết vùng miền và hợp tác trong nước, quốc tế trong xây dựng sản phẩm du lịch:

Tiếp tục duy trì liên kết du lịch 8 tỉnh Tây Bắc mở rộng trong phát triển chuỗi sản phẩm du lịch. Hợp tác tích cực với tỉnh Vân Nam Trung Quốc, các tỉnh Bắc Lào trong xây dựng các chương trình, sản phẩm du lịch thăm quan hai bên. Quan tâm mở rộng quan hệ đối tác quốc tế ... trong đào tạo, xây dựng sản phẩm du lịch và mở rộng thị trường khách du lịch. Tranh thủ các dự án nước ngoài tài trợ từ các nguồn ODA, nguồn tài trợ, nguồn dự án bình đẳng giới trong xây dựng phát triển các chính sách, sản phẩm du lịch.

7. Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng:

Ưu tiên rà soát đào tạo nguồn nhân lực du lịch đáp ứng nhu cầu các đơn vị kinh doanh du lịch hướng tới phục vụ khách thân thiện, chuyên nghiệp. Tập huấn tăng cường năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về du lịch. Thực hiện chuẩn hóa nguồn nhân lực du lịch, xây dựng đội ngũ lao động đáp ứng yêu cầu về ngành nghề đào tạo. Tăng cường liên kết với các trường trong nước hoặc quốc tế về công tác đào tạo nguồn nhân lực. Mở các lớp tập huấn cho cộng đồng, hướng dẫn viên tại điểm, nâng cao kiến thức, kỹ năng nghề du lịch.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Ban Cán sự đảng UBND tỉnh nghiên cứu, ban hành thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù, nguồn lực thực hiện, xây dựng Đề án, kế hoạch, chỉ đạo các sở, ban, ngành của tỉnh phối hợp triển khai; tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện; định kỳ tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá đúng tình hình kết quả tổ chức thực hiện giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

2. Các huyện uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc lãnh đạo, chỉ đạo học tập, quán triệt, tuyên truyền, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện kịch bản đảm bảo sát với yêu cầu, thực tiễn của địa phương, đơn vị, phát huy hiệu quả, thiết thực.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ chủ trì, phối hợp với các ban đảng tỉnh, Văn phòng Tỉnh uỷ, hướng dẫn tuyên truyền, học tập, quán triệt sâu rộng đến các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh về nội dung của Đề án, tạo sự thống nhất cao về tư tưởng, ý chí và hành động, quyết tâm thực hiện đạt kết quả cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

4. Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn lãnh đạo Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể cụ thể hoá nhiệm vụ, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân nâng cao ý thức trách nhiệm về phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đề ra./.